

QUYÊN “BẢY”
(Sattaka-Nipāta)

VỀ BẢN DỊCH AN

- Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pāli-Anh của nhà sư Tỳ Kheo Bò-Đề (*Bhikkhu Bodhi*, đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên thâm, nhà từ thiện). Có nhiều chỗ tham chiếu với các phiên bản của nhà sư Ajahn Sujato và PTS.

- Để quý vị hình dung nhanh: Bộ Kinh AN này có 11 QUYỂN (*nipāta*) được đặt tên lần lượt từ QUYỂN “MỘT” cho đến QUYỂN “MƯỜI MỘT”, trong đó “Một”... vừa là tên của Quyển kinh (nói về một điều, một pháp, một người...) vừa là số thứ tự của Quyển kinh. Mỗi Quyển lại có nhiều NHÓM kinh (*vagga, phāṃ*), toàn bộ kinh AN này có 180 NHÓM kinh, gồm có 8.122 bài kinh (và kinh tóm lược). Các Quyển 1, 2 và 11 đơn giản đánh số các NHÓM kinh từ 1 đến cuối. Các Quyển từ 3-10 thì gom các NHÓM kinh thành những phần “Năm Mười Kinh” và một số phần “thêm vào” phần “Năm Mười Kinh” cuối.

- Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa của câu hay chữ chỗ đó.

- Các giải thích, diễn dịch, và cả những phần chú thích cuối sách, trong ngoặc vuông [...] là của thầy Tỳ Kheo Bò-Đề (có chỗ ghi luôn [TKBĐ]).

- Các chú giải thuộc các giảng luận (như Mp, Mp-ṭ...) thì đã được ghi rõ ngay đầu câu.

- Có những số hiệu và thông tin các kinh được TKBĐ dẫn ra trong các chú thích để chỉ ra sự trùng lặp, so sánh, đối chiếu... là các số hiệu của PTS (như đã giải thích trong “BẢNG VIỆT TẮT” ở cuối sách). Người dịch Việt cũng cố gắng đưa ra những số hiệu kinh tương ứng trong bản dịch Pāli-Anh của TKBĐ, (như các bản dịch Việt).

- Cuối mỗi chú thích của bản dịch Việt có ghi một số trong ngoặc tròn, ví dụ: (8), (241) ... đó là số của các chú thích trong bản dịch Pāli-Anh của TKBĐ. Mục đích để cho những người đọc muốn đối chiếu chúng với những chú thích tiếng Việt.

- Một số chữ Hán-Việt đã rất quen dùng bởi các Phật tử Việt Nam thì được người dịch mở ngoặc ghi thêm, ví dụ: sự tạo-tác cố-ý (hành), những hiện-tượng (các pháp), nhận-thức (tưởng), gôi ngòi thiền (tọa cụ) ...

+ Lời nhắn gửi của người dịch: *người tu học nên lần lượt đọc hết những lời dạy của Phật*, một cách không mấy khó khăn. Mỗi ngày dành ít thời gian đọc một NHÓM kinh dài hay vài NHÓM kinh ngắn, thì trong số ít ngày quý vị sẽ đọc hết bộ kinh. Bản dịch Việt này ai cũng có thể đọc hiểu được. Đọc qua các kinh sẽ có một cách-nhìn bao quát hơn mà sâu sắc và đúng đắn hơn về đạo Phật, giác ngộ giáo lý đích thực của Phật để tu hành.

Do bộ kinh có nhiều NHÓM kinh với các chủ-đề khác nhau nên quý vị có thể chọn bất kỳ Quyển nào hoặc trong một Quyển có thể chọn chủ-đề nào mình quan tâm để đọc trước. Nhìn vào Mục Lục sẽ thấy. Nếu không phải ưu tiên quan tâm hay cần tra cứu theo những chủ-đề nào đó, quý vị hãy đọc từ đầu đến cuối một Quyển kinh...

và một Bộ kinh.

+ Nên *đọc một bài kinh từ đầu đến cuối* để nắm được nghĩa chính của kinh, ngay cả khi có chữ nào khó hiểu. Vì nếu cứ dừng lại để tra chú thích những chữ đó thì người đọc có thể bị lạc khỏi chủ-đề của kinh, do tâm trí chúng ta hay chuyên nhảy qua các chủ đề và liên tưởng khác khi đọc các chú thích này nọ. Nếu có chữ nào hay thuật ngữ nào không hiểu thì nên đọc chú thích để hiểu. Nếu đã đọc và hiểu nghĩa các câu chữ thì không cần phải tra cứu chú thích, vì đa phần những chú thích chỉ là những diễn dịch và giải thích của các giảng luận sau kinh.

+ Là phước lành lớn lao nhất trong muôn vàn kiếp, người dịch đã gặp gỡ và hưởng dụng đại công trình dịch thuật tận tâm và kỹ càng nhất của Ngài Tỳ Kheo Bồ-Đề từ Tạng Kinh Pāli, dựa vào đó dịch các bộ kinh ra tiếng Việt phổ thông. Mãi mãi biết ơn và cảm niệm công đức như thái dương của thầy.

*Nhà Bè, mùa đại dịch Covid-19 (PL 2564)
(dịch xong và in giữa năm 2020)*

MỤC LỤC

Về Bản Dịch AN	iii
[Năm Mười Kinh Đầu]	1
NHÓM 1. SỰ GIÀU CÓ	1
1 (1) <i>Dễ Mến (1)</i>	1
2 (2) <i>Dễ Mến (2)</i>	2
3 (3) <i>Những Năng Lực - Nói Ngắn Gọn</i>	3
4 (4) <i>Những Năng Lực - Nói Chi Tiết</i>	3
5 (5) <i>Sự Giàu Có - Nói Ngắn Gọn</i>	5
6 (6) <i>Sự Giàu Có – Nói Chi Tiết</i>	6
7 (7) <i>Tể Tướng Uggā</i>	7
8 (8) <i>Những Gông Cùm</i>	8
9 (9) <i>Sự Đẹp Bỏ</i>	8
10 (10) <i>Sự Keo Kiệt</i>	9
NHÓM 2. NHỮNG KHUYNH-HƯỚNG TIỀM-ẨN	9
11 (1) <i>Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn (1)</i>	9
12 (2) <i>Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn (2)</i>	10
13 (3) <i>Những Gia Đình</i>	10
14 (4) <i>Những Loại Người</i>	11
15 (5) <i>Giống Những Người Dưới Nước</i>	12
16 (6) <i>Vô Thường</i>	14
17 (7) <i>Khổ</i>	16
18 (8) <i>Vô Ngã</i>	16

19	(9) <i>Hạnh Phúc</i>	17
20	(10) <i>Những Cơ Sở Để [Thành Người] ‘Không Có Mùì’</i>	18
NHÓM 3. VAIJI BẢY		18
21	(1) <i>Ngôi Đền Mái Nhọn</i>	18
22	(2) <i>Tể Tướng Vassakāra</i>	20
23	(3) <i>Không Sa Sút (1)</i>	24
24	(4) <i>Không Sa Sút (2)</i>	25
25	(5) <i>Không Sa Sút (3)</i>	26
26	(6) <i>Không Sa Sút (4)</i>	27
27	(7) <i>Không Sa Sút (5)</i>	27
28	(8) <i>Một Học Nhân</i>	28
29	(9) <i>Sự Sa Sút</i>	29
30	(10) <i>Thất Bại</i>	31
31	(11) <i>Sựp Đổ</i>	31
NHÓM 4. NHỮNG THIÊN THẦN		31
32	(1) <i>Sự Chuyên Chú</i>	31
33	(2) <i>Sự Biết Xấu Hổ Về Mặt Đạo Đức</i>	32
34	(3) <i>Dễ Tu Sửa (1)</i>	33
35	(4) <i>Dễ Tu Sửa (2)</i>	34
36	(5) <i>Một Người Bạn (1)</i>	35
37	(6) <i>Một Người Bạn (2)</i>	36
38	(7) <i>Trí Biết Mang Tính Phân Tích (1)</i>	37
39	(8) <i>Trí Biết Mang Tính Phân Tích (2)</i>	37
40	(9) <i>Sự Làm Chủ (1)</i>	38

41	(10) <i>Sự Làm Chủ</i> (2).....	38
42	(11) <i>Những Cơ Sở Để [Thành Người] “Không Có Mườì”</i> (1).....	39
43	(12) <i>Những Cơ Sở Để [Thành Người] “Không Có Mườì”</i> (2).....	41
NHÓM 5. CÚNG TẾ LỚN		42
44	(1) <i>Trạm Trú</i>	42
45	(2) <i>Những Phụ liệu</i>	43
46	(3) <i>Lửa</i>	44
47	(4) <i>Sự Cúng Tế</i>	44
48	(5) <i>Những Nhận Thức</i> (1)	48
49	(6) <i>Những Nhận Thức</i> (2)	49
50	(7) <i>Sự Dâm Dục</i>	55
51	(8) <i>Sự Phối Hợp</i>	58
52	(9) <i>Sự Bố Thí</i>	60
53	(10) <i>Nandamāṭā</i>	64
[Năm Mười Kinh Thứ Hai]		69
NHÓM 1. KHÔNG ĐƯỢC TUYÊN BỐ.....		69
54	(1) <i>Không Được Tuyên BỐ</i> (1).....	69
55	(2) <i>Những Nơi Đến Của Những Người Tu</i>	71
56	(3) <i>Tissa</i>	76
57	(4) <i>Tướng Quân Sīha</i>	80
58	(5) <i>Không Cần Che Giấu</i>	83
59	(6) <i>Ngài Kimbila</i>	85
60	(7) <i>Bảy Phẩm Chất</i>	86
61	(8) <i>Ngũ Gục</i>	87

62	<i>(9) Đùng Sợ Công Đức</i>	90
63	<i>(10) Những Người Vợ</i>	93
64	<i>(11) Sân Hận</i>	96
NHÓM 2. NHÓM LỚN		101
65	<i>(1) Sự Xấu Hổ Về Mặt Đạo Đức</i>	101
66	<i>(2) Mặt Trời</i>	102
67	<i>(3) Ví Dụ Thành Trì</i>	108
68	<i>(4) Người Biết Giáo Pháp</i>	115
69	<i>(5) Pāricchattaka</i>	119
70	<i>(6) Tôn Vinh</i>	122
71	<i>(7) Sự Tu Tập</i>	126
72	<i>(8) Lửa</i>	129
73	<i>(9) Sunetta</i>	136
74	<i>(10) Araka</i>	137
NHÓM 3. GIỚI LUẬT		140
75	<i>(1) Bạc Trì Luật (1)</i>	140
76	<i>(2) Bạc Trì Luật (2)</i>	140
77	<i>(3) Bạc Trì Luật (3)</i>	141
78	<i>(4) Bạc Trì Luật (4)</i>	142
79	<i>(5) Một Bạc Trì Luật Là Sáng Ngời (1)</i>	142
80	<i>(6) Một Bạc Trì Luật Là Sáng Ngời (2)</i>	142
81	<i>(7) Một Bạc Trì Luật Là Sáng Ngời (3)</i>	143
82	<i>(8) Một Bạc Trì Luật Là Sáng Ngời (4)</i>	143
83	<i>(9) Giáo Lý</i>	143

84	(10) <i>Sự Giải Quyết</i>	144
NHÓM 4. MỘT TU SĨ		144
85	(1) <i>Một Tỳ Kheo</i>	144
86	(2) <i>Một Tu Sĩ</i>	145
87	(3) <i>Một Bà-la-môn</i>	145
88	(4) <i>Một Học Giả</i>	145
89	(5) <i>Được Gọi Rửa</i>	145
90	(6) <i>Một Bạc Thầy Hiểu Biết</i>	145
91	(7) <i>Một Bạc Thánh</i>	145
92	(8) <i>Một A-la-hán</i>	146
93	(9) <i>Tính Khí (1)</i>	146
94	(10) <i>Tính Khí (2)</i>	146
NHÓM 5. ĐÁNG ĐƯỢC TẶNG QUÀ		146
95	(1) <i>Quán Sát Sự Vô Thường Trong Mắt</i>	146
96	(2) – 102 (8) <i>Quán Sát Sự Khổ Trong Mắt</i>	148
103	(9) – 614 (520) <i>Sự Vô Thường Trong Tai</i>	149
NHÓM 6. NHÓM “THAM” LẬP LẠI & TÓM LƯỢC		151
615	(1)	151
616	(2)	151
617	(3)	151
618	(4) – 644 (30)	152
619	(31) – 1124 (510)	152
BẢNG VIẾT TẮT		155
CHÚ THÍCH		161

*Kính Lễ Đức Thế Tôn,
bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!*

[Năm Mười Kinh Đầu]

NHÓM 1
SỰ GIÀU CÓ

1 (1) Dẽ Mến (1)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, có bảy phẩm chất, một Tỳ kheo là khó ưa (khó thích, khó mến) và khó chịu (khó hài lòng, bất đồng) bởi những Tỳ kheo đồng đạo, và cũng không được họ kính trọng hay tôn trọng. Bảy đó là gì?¹²⁹¹ Ở đây, (1) một Tỳ kheo ham muốn lợi-lộc, (2) sự tôn-vinh, và (3) danh-tiếng;¹²⁹² (4) người đó không biết xấu-hổ về mặt đạo đức, và (5) bất-an về mặt đạo đức; (6) người đó có những tham-muốn xấu ác, và (7) nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Có bảy phẩm chất này, một

Tỳ kheo là khó ưa và khó chịu bởi những Tỳ kheo đồng đạo, và cũng không được họ kính trọng hay tôn trọng.

“Này các Tỳ kheo, có được bảy phẩm chất, một Tỳ kheo là dễ mến (dễ thích, dễ ưa) và dễ chịu (hài lòng, thuận tình) bởi những Tỳ kheo đồng đạo, và cũng được họ tôn kính và kính trọng. Bảy đó là gì? Ở đây, (1) một Tỳ kheo không ham muốn lợi-lộc, (2) sự tôn-vinh, và (3) danh-tiếng; (4) người đó biết xấu-hổ về mặt đạo đức, và (5) biết sợ-hãi về mặt đạo đức; (6) người đó có ít tham-muốn, và (7) nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Có được bảy phẩm chất này, một Tỳ kheo là dễ mến và dễ chịu bởi những Tỳ kheo đồng đạo, và cũng được họ tôn kính và kính trọng.”

2 (2) *Dễ Mến* (2)

“Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, có bảy phẩm chất, một Tỳ kheo là khó ưa và khó chịu bởi những Tỳ kheo đồng đạo, và cũng không được họ kính trọng hay tôn trọng. Bảy đó là gì? Ở đây, (1) một Tỳ kheo ham muốn lợi-lộc, (2) sự tôn-vinh, và (3) danh-tiếng; (4) người đó không biết xấu-hổ về mặt đạo đức, và (5) bất-an về mặt đạo đức; (6) người đó ghen tỵ, và (7) keo kiệt. Có bảy phẩm chất này, một Tỳ kheo là khó ưa và khó chịu bởi những Tỳ kheo đồng đạo, và cũng không được họ kính trọng hay tôn trọng.

“Này các Tỳ kheo, có được bảy phẩm chất, một Tỳ kheo là dễ mến và dễ chịu bởi những Tỳ kheo đồng đạo, và cũng được họ tôn trọng và kính trọng. Bảy đó là gì? Ở đây, (1) một Tỳ kheo không ham muốn lợi-lộc, (2) sự tôn-vinh, và (3) danh-tiếng; (4) người đó biết xấu-hổ về

mặt đạo đức, và (5) biết sợ-hãi về mặt đạo đức; (6) người đó không ghen-ty, và (7) không keo kiệt. Có được bảy phẩm chất này, một Tỳ kheo là dễ mến và dễ chịu bởi những Tỳ kheo đồng đạo, và cũng được họ tôn kính và kính trọng.”

3 (3) Những Năng Lực - Nói Ngắn Gọn

“Này các Tỳ kheo, có bảy năng-lực này. Bảy đó là gì? Năng lực niềm-tin, năng lực nỗ-lực, năng lực biết xấu-hổ về mặt đạo đức, năng lực biết sợ-hãi về mặt đạo đức, năng lực chánh-niệm, năng lực định-tâm, và năng lực trí-tuệ. Đây là bảy năng lực.”

Năng lực niềm-tin, năng lực nỗ-lực,
 Năng lực biết xấu-hổ và biết sợ-hãi về mặt đạo đức,
 Năng lực chánh-niệm, năng lực định-tâm,
 Và trí-tuệ là năng lực thứ bảy;
 Một Tỳ kheo có được những năng lực này là trí hiền,
 Và sống một cách hạnh phúc.

Người đó xem xét Giáo Pháp một cách kỹ càng,
 Và nhìn thấy ý nghĩa một cách sâu sắc bằng trí-tuệ.
 Giống như sự tắt lửa ngọn đèn dầu,
 Là sự giải-thoát của cái tâm.

4 (4) Những Năng Lực - Nói Chi Tiết

“Này các Tỳ kheo, có bảy năng lực này. Bảy đó là gì? Năng lực niềm-tin, năng lực nỗ-lực, năng lực biết xấu-hổ về mặt đạo đức, năng lực biết sợ-hãi về mặt đạo đức, năng lực chánh-niệm, năng lực định-tâm, và năng lực trí-tuệ.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là năng lực niềm-tin (tín)? Ở đây,

một đệ tử thánh thiện được phú cho niềm-tin. Người đó đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vậy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán, đã giác ngộ toàn thiện, đã thành tựu về sự hiểu-biết trực-tiếp (chân trí) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Đây được gọi là năng lực niềm-tin.

(2) “Và cái gì là năng lực nỗ-lực (tinh tấn)? Ở đây, một Tỳ kheo phát khởi nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện; người đó là mạnh mẽ, vững vàng trong sự cố gắng, không lơ lảng bỏn phận tu dưỡng những phẩm chất thiện. Đây được gọi là năng lực nỗ-lực.

(3) “Và cái gì là năng lực biết xấu-hổ về mặt đạo đức? Ở đây, một đệ tử thánh thiện có cảm nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức; người đó xấu hổ với những hành vi sai trái của thân, lời nói, và tâm (ba ác hành); người đó xấu hổ với sự tích tạo những phẩm chất xấu ác, bất thiện. Đây được gọi là năng lực biết xấu-hổ về mặt đạo đức.

(4) “Và cái gì là năng lực biết sợ-hãi về mặt đạo đức? Ở đây, một đệ tử thánh thiện sợ những việc làm sai trái; người đó sợ hãi những hành vi sai trái của thân, lời nói, và tâm (ba ác hành); người đó sợ hãi với sự tích tạo những phẩm chất xấu ác, bất thiện. Đây được gọi là năng lực biết sợ-hãi về mặt đạo đức.

(5) “Và cái gì là năng lực chánh-niệm? Ở đây, một đệ tử thánh thiện là có chú-tâm, có được sự chánh-niệm và sự rõ-biết (tinh giác) cao nhất, là người ghi nhớ và nhớ lại điều đã được làm và được nói từ lâu. Đây được gọi là năng lực chánh-niệm.

(6) “Và cái gì là năng lực định-tâm? Ở đây, tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một đệ tử thánh thiện chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ

nhất (Nhất thiên) ... [*tiếp tục mô tả sự chứng nhập bốn tầng thiên định như trong kinh 5:14, đoạn (4)*] ... Đây được gọi là năng lực định-tâm.

(7) “Và cái gì là năng lực trí-tuệ? Ở đây, một đệ tử thánh thiện là khôn trí; người đó có được loại trí-tuệ nhận thấy sự sinh và diệt, (trí-tuệ đó) là thánh thiện và mang tính thâm nhập và dẫn tới hoàn toàn diệt-khổ. Đây được gọi là năng lực trí-tuệ.

“Này các Tỳ kheo, đây là bảy năng lực.”

[*Phần thi kệ giống như kinh 7:03 kể trên.*]

5 (5) Sự Giàu Có - Nói Ngắn Gọn

“Này các Tỳ kheo, có bảy loại sự giàu có. Bảy đó là gì? Sự giàu có về niềm-tin, sự giàu có về giới-hạnh, sự giàu có về cảm nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức, sự giàu có về cảm nhận biết sợ-hãi về mặt đạo đức, sự giàu có về học hiểu, sự giàu có về tâm rộng-lòng bố thí, và sự giàu có về trí-tuệ. Đây là bảy loại sự giàu có.”

Sự giàu có về niềm-tin, sự giàu có về giới-hạnh,
 Sự giàu có về cảm nhận biết xấu-hổ và sợ-hãi về mặt đạo đức,
 Sự giàu có về học hiểu, sự giàu có về tâm bố thí,
 Và trí-tuệ là loại giàu có thứ bảy:

Khi một người có bảy loại sự giàu có này,
 Dù đó là nữ hay nam,
 Người ta nói người đó không nghèo,
 Rằng người đó sống cuộc sống không vô ích.

Bởi vậy một người thông minh,
 Ghi nhớ giáo lý của Đức Phật,
 Nên nhắm tới niềm-tin và giới-hạnh,
 Nhắm tới sự tự-tin và tầm-nhìn của Giáo Pháp.

6 (6) Sự Giàu Có – Nói Chi Tiết

“Này các Tỳ kheo, có bảy loại sự giàu có. Bảy đó là gì? Sự giàu có về niềm-tin, sự giàu có về giới-hạnh, sự giàu có về cảm nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức, sự giàu có về cảm nhận biết sợ-hãi về mặt đạo đức, sự giàu có về học hiểu, sự giàu có về tâm rộng-lòng bố thí, và sự giàu có về trí-tuệ.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự giàu có về niềm-tin (tín)? Ở đây, một đệ tử thánh thiện được phú cho niềm-tin. Người đó đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vậy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Đây được gọi là sự giàu có về niềm-tin.

(2) “Và cái gì là sự giàu có về giới-hạnh (giới)? Ở đây, một đệ tử thánh thiện kiêng cử sát sinh, kiêng cử gian cấp, kiêng cử tà dục tà dâm, kiêng cử nói láo nói sai, kiêng cử uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Đây được gọi là sự giàu có về giới-hạnh.

(3) “Và cái gì là sự giàu có về cảm nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức? Ở đây, một đệ tử thánh thiện có cảm nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức; người đó xấu hổ với những hành vi sai trái của thân, lời nói, và tâm (ba ác hành); người đó xấu hổ với sự tích tạo những phẩm chất xấu ác, bất thiện. Đây được gọi là sự giàu có về sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức.

(4) “Và cái gì là sự giàu có về cảm nhận biết sợ-hãi về mặt đạo đức? Ở đây, một đệ tử thánh thiện sợ những việc làm sai trái; người đó sợ hãi những hành vi sai trái của thân, lời nói, và tâm (ba ác hành); người đó sợ hãi với sự tích tạo những phẩm chất xấu ác, bất thiện. Đây được gọi là sự giàu có về cảm nhận biết sợ-hãi về mặt đạo đức.

(5) “Và cái gì là sự giàu có về học-hiểu.¹²⁹³ Ở đây, một đệ tử thánh thiện đã học nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở phần đầu, tốt lành ở phần giữa, và tốt lành ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). Đây được gọi là sự giàu có về học-hiểu.

(6) “Và cái gì là sự giàu có về tâm rộng-lòng bố thí? Ở đây, một đệ tử thánh thiện sống ở nhà với một cái tâm không bị dính nhiễm tính keo-kiệt, rộng lòng bố thí, giang tay giúp đỡ, vui thích sự từ-bỏ, là người tận tâm với việc từ-thiện, vui thích sự cho-đi và chia-sẻ. Đây được gọi là sự giàu có về tâm rộng-lòng bố thí.

(7) “Và cái gì là sự giàu có về trí-tuệ? Ở đây, một đệ tử thánh thiện có được loại trí-tuệ nhận thấy sự sinh và diệt, (trí-tuệ đó) là thánh thiện và mang tính thâm nhập và dẫn tới hoàn toàn diệt-khổ. Đây được gọi là sự giàu có về trí-tuệ.

“Này các Tỳ kheo, đây là bảy loại sự giàu có.”

[*Phần thi kệ giống như kinh 7:05 kể trên.*]

7 (7) Tể Tướng Ugga

Lúc đó có ông Ugga là tể tướng của nhà vua đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào¹²⁹⁴ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Ngài, thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, là cách ông Migāra ở xứ Rohaṇa thật là giàu có, với nhiều tài sản và của cải nhiều như vậy.”

“Nhưng ông Migāra của xứ Rohaṇa giàu theo cách nào? Theo cách nào là ông ấy có nhiều tài sản và của cải?”

“Ông ấy có cả trăm khối vàng đúc,¹²⁹⁵ chưa kể số lượng bạc.”

“Này Ugga, đó là một loại sự giàu có, ta không chối cãi. Nhưng loại sự giàu có đó có thể bị mất đi do hỏa hoạn, do lũ lụt, bởi vua chúa (tịch thu), bởi trộm cướp, và bởi những người thừa kế bất nghĩa. Tuy nhiên, này Ugga, có bảy loại sự giàu có không thể bị mất đi do hỏa hoạn, do lũ lụt, bởi vua chúa, bởi trộm cướp, và bởi những người thừa kế bất nghĩa. Bảy đó là gì? Sự giàu có về niềm-tin, sự giàu có về giới-hạnh, sự giàu có về cảm nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức, sự giàu có về cảm nhận biết sợ-hãi về mặt đạo đức, sự giàu có về học hiểu, sự giàu có về tâm rộng-lòng bố thí, và sự giàu có về trí-tuệ. Đây là bảy sự giàu có không thể bị mất đi do hỏa hoạn, do lũ lụt, bởi vua chúa, bởi trộm cướp, và bởi những người thừa kế bất nghĩa.”

[Phần thi kệ giống như kinh 7:05 kể trên.]

8 (8) Những Gong Cùm

“Này các Tỳ kheo, có bảy gông-cùm (kiết sử).¹²⁹⁶ Bảy đó là gì? Gong cùm thuận-tình (tham),¹²⁹⁷ gông cùm ác-ý (ác cảm, sân), gông cùm quan-điểm (kiến), gông cùm nghi-ngờ (nghi), gông cùm tự-ta (ngã mạn), gông cùm tham-dục được hiện-hữu (hữu dục), và gông cùm vô-minh. Đây là bảy gông cùm.”

9 (9) Sự Đẹp Bỏ

“Này các Tỳ kheo, đời sống tâm linh được sống là để đẹp bỏ và xóa bỏ bảy gông-cùm. Bảy đó là gì? Gong cùm thuận-tình (tham), gông cùm ác-ý (sân), gông cùm quan-điểm (kiến), gông cùm nghi-ngờ (nghi), gông cùm tự-ta (ngã mạn), gông cùm tham-dục được hiện-hữu (hữu dục), và gông cùm vô-minh. Đời sống tâm linh được sống là để đẹp bỏ và xóa bỏ bảy gông-cùm này.”

“Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ gông cùm thuận-tình, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn không còn khởi sinh trong tương lai; khi người đó đã dẹp bỏ gông cùm ác-ý ... gông cùm quan-điểm này nọ ... gông cùm nghi-ngờ ... gông cùm tự-ta ... gông cùm tham-dục được hiện-hữu ... gông cùm vô-minh, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn không còn khởi sinh trong tương lai, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo đã cắt bỏ dục-vọng, đã tháo bỏ gông-cùm, và bằng sự hoàn toàn xuyên phá sự tự-ta (phá ngã), người đó đã làm nên sự chấm-dứt khổ.”

10 (10) Sự Keo Kiệt

“Này các Tỳ kheo, có bảy gông-cùm này. Bảy đó là gì? Gông cùm thuận-tình (tham), gông cùm ác-ý (sân), gông cùm quan-điểm (kiến), gông cùm nghi-ngờ (nghi), gông cùm tự-ta (ngã mạn), gông cùm ghen-ty, và gông cùm keo-kiệt.¹²⁹⁸ Đây là bảy gông-cùm.”

NHÓM 2

NHỮNG KHUYNH-HƯỚNG TIỀM-ẨN

11 (1) Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn (1)

“Này các Tỳ kheo, có bảy khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên). Bảy đó là gì? Khuynh hướng tiềm ẩn của (tạo ra, dẫn tới) tham-dục, khuynh hướng tiềm ẩn của ác-ý, khuynh hướng tiềm ẩn của những quan-điểm này nọ (tà kiến), khuynh hướng tiềm ẩn của nghi-ngờ, khuynh hướng tiềm ẩn của sự tự-ta (ngã mạn), khuynh hướng tiềm ẩn của tham-dục muốn được hiện-hữu (hữu dục), và khuynh hướng tiềm ẩn của vô-minh.

Đây là bảy khuynh-hướng tiềm-ẩn.”

12 (2) Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn (2)

“Này các Tỳ kheo, đời sống tâm linh được sống là để dẹp bỏ và xóa bỏ bảy khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên). Bảy đó là gì? Khuynh hướng tiềm ẩn của (tạo ra, dẫn tới) tham-dục, khuynh hướng tiềm ẩn của ác-ý, khuynh hướng tiềm ẩn của (tạo ra, dẫn tới) tham-dục, khuynh hướng tiềm ẩn của ác-ý, khuynh hướng tiềm ẩn của những quan-điểm này nọ (tà kiến), khuynh hướng tiềm ẩn của nghi-ngờ, khuynh hướng tiềm ẩn của sự tự-ta (ngã mạn), khuynh hướng tiềm ẩn của tham-dục muốn được hiện-hữu (hữu dục), và khuynh hướng tiềm ẩn của vô-minh. Đời sống tâm linh được sống là để dẹp bỏ và xóa bỏ những khuynh-hướng tiềm-ẩn này.

“Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ khuynh-hướng tiềm-ẩn của (tạo ra, dẫn tới) tham-dục, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn không còn khởi sinh trong tương lai; khi người đó đã dẹp bỏ khuynh hướng của ác-ý ... khuynh hướng tiềm ẩn của tà-kiến ... khuynh hướng tiềm ẩn của sự nghi-ngờ ... khuynh hướng tiềm ẩn của sự tự-ta ... khuynh hướng tiềm ẩn của tham-dục muốn được hiện-hữu ... khuynh hướng tiềm ẩn của vô-minh, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn không còn khởi sinh trong tương lai, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo không-còn những khuynh-hướng tiềm-ẩn,¹²⁹⁹ là người đã cắt bỏ dục-vọng, đã tháo bỏ gông-cùm, và bằng sự hoàn toàn xuyên phá sự tự-ta (phá ngã), người đó đã làm nên sự chấm-dứt khổ.”

13 (3) Những Gia Đình

“Này các Tỳ kheo, có bảy yếu tố, một gia đình chưa đến gặp thì

không đáng để đến gặp, hoặc nếu đã đến gặp thì không đáng để ngồi lại với họ.¹³⁰⁰ Bấy đó là gì? (1) Họ không vui vẻ đứng dậy.¹³⁰¹ (2) Họ không vui vẻ kính chào (lễ chào, lễ lạ).¹³⁰² (3) Họ không vui vẻ mời chỗ ngồi. (4) Họ che giấu những thứ mình có. (5) Ngay cả họ có nhiều họ cũng bỏ thí ít ỏi. (6) Ngay cả họ có những thứ tốt ngon họ cũng bỏ thí những thứ thô dở. (7) Họ bỏ thí không có sự kính trọng, một cách bất kính. Có bảy yếu tố này, một gia đình chưa đến gặp thì không đáng để đến gặp, hoặc nếu đã đến gặp thì không đáng để ngồi lại với họ.

“Này các Tỳ kheo, có được năm yếu tố, một gia đình chưa đến gặp thì đáng để đến gặp, hoặc nếu đã đến gặp thì đáng để ngồi lại với họ. Bấy đó là gì? (1) Họ không vui vẻ đứng dậy. (2) Họ vui vẻ kính chào (lễ chào, lễ lạ). (3) Họ vui vẻ mời chỗ ngồi. (4) Họ không che giấu những thứ mình có. (5) Nếu họ có nhiều họ bỏ thí nhiều. (6) Nếu họ có những thứ tốt ngon họ bỏ thí những thứ tốt ngon đó. (7) Họ bỏ thí với sự kính trọng, một cách kính trọng. Có được bảy yếu tố này, một gia đình chưa đến gặp thì đáng để đến gặp, hoặc nếu đã đến gặp thì đáng để ngồi lại với họ.”

14 (4) Những Loại Người

“Này các Tỳ kheo, có bảy người là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất (phước điền vô thượng) trong thế gian. Bấy đó là gì? Người được giải thoát cả hai phương-diện, người được giải thoát bằng trí-tuệ, người thân-chứng, người đạt tới chánh-kiến, người giải thoát bằng niềm-tin, người tu theo Giáo Pháp (căn trí), và người tu theo niềm-tin (căn tín). Bảy người này là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất trong thế gian.”¹³⁰³

15 (5) Giống Những Người Dưới Nước

“Này các Tỳ kheo, có bảy loại người được thấy có trong thế gian giống như những người dưới nước. Bảy đó là gì? (1) Ở đây, có người chìm xuống nước một lần và ở luôn dưới đó. (2) Có người trôi lên và chìm xuống lại. (3) Có người đã trôi lên và ở yên chỗ đó. (4) Có người đã trôi lên, nhìn thấy rõ ràng, và nhìn xung quanh. (5) Có người đã trôi lên và đang bơi qua. (6) Có người đã trôi lên và tìm được một chỗ đứng vững chắc (như cù lao, đảo nhỏ). (7) Có người đã trôi lên, đã bơi qua, đã vượt qua bờ bên kia, là một bà-la-môn đứng trên nền đất cao.”¹³⁰⁴

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người đã chìm xuống nước một lần và ở luôn dưới đó? Ở đây, có người chỉ có toàn những phẩm chất tối, bất thiện. Theo cách này là một người đã chìm xuống nước một lần và ở luôn dưới đó.

(2) “Và theo cách nào là một người đã trôi lên và chìm lại xuống nước? Ở đây, có người đã khởi sinh [ý nghĩ]: ‘Tốt thay niềm-tin vào [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện là tốt lành; tốt thay sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức để có [tu dưỡng] những phẩm chất thiện; tốt thay sự biết sợ-hãi về mặt đạo đức để có [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện; tốt thay sự nỗ-lực (tinh tấn) để có [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện; tốt thay trí-tuệ để có [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện.’ Tuy nhiên, niềm-tin đó của người đó không được ổn định hay tăng trưởng mà giảm đi. Sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức của người đó ... sự biết sợ-hãi về mặt đạo đức của người đó ... sự nỗ-lực của người đó ... trí-tuệ của người đó không được ổn định hay tăng trưởng mà giảm giảm đi. Theo cách này là một người đã trôi lên và chìm lại dưới nước.

(3) “Và theo cách nào một người đã trôi lên và ở yên chỗ đó? Ở đây, có người đã khởi lên [ý nghĩ]: ‘Tốt thay niềm-tin vào [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện là tốt lành ... tốt thay trí-tuệ để có [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện.’ Niềm-tin đó của người đó không giảm đi cũng

không tăng trưởng; nó chỉ ở yên mức đó. Sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức của người đó ... sự biết sợ-hãi về mặt đạo đức của người đó ... sự nỗ-lực của người đó ... trí-tuệ của người đó không giảm đi cũng không tăng trưởng; nó chỉ ở yên mức đó. Theo cách này là một người đã trôi lên và ở yên chỗ đó.

(4) “Và theo cách nào là một người đã trôi lên, nhìn thấy rõ ràng, và nhìn xung quanh? Ở đây, có người đã khởi sinh [ý nghĩ]: ‘Tốt thay niềm-tin vào [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện là tốt lành ... tốt thay trí-tuệ để có [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện.’ Bằng sự diệt sạch ba gông-cùm (đầu tiên), người này là một bậc Nhập-lưu, không còn bị [tái sinh trong] cõi dưới, đã định xong vận mệnh, đang hướng tới sự giác-ngộ. Theo cách này là một người đã trôi lên, nhìn thấy rõ ràng, và nhìn xung quanh.

(5) “Và theo cách nào là một người đã trôi lên và đang bơi qua? Ở đây, có người đã khởi sinh [ý nghĩ]: ‘Tốt thay niềm-tin vào [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện là tốt lành ... tốt thay trí-tuệ để có [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện.’ Bằng sự diệt sạch ba gông-cùm (đầu tiên), và cộng với sự giảm thiểu tham, sân, si, người này là bậc Nhất-lai, sau khi quay lại thế gian này chỉ một lần nữa, sẽ làm nên sự chấm-dứt khổ. Theo cách này là một người đã trôi lên và đang bơi qua.

(6) “Và theo cách nào là một người đã trôi lên và đã tìm được một chỗ đứng vững chắc? Ở đây, có người đã khởi sinh [ý nghĩ]: ‘Tốt thay niềm-tin vào [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện là tốt lành ... tốt thay trí-tuệ để có [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện.’ Bằng sự diệt sạch năm gông-cùm nhẹ đô (đầu tiên), người đó này là bậc tái sinh tự động (lên một trong năm cõi trời trong-sạch của những bậc thánh Bất-lai), sẽ đến lúc chứng ngộ luân Niết-bàn cuối cùng ở đó, chứ không còn quay lại thế gian này nữa. Theo cách này là một người đã trôi lên và đã có được một chỗ đứng vững chắc.

(7) Và theo cách nào là một người đã trôi lên, đã bơi qua, đã vượt qua bờ bên kia, là một bà-la-môn đứng trên nền đất cao? Ở đây, có người đã khởi sinh [ý nghĩ]: ‘Tốt thay niềm-tin vào [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện là tốt lành ... tốt thay trí-tuệ để có [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện.’ Bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó. Theo cách này là một người đã trôi lên, đã bơi qua, và đã vượt qua bờ bên kia, là một bà-la-môn đứng trên nền đất cao.

“Này các Tỳ kheo, đây là bảy loại người được thấy có trong thế gian giống những người ở dưới nước.”

16 (6) Vô Thường

“Này các Tỳ kheo, có bảy loại người là người đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất (phước điền vô thượng) trong thế gian. Bảy đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người sống quán sát sự vô-thường trong tất cả những hiện-tượng có điều-kiện (mọi pháp hữu vi), nhận thức sự vô-thường, trải nghiệm sự vô-thường, chú ý vào nó một cách thường trực, liên tục, và không gián đoạn, thấu biết nó bằng trí-tuệ. Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó. Đây là loại người thứ nhất đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất trong thế gian.

(2) “Lại nữa, có người sống quán sát sự vô-thường trong tất cả những hiện-tượng có điều-kiện, nhận thức sự vô-thường, trải nghiệm

sự vô-thường, chú ý vào nó một cách thường trực, liên tục, và không gián đoạn, thấu biết nó bằng trí-tuệ. Đối với người này sự tận hết ô-nhiễm và sự tận hết kiếp-sống (mạng chung, chết) xảy ra cùng lúc.¹³⁰⁵ Đây được gọi là loại người thứ hai đáng được tặng quà ...

(3) “Lại nữa, có người sống quán sát sự vô-thường trong tất cả những hiện-tượng có điều-kiện, nhận thức sự vô-thường, trải nghiệm sự vô-thường, chú ý vào nó một cách thường trực, liên tục, và không gián đoạn, thấu biết nó bằng trí-tuệ. Bằng sự diệt sạch năm gông-cùm nhẹ đô (đầu tiên), người đó trở thành một người chứng ngộ bát-niết-bàn trong nửa-đầu kiếp sau.¹³⁰⁶ Đây là loại người thứ ba đáng được tặng quà ...

(4) “Bằng sự tiêu diệt năm gông-cùm nhẹ đô, người đó trở thành một người chứng ngộ Niết-bàn trong nửa-sau kiếp sau.¹³⁰⁷ Đây là loại người thứ tư đáng được tặng quà ...

(5) “Bằng sự tiêu diệt năm gông-cùm nhẹ đô, người đó trở thành một người chứng ngộ Niết-bàn không cần cố-gắng thêm.¹³⁰⁸ Đây là loại người thứ năm đáng được tặng quà ...

(6) “Bằng sự tiêu diệt năm gông-cùm nhẹ đô, người đó trở thành một người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm. Đây là loại người thứ sáu đáng được tặng quà ...

(7) “Lại nữa, có người sống quán sát sự vô-thường trong tất cả những hiện-tượng có điều-kiện, nhận thức sự vô-thường, trải nghiệm sự vô-thường, chú ý vào nó một cách thường trực, liên tục, và không gián đoạn, thấu biết nó bằng trí-tuệ. Bằng sự tiêu diệt năm gông-cùm nhẹ đô, người đó trở thành một người hướng lên thượng lưu, đang hướng tới cõi trời Akaniṭṭha (Sắc cứu kính thiên, là cõi trời cao nhất thọ nhất trong năm cõi trời trong-sạch (tịnh cư thiên) dành cho các bậc thánh Bất-lai).¹³⁰⁹ Đây là loại người thứ bảy đáng được tặng quà ...

“Này các Tỳ kheo, đây là bảy loại người là người đáng được tặng

quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất trong thế gian.”

17 (7) *Khổ*

“Này các Tỳ kheo, có bảy loại người là người đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất (phước điền vô thượng) trong thế gian. Bảy đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người sống quán sát sự *khổ* trong tất cả những hiện-tượng có điều-kiện (mọi pháp hữu vi), nhận thức sự vô-thường, trải nghiệm sự khổ, chú ý vào nó một cách thường trực, liên tục, và không gián đoạn, thấu biết nó bằng trí-tuệ. Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó. Đây là loại người thứ nhất đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất trong thế gian.

[Phần còn lại từ (2)-(7) giống tương tự kinh 7:16 kể trên, chỉ khác là thay chữ “quán sát sự vô-thường” bằng chữ “quán sát sự khổ”.]

18 (8) *Vô Ngã* ¹³¹⁰

“Này các Tỳ kheo, có bảy loại người là người đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất (phước điền vô thượng) trong thế gian. Bảy đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người sống quán sát sự *vô-ngã* trong tất cả những hiện-tượng (mọi pháp),¹³¹¹ nhận thức sự vô-thường, trải nghiệm sự vô-ngã, chú ý vào nó một cách thường trực, liên tục, và

không gián đoạn, thấu biết nó bằng trí-tuệ. Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó. Đây là loại người thứ nhất đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất trong thế gian.

[Phần còn lại từ (2)-(7) giống tương tự kinh 7:16 kể trên, chỉ khác là thay chữ “quán sát sự vô-thường” bằng chữ “quán sát sự vô-ngã”.]

19 (9) Hạnh Phúc

“Này các Tỳ kheo, có bảy loại người là người đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất (phước điền vô thượng) trong thế gian. Bảy đó là gì?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, có người sống quán sát sự hạnh-phúc trong Niết-bàn, nhận thức sự hạnh-phúc, trải nghiệm sự hạnh-phúc, chú ý vào nó một cách thường trực, liên tục, và không gián đoạn, thấu biết nó bằng trí-tuệ. Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó. Đây là loại người thứ nhất đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất trong thế gian.

[Phần còn lại từ (2)-(7) giống tương tự kinh 7:16 kể trên, chỉ khác là thay chữ “quán sát sự vô-thường” bằng chữ “quán sát sự hạnh-phúc trong Niết-bàn”.]

20 (10) Những Cơ Sở Để [Thành Người] ‘Không Có Mươi’

“Này các Tỳ kheo, có bảy cơ-sở để [thành người] ‘không có mươi’ (mười năm, mười tuổi...)”¹³¹² Bảy đó là gì?

“Ở đây, (1) một Tỳ kheo có mong-muốn nhiệt thành thụ nhận việc tu-tập và không mất đi sự vui-thích thụ nhận sự tu-tập trong tương lai. (2) Người đó có mong-muốn mạnh mẽ để chú tâm tới Giáo Pháp và không mất đi sự vui-thích để chú tâm tới Giáo Pháp trong tương lai. (3) Người đó có mong-muốn mạnh mẽ để loại bỏ những ước nguyện vô ích và không mất đi sự vui-thích loại bỏ những ước nguyện vô ích trong tương lai.¹³¹³ (4) Người đó có mong-muốn mạnh mẽ để sống tách-ly (ẩn dật) và không mất đi sự vui-thích sống tách-ly trong tương lai. (5) Người đó có mong-muốn mạnh mẽ để phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) và không mất đi sự vui-thích phát khởi sự nỗ-lực trong tương lai. (6) Người đó có mong-muốn mạnh mẽ để (có được) sự chánh-niệm và sự rõ-biết (tỉnh giác) và không mất đi sự vui-thích sự chánh-niệm và sự rõ-biết trong tương lai. (7) Người đó có mong-muốn mạnh mẽ để thâm nhập bằng chánh-kiến và không mất đi sự vui-thích thâm nhập bằng chánh-kiến trong tương lai. Đây là bảy cơ-sở để [thành người] ‘không có mươi’.”

NHÓM 3

VAIJJI BẢY

21 (1) Ngôi Đèn Mái Nhọn

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong Ngôi Đèn Mái Nhọn (*Sārandada*). Rồi một số người Licchavi¹³¹⁴ đã đến gặp, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói điều này với họ:

“Này những người Licchavi, ta sẽ dạy cho các người bảy nguyên tắc để không bị suy-yếu (sa sút). Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”¹³¹⁵

“Dạ, thưa Thế Tôn”, những người Licchavi đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này: “Và này những người Licchavi, cái gì là bảy nguyên tắc để không bị suy yếu?

(1) “Này những người Licchavi, chừng nào những người Vajji còn tổ chức đại hội đồng thường xuyên và định kỳ, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.

(2) “Chừng nào người Vajji còn gặp nhau hội họp trong sự hòa hợp, chia tay nhau trong sự hòa hợp, và làm ăn với nhau trong sự hòa hợp, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.

(3) “Chừng nào người Vajji không ban hành những điều không được ban hành trước đó, và họ không hủy bỏ những điều đã được ban hành trước đó, mà họ chỉ làm theo những điều đã được ban hành theo truyền thống Vajji cổ kính của họ, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.

(4) “Chừng nào người dân Vajji tôn vinh, tôn trọng, tôn kính, và lễ chào những bậc trưởng lão, và nghĩ những vị bô lão đó nên được chú trọng, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.

(5) “Chừng nào người dân Vajji không bắt cóc cưỡng đoạt vợ và con gái của người khác để đem về sống với mình, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.

(6) “Chừng nào người dân Vajji còn tôn vinh, tôn trọng, tôn kính, và lễ lạy các bàn thờ miếu thờ của người Vajji ở trong [thành]¹³¹⁶ hay ở bên ngoài, họ không lơ là những việc chăm sóc và cúng bái đã có từ trước,¹³¹⁷ thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.

(7) “Chừng nào người dân Vajji còn còn chu cấp sự bảo hộ đúng

đấn, chỗ ở, và sự bảo vệ những vị A-la-hán để những vị A-la-hán đến sống ở đó, nhờ đó sau này những bậc A-la-hán khác có thể đến sống ở đó, và những bậc A-la-hán đang ở đó thì đang sống an lạc, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.

“Này những người Licchavi, chừng nào bảy nguyên tắc để không bị suy yếu này còn tiếp nối trong những người Vajji, và còn thấy những người Vajji [được thiết lập] trong những nguyên tắc đó, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.”

22 (2) Tể Tướng Vassakāra

Tôi nghe như vậy.¹³¹⁸ Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền (Linh Thú). Bấy giờ, vào lúc đó có Vua Ajātasattu (A-xà-thế) Vedehiputta của xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) muốn tiến đánh những người Vajji (Bạt-kỳ). Nhà vua nói: “Dù những người Vajji hùng mạnh và lớn mạnh cỡ nào, ta cũng sẽ hủy diệt họ, tiêu diệt họ, mang tai họa và thảm nạn đến cho họ.”

Rồi Vua Ajātasattu A-xà-thế nói với quan tể tướng của nước Ma-kiệt-đà là bà-la-môn Vassakāra: “Này bà-la-môn, hãy đến gặp đức Thế Tôn và nhân danh ta xin cúi đầu xuống chân đức Thế Tôn để kính lễ. Hãy hỏi thăm đức Thế Tôn có thích nghi và khỏe mạnh, đi lại dễ dàng và mạnh giỏi, và cảm thấy an nhiên hay không. Rồi hãy thưa như vậy: ‘Thưa Thế Tôn, Vua A-xà-thế muốn tiến đánh những người Vajji. Nhà vua nói như vậy: “Dù những người Vajji hùng mạnh và lớn mạnh cỡ nào, ta cũng sẽ hủy diệt họ, tiêu diệt họ, mang tai họa và thảm nạn đến cho họ.”’ Rồi hãy nghe rõ đức Thế Tôn trả lời ông ra sao rồi về báo lại với ta, bởi vì những Như Lai thì không nói sai.”

“Dạ, thưa đức vua”, bà-la-môn Vassakāra đáp lại. Rồi ông ta đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đến chỗ đức Thế Tôn. Ông ta chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi

xuống một bên và thưa:

“Thưa Thầy Cồ-đàm, Vua A-xà-thế của xứ Ma-kiệt-đà xin cuối đầu xuống hai chân đức Thế Tôn để kính lễ. Nhà vua có lời hỏi thăm Thầy Cồ-đàm có thích nghi và khỏe mạnh, đi lại dễ dàng và mạnh giỏi, và cảm thấy an nhiên hay không. Thưa Thầy Cồ-đàm, Vua A-xà-thế muốn tiến đánh những người Vajji. Nhà vua nói như vậy: ‘Dù những người Vajji hùng mạnh và lớn mạnh cỡ nào, ta cũng sẽ hủy diệt họ, tiêu diệt họ, mang tai họa và thảm nạn đến cho họ.’”

Vào lúc đó có Ngài Ānanda đang đứng bên cạnh hầu quạt đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn mới nói với thầy Ānanda:

(1) “Này Ānanda, thầy có từng nghe những người Vajji luôn tổ chức đại hội đồng thường xuyên và định kỳ, hay không?”

“Dạ, thưa Thế Tôn, con đã nghe như vậy.”

“Này Ānanda, chừng nào những người Vajji còn tổ chức đại hội đồng thường xuyên và định kỳ, thì chỉ có thể coi họ đang cường thịnh, chứ không suy yếu (sa sút).”

(2) “Này Ānanda, thầy có từng nghe những người Vajji gặp nhau hội họp trong sự hòa hợp, chia tay nhau trong sự hòa hợp, và làm ăn với nhau trong sự hòa hợp, hay không?”

“Dạ, thưa Thế Tôn, con đã nghe như vậy.”

“Này Ānanda, chừng nào những người Vajji còn gặp nhau hội họp trong sự hòa hợp, chia tay nhau trong sự hòa hợp, và làm ăn với nhau trong sự hòa hợp, thì chỉ có thể coi họ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.”

(3) “Này Ānanda, thầy có từng nghe những người Vajji không ban hành những điều không được ban hành trước đó, và họ không hủy bỏ những điều đã được ban hành trước đó, mà họ chỉ làm theo những điều đã được ban hành theo truyền thống Vajji cổ kính của họ, hay

không?

“Dạ, thưa Thế Tôn, con đã nghe như vậy.”

“Này Ānanda, chừng nào những người Vajji vẫn không ban hành những điều không được ban hành trước đó, và họ không hủy bỏ những điều đã được ban hành trước đó, mà họ chỉ làm theo những điều đã được ban hành theo truyền thống Vajji cổ kính của họ, thì chỉ có thể coi họ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.”

(4) “Này Ānanda, thầy có từng nghe những người Vajji tôn vinh, tôn trọng, tôn kính, và lễ chào những bậc trưởng lão, và nghĩ những vị bô lão đó nên được chú trọng, hay không?”

“Dạ, thưa Thế Tôn, con đã nghe như vậy.”

“Này Ānanda, chừng nào những người Vajji còn tôn vinh, tôn trọng, tôn kính, và lễ chào những bậc trưởng lão, và nghĩ những vị bô lão đó nên được chú trọng, thì chỉ có thể coi họ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.”

(5) “Này Ānanda, thầy có từng nghe những người Vajji không bắt cóc cưỡng đoạt vợ và con gái của người khác để đem về sống với mình, thì họ chỉ đang cường thịnh, hay không?”

“Dạ, thưa Thế Tôn, con đã nghe như vậy.”

“Này Ānanda, chừng nào những người Vajji vẫn không bắt cóc cưỡng đoạt vợ và con gái của người khác để đem về sống với mình, thì chỉ có thể coi họ đang cường thịnh chứ không suy yếu.”

(6) “Này Ānanda, thầy có từng nghe những người Vajji luôn tôn vinh, tôn trọng, tôn kính, và lễ lạy các bàn thờ miếu thờ của người Vajji ở trong [thành] hay ở bên ngoài, họ không lơ là những việc chăm sóc và cúng bái đã có từ trước, hay không?”

“Dạ, thưa Thế Tôn, con đã nghe như vậy.”

“Này Ānanda, chừng nào những người Vajji vẫn tôn vinh, tôn trọng, tôn kính, và lễ lạy các bàn thờ miếu thờ của người Vajji ở trong [thành] hay ở bên ngoài, họ không lơ là những việc chăm sóc và cúng bái đã có từ trước, thì chỉ có thể coi họ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.”

(7) “Này Ānanda, thầy có từng nghe những người Vajji luôn chu cấp sự bảo hộ đúng đắn, chỗ ở, và sự bảo vệ những vị A-la-hán để những vị A-la-hán đến sống ở đó, nhờ đó sau này những bậc A-la-hán khác có thể đến sống ở đó, và những bậc A-la-hán đang ở đó thì đang sống an lạc, hay không?”

“Dạ, thưa Thế Tôn, con đã nghe như vậy.”

“Này Ānanda, chừng nào những người Vajji vẫn chu cấp sự bảo hộ đúng đắn, chỗ ở, và sự bảo vệ những vị A-la-hán để những vị A-la-hán đến sống ở đó, nhờ đó sau này những bậc A-la-hán khác có thể đến sống ở đó, và những bậc A-la-hán đang ở đó thì đang sống an lạc, thì chỉ có thể coi họ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.”

Rồi đức Thế Tôn mới nói với bà-la-môn Vassakāra, vị tể tướng của nước Ma-kiệt-đà:

“Này bà-la-môn, trước kia trong một lần khi ta đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-ly) chỗ Ngôi Đền Mái Nhọn (Sārandada). Ở đó ta đã dạy cho những người Vajji bảy nguyên tắc để không bị suy-yếu. Chừng nào bảy nguyên tắc để không bị suy-yếu này còn tiếp nối trong những người Vajji, và còn thấy những người Vajji [được thiết lập] trong những điều đó, thì chỉ có thể coi họ đang cường thịnh chứ không suy yếu.”

Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Vassakāra mới nói với đức Thế Tôn:

“Thưa Thầy Cồ-đàm, nếu những người Vajji chỉ tuân thủ thậm chí một trong bảy nguyên tắc để không bị suy-yếu này, thì cũng có thể

coi họ chỉ đang cường thịnh chứ không suy yếu. Vậy còn nói gì nữa nếu họ tuân thủ hết cả bảy nguyên tắc đó? Vậy là, thưa Thầy Cồ-đàm, Vua A-xà-thế của xứ Ma-kiệt-đà không thể tiến đánh những người Vajji, ngoại trừ cách gài người tạo phản hoặc gây chia rẽ họ mà thôi. Và bây giờ, thưa Thầy Cồ-đàm, tôi phải đi đây. Chúng tôi bận bịu và có nhiều việc phải làm.”

“Này bà-la-môn, ông cứ tùy tiện mà đi.”

Rồi bà-la-môn Vassakāra, vị tể tướng của nước Ma-kiệt-đà, sau khi hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, ông đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về.

23 (3) Không Sa Sút (1)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trên Đỉnh Núi Kền Kền. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo ta sẽ dạy cho cách thầy bảy nguyên tắc để không bị sa-sút. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”¹³¹⁹

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là bảy nguyên tắc để không bị sa-sút?

(1) “Chùng nào các Tỳ kheo còn tổ chức họp mặt thường xuyên và định kỳ, thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng (cường thịnh) chứ không sa sút (suy yếu).

(2) Chùng nào các Tỳ kheo còn gặp nhau trong sự hòa hợp, chia tay nhau trong sự hòa hợp, và làm việc với nhau trong sự hòa hợp, thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút.

(3) Chừng nào các Tỳ kheo vẫn không ban hành những điều đã không được ban hành, và không hủy bỏ những điều đã được ban hành, mà họ chỉ làm theo những điều đã được ban hành bởi những điều-luật tu hành

(4) Chừng nào các Tỳ kheo còn tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và lễ chào các bậc trưởng lão đã thụ giới xuất gia lâu năm, những bậc sư phụ, những bậc lãnh đạo của Tăng đoàn

(5) Chừng nào các Tỳ kheo vẫn không bị dính vào bẫy của dục-vọng khởi sinh bên trong họ làm đưa đến luân hồi tái sinh

(6) Chừng nào các Tỳ kheo vẫn toàn tâm vui thích sống tu trong rừng

(7) Chừng nào các Tỳ kheo còn duy trì sự ‘chánh-niệm về thân’, nhờ đó về sau này có nhiều bạn đồng tu đến tu với họ, và những ai đang ở tu với họ thì đang cảm thấy an lạc thư thái với họ, thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút.

“Này các Tỳ kheo, chừng nào bảy nguyên tắc để không bị sa-sút này vẫn nổi tiếp trong những Tỳ kheo, và còn thấy những Tỳ kheo [được thiết lập] trong những điều đó, thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút.”

24 (4) Không Sa Sút (2)

“Này các Tỳ kheo ta sẽ dạy cho cách thầy bảy nguyên tắc để không bị sa-sút. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là bảy nguyên tắc để không bị sa-sút?

(1) “Chùng nào những Tỳ kheo không thích thú công việc, không ham thích công việc, không chỉ lo làm công việc, thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút. (2) Nhưng nào những Tỳ kheo không thích thú nói chuyện (3) ... không thích thú ngủ ... (4) ... không thích thú gặp gỡ tụ tập ... (5) ... không có những tham-muôn xấu ác ... (6) ... không có bạn xấu, đồng hành xấu, đạo hữu xấu ... (7) ... không đi nửa chừng dừng lại [đường tu tập] khi sự khác-biệt mới thành tựu còn ở một bậc thấp (thấp hơn A-la-hán),¹³²⁰ thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút.

“Này các Tỳ kheo, chùng nào bảy nguyên tắc để không bị sa-sút này vẫn nổi tiếp trong những Tỳ kheo, và còn thấy những Tỳ kheo [được thiết lập] trong những điều đó, thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút.”

25 (5) Không Sa Sút (3)

“Này các Tỳ kheo ta sẽ dạy cho cách thầy bảy nguyên tắc để không bị sa-sút. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là bảy nguyên tắc để không bị sa-sút?

(1) “Chùng nào những Tỳ kheo còn được phú cho niềm-tin, thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút. (2) Chùng nào họ còn cảm nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức ... (3) còn biết sợ-hãi về mặt đạo đức ... (4) ... có học-hiểu nhiều ... (5) ... chuyên cần nỗ-lực ... (6) ... có chánh-niệm ... (7) ... có trí, thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút.

“Này các Tỳ kheo, chùng nào bảy nguyên tắc để không bị sa-sút

này vẫn nói tiếp trong những Tỳ kheo, và còn thấy những Tỳ kheo [được thiết lập] trong những điều đó, thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút.”

26 (6) Không Sa Sút (4)

“Này các Tỳ kheo ta sẽ dạy cho cách thầy bảy nguyên tắc để không bị sa-sút. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là bảy nguyên tắc để không bị sa-sút?

(1) “Chùng nào những Tỳ kheo còn tu tập yếu-tố giác-ngộ là chánh-niệm, thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút. (2) Chùng nào họ còn tu tập yếu-tố giác-ngộ là phân-giải những hiện-tượng (trạch pháp) ... (3) ... yếu-tố giác-ngộ là nỗ-lực (tinh tấn) ... (4) ... yếu-tố giác-ngộ là sự hoan-hỷ ... (5) ... yếu-tố giác-ngộ là sự tĩnh-lặng ... (6) ... yếu-tố giác-ngộ là sự định-tâm ... (7) ... yếu-tố giác-ngộ là sự buông-xả, thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút.

“Này các Tỳ kheo, chùng nào bảy nguyên tắc để không bị sa-sút này vẫn nói tiếp trong những Tỳ kheo, và còn thấy những Tỳ kheo [được thiết lập] trong những điều đó, thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút.”

27 (7) Không Sa Sút (5)

“Này các Tỳ kheo ta sẽ dạy cho cách thầy bảy nguyên tắc để không bị sa-sút. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói

điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là bảy nguyên tắc để không bị sa-sút?

(1) “Chừng nào những Tỳ kheo còn tu tập nhận-thức về sự vô-thường, thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút. (2) Chừng nào họ còn tu tập nhận-thức về sự vô-ngã ... (3) ... nhận-thức sự không hấp-dẫn (của thân) ... (4) ... nhận-thức về sự nguy-hại ... (5) ... nhận-thức về sự đẹp-bỏ ... (6) ... nhận-thức về sự chán-bỏ ... (7) ... nhận-thức về sự chám-dứt, thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút.¹³²¹

“Này các Tỳ kheo, chừng nào bảy nguyên tắc để không bị sa-sút này vẫn nói tiếp trong những Tỳ kheo, và còn thấy những Tỳ kheo [được thiết lập] trong những điều đó, thì chỉ có thể coi họ đang tăng trưởng chứ không sa sút.”

28 (8) Một Học Nhân

“Này các Tỳ kheo, bảy phẩm chất này dẫn tới sự sa-sút của một Tỳ kheo là bậc học-nhân. Bảy đó là gì? Thích làm việc, thích nói chuyện, thích ngủ, thích gặp gỡ giao lưu, không phòng hộ các cửa của các giác-quan [các căn cảm nhận], thiếu tiết độ trong ăn uống, và khi có những vấn đề thuộc về Tăng đoàn [cần được giải quyết] trong Tăng đoàn, vị Tỳ kheo là bậc học-nhân đó không biết suy xét như vậy.¹³²² ‘Trong Tăng đoàn có những bậc trưởng lão lâu năm, đã xuất gia từ lâu, có trách nhiệm, là những người sẽ lãnh trách nhiệm cho [việc] đó.’ Người đó cứ tự mình lãnh chúng.¹³²³ Đây là bảy phẩm chất dẫn tới sự sa sút của một Tỳ kheo là bậc học-nhân.

“Này các Tỳ kheo, bảy phẩm chất này dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo là bậc học-nhân. Bảy đó là gì? Không thích thú làm việc,

không thích nói chuyện, không thích ngủ, không thích gặp gỡ giao lưu, luôn phòng hộ các cửa của các giác-quan, tiết độ trong ăn uống, và khi có những vấn đề thuộc về Tăng đoàn [cần được giải quyết] trong Tăng đoàn, vị Tỳ kheo là bậc học-nhân đó biết suy xét như vậy: ‘Trong Tăng đoàn có những bậc trưởng lão lâu năm, đã xuất gia từ lâu, có trách nhiệm, là những người sẽ lãnh trách nhiệm cho [việc] đó.’ Người đó không tự mình lãnh chúng. Đây là bảy phẩm chất dẫn tới sự không sa sút của một Tỳ kheo là bậc học-nhân.”

29 (9) *Sự Sa Sút*

(I) “Này các Tỳ kheo, bảy điều này dẫn tới sự sa-sút của một đệ tử tại gia. Bảy đó là gì? (1) Người đó ngừng việc gặp gỡ các Tỳ kheo; (2) người đó lơ là việc lắng nghe Giáo Pháp tốt lành; (3) người đó không tu tập phần giới-hạnh bậc cao; (4) người đó có đầy nghi ngờ đối với những Tỳ kheo, dù đó là Tỳ kheo trưởng lão, Tỳ kheo tân niên, hay Tỳ kheo trung niên (tuổi hạ); (5) người đó lắng nghe Giáo Pháp với một cái tâm canh me phê phán, tìm lỗi bắt lý này nọ; (6) người đó tìm kiếm người đáng được cúng dường ở bên ngoài (ngoài Tăng đoàn); (7) người đó làm những việc [công đức] ở ngoài đó (ngoài Tăng đoàn).¹³²⁴ Đây là bảy điều dẫn tới sự sa sút của một đệ tử tại gia.

(II) “Này các Tỳ kheo, bảy điều này dẫn tới không sự sa-sút của một đệ tử tại gia. Bảy đó là gì? (1) Người đó không ngừng việc gặp các Tỳ kheo; (2) người đó không lơ là việc lắng nghe Giáo Pháp tốt lành; (3) người đó tu tập phần giới-hạnh bậc cao; (4) người đó có đầy niềm-tin đối với những Tỳ kheo, dù đó là Tỳ kheo trưởng lão, Tỳ kheo tân niên, hay Tỳ kheo trung niên (tuổi hạ); (5) người đó lắng nghe Giáo Pháp với một cái tâm không canh me phê phán hay tìm lỗi bắt lý này nọ; (6) người đó không tìm kiếm người đáng được cúng dường ở bên ngoài (ngoài Tăng đoàn); (7) người đó làm những việc [công đức] ngay

tại đây (tức trong Tăng đoàn). Đây là bảy điều dẫn tới sự không sa sút của một đệ tử tại gia.¹³²⁵

Người đệ tử tại gia ngừng việc gặp gỡ [các Tỳ kheo]:
Các Tỳ kheo là những người đã tu dưỡng bản thân;
Ngừng nghe những giáo lý của bậc thánh hiền,
Và không tu tập phần giới-hạnh bậc cao;
Và sự nghi ngờ đối với những Tỳ kheo càng gia tăng,
Lắng nghe Giáo Pháp tốt lành với một cái tâm,
Bị bẻ cong theo hướng phê phán bất bẻ này nọ;
Người đệ tử tại gia tìm kiếm người đáng cúng dường
Là những người ngoài đạo;
Và chỉ ưu tiên làm những việc công đức đối với họ:
Đây là bảy nguyên tắc đã được khéo dạy:
Là những điều dẫn tới sự sa sút.
Người đệ tử tại gia cứ dựa theo những điều này,
Là bị rớt khỏi Giáo Pháp tốt lành.

Người đệ tử tại gia không ngừng việc gặp gỡ [các Tỳ kheo]:
Các Tỳ kheo là những người đã tu dưỡng bản thân;
Không ngừng nghe những giáo lý của bậc thánh hiền,
Và tu tập phần giới-hạnh bậc cao;
Và niềm-tin đối với những Tỳ kheo càng gia tăng,
Lắng nghe Giáo Pháp tốt lành với một cái tâm,
Không bị bẻ cong theo hướng phê phán bất bẻ này nọ;
Người đệ tử tại gia không tìm kiếm người đáng cúng dường
Là những người ngoài đạo;
Và chỉ ưu tiên làm những việc công đức ở đây:
Đây là bảy nguyên tắc đã được khéo dạy:
Là những điều dẫn tới sự không sa sút.
Người đệ tử tại gia dựa theo những điều này,

Là không bị rớt khỏi Giáo Pháp tốt lành.

30 (10) Thất Bại ¹³²⁶

(I) “Này các Tỳ kheo, có bảy sự thất-bại này của một đệ tử tại gia. Bảy đó là gì? ... [*tiếp tục nội dung y hết phần đầu kinh 7:29 kể trên*] ... Đây là bảy sự thất bại của một đệ tử tại gia.

(II) “Này các Tỳ kheo, có bảy sự thành-công này của một đệ tử tại gia. Bảy đó là gì? ... [*tiếp tục y hết phần sau kinh 7:29 kể trên*] ... Đây là bảy sự thành công của một đệ tử tại gia.”

31 (11) Sup Đổ

(I) “Này các Tỳ kheo, có bảy sự sụp-đổ này đối với một đệ tử tại gia. Bảy đó là gì? ... [*như phần đầu kinh 7:29 kể trên*] ... Đây là bảy sự sụp-đổ đối với một đệ tử tại gia.

(II) “Này các Tỳ kheo, có bảy sự thắng-lợi này đối với một đệ tử tại gia. Bảy đó là gì? ... [*như phần sau kinh 7:29 kể trên*] ... Đây là bảy sự thắng lợi đối với một đệ tử tại gia.”

[*Phần thi kệ giống hết như kinh 7:29.*]

NHÓM 4

NHỮNG THIÊN THẦN

32 (1) Sự Chuyên Chú ¹³²⁷

Lúc đó, khi đêm đã khuya, có một thiên thần với vẻ đẹp tuyệt vời, chiếu sáng hết Khu Vườn (của thái tử) Jeta, đã đến gặp đức Thế Tôn,

kính chào đức Thế Tôn và đứng qua một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, có bảy phẩm chất này dẫn tới sự không sa sút của một Tỳ kheo. Bảy đó là gì? Kính trọng vị Sư Thầy (Phật), kính trọng Giáo Pháp, kính trọng Tăng Đoàn, kính trọng sự tu-tập, kính trọng sự định-tâm, kính trọng sự chuyên-chú, và kính trọng sự hiếu-khách.¹³²⁸ Đây là bảy phẩm chất dẫn tới sự không sa sút của một Tỳ kheo.”

Đây là lời vị thiên thần đã nói. Vị Sư Thầy đồng ý. Rồi vị thiên thần đó, do nghĩ ‘Vị Thầy đã đồng ý với mình’ nên đã kính chào đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và biến mất tại đó.

Rồi, khi đêm đã qua, đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, tối qua, khi đêm đã khuya, có một thiên thần với vẻ đẹp tuyệt vời ... [*Phật kể lại nguyên câu chuyện ở trên*] ... và biến mất ngay tại đó.”

Tôn kính Sư Thầy,
Tôn kính Giáo Pháp,
Tôn kính Tăng Đoàn,
Kính trọng sự chuyên-chú
Kính trọng sự hiếu-khách:
Tỳ kheo này không bị rớt khỏi
Mà gần với Niết-bàn.

33 (2) Sự Biết Xấu Hổ Về Mặt Đạo Đức ¹³²⁹

“Này các Tỳ kheo, tối qua, khi đêm đã khuya, có một thiên thần với vẻ đẹp tuyệt vời, chiếu sáng khắp Khu Vườn (của thái tử) Jeta, đến gặp ta, kính chào và đứng qua một bên, và thưa với ta:

“Thưa Thế Tôn, có bảy phẩm chất này dẫn tới sự không sa sút của một Tỳ kheo. Bảy đó là gì? Kính trọng vị Sư Thầy (Phật), kính trọng

Giáo Pháp, kính trọng Tăng Đoàn, kính trọng sự tu-tập, kính trọng sự định-tâm, kính trọng sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức, và kính trọng sự biết sợ-hãi về mặt đạo đức. Đây là bảy phẩm chất dẫn tới sự không sa sút của một Tỳ kheo.’ Đây là lời vị thiên thần đã nói. Rồi vị thiên thần đó kính chào ta, đi vòng ra giữ ta ở hướng bên phải mình, và biến mất tại đó.”

Tôn kính Sư Thầy,
 Tôn kính Giáo Pháp,
 Tôn kính Tăng Đoàn,
 Được phú cho sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức,
 Và sự biết sợ-hãi về mặt đạo đức:
 Tỳ kheo này không bị rớt khỏi
 Mà gần với Niết-bàn.

34 (3) *Dễ Tu Sửa (1)*

“Này các Tỳ kheo, tối qua, khi đêm đã khuya, có một thiên thần với vẻ đẹp tuyệt vời, chiếu sáng khắp Khu Vườn (của thái tử) Jeta, đã đến gặp ta, kính chào và đứng qua một bên, và thưa với ta:

“Thưa Thế Tôn, có bảy phẩm chất này dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo. Bảy đó là gì? Kính trọng vị Sư Thầy (Phật), kính trọng Giáo Pháp, kính trọng Tăng Đoàn, kính trọng sự tu-tập, kính trọng sự định-tâm, dễ tu sửa được, và có đạo hữu tốt. Đây là bảy phẩm chất dẫn tới sự không sa sút của một Tỳ kheo.’ Đây là lời vị thiên thần đã nói. Rồi vị thiên thần đó kính chào ta, đi vòng ra giữ ta ở hướng bên phải mình, và biến mất tại đó.”

Tôn kính Sư Thầy,
 Tôn kính Giáo Pháp,
 Tôn kính Tăng Đoàn,

Tôn kính sự thiên-định, nhiệt thành,
Kính sâu sắc đối với sự tu-tập;
Dung dưỡng đạo hữu tốt,
Dễ tu sửa được, kính thuận và kính trọng:
Người như vậy không thể rớt khỏi,
Mà ở gần Niết-bàn.

35 (4) Dễ Tu Sửa (2)¹³³⁰

“Này các Tỳ kheo, tối qua, khi đêm đã khuya, có một thiên thần với vẻ đẹp tuyệt vời, chiếu sáng khắp Khu Vườn (của thái tử) Jeta, đã đến gặp ta, kính chào và đứng qua một bên, và thưa với ta:

“Thưa Thế Tôn, có bảy phẩm chất này dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo. Bảy đó là gì? Kính trọng vị Sư Thầy (Phật), kính trọng Giáo Pháp, kính trọng Tăng Đoàn, kính trọng sự tu-tập, kính trọng sự định-tâm, dễ tu sửa được, và có đạo hữu tốt. Đây là bảy phẩm chất dẫn tới sự không sa sút của một Tỳ kheo.’ Đây là lời vị thiên thần đã nói. Rồi vị thiên thần đó kính chào ta, đi vòng ra giữ ta ở hướng bên phải mình, và biến mất tại đó.”

Sau khi điều này được nói ra, Ngài Xá-lợi-phất đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều này mới được Thế Tôn nói ra một cách vắn tắt, như sau đây. Thưa Thế Tôn, ở đây (1) một Tỳ kheo tự mình tôn kính vị Sư Thầy và nói lời đề cao sự tôn kính dành cho vị Sư Thầy; người đó khuyến khích những Tỳ kheo không tôn kính Sư Thầy nên tu dưỡng sự tôn kính dành cho Sư Thầy, và vào lúc thích hợp, một cách chân thành và chân thực, người đó nói lời đề cao những Tỳ kheo biết tôn kính Sư Thầy. (2) Người đó tự mình tôn kính Giáo Pháp ... (3) ... tôn kính Tăng Đoàn ... (4) ... tôn kính sự tu tập ... (5) ... tôn kính sự định-tâm ... (6) ... dễ tu sửa được ... (7) ...

có đạo hữu tốt, và nói lời đề cao sự có đạo hữu tốt; người đó khuyến khích những Tỳ kheo không có đạo hữu tốt nên có những đạo hữu tốt, và vào lúc thích hợp, một cách chân thành và chân thực, người đó nói lời đề cao những Tỳ kheo có đạo hữu tốt. Thừa Thế Tôn, chính theo cách như vậy là con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều đã được Thế Tôn nói ra một cách vắn tắt.”

[Đức Thế Tôn nói:] “Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Thật tốt lành thầy hiểu được một cách chi tiết điều đã được ta nói ra một cách vắn tắt như vậy.

“Ở đây, này Xá-lợi-phất, một Tỳ kheo tự mình tôn kính vị Sư Thầy ... [*Phật lặp lại y nội dung thầy Xá-lợi-phất mới nói*] ... người đó nói lời đề cao những Tỳ kheo có được đạo hữu tốt. Ý nghĩa của điều được ta nói ra một cách vắn tắt nên được hiểu một cách chi tiết theo cách như vậy.”

36 (5) Một Người Bạn (1)¹³³¹

“Này các Tỳ kheo, một người nên giao lưu với bạn là người có được bảy yếu tố. Bảy đó là gì? (1) Là người cho đi thứ khó cho. (2) Người làm được điều khó làm. (3) Người kiên nhẫn chịu đựng điều khó chịu đựng. (4) Người nói những bí mật cho mình nghe. (5) Người giữ kín những bí mật của mình. (6) Người không bỏ rơi ta khi ta gặp khó khăn hoạn nạn. (7) Người không khinh khi mình một cách thô lỗ.¹³³² Một người nên giao lưu với bạn có được bảy yếu tố (đức tính) này.”

Một người bạn cho được những thứ khó cho,
 Và làm được những điều khó ai làm.
 Người đó tha thứ lời nói gắt gỏng của ta
 Và chịu đựng được những điều khó chịu đựng.

Người đó nói hết những bí mật của người đó,
Nhưng người đó giữ kín những bí mật của ta.
Người đó không bỏ ta trong những lúc khó khăn,
Cũng không khinh khi ta một cách thô lỗ.

Người có những phẩm chất đó trong mình,
Chính là một người bạn.
Ai muốn có một người bạn tốt,
Thì hãy nên trông cậy vào một người như vậy.

37 (6) Một Người Bạn (2)

“Này các Tỳ kheo, một người tu nên giao lưu với một bạn tu (đạo hữu, tăng hữu) có được bảy phẩm chất; mình nên trông cậy vào người đó và nên chăm sóc người đó cho dù người đó có từ bỏ mình. Bảy đó là gì? (1) Người đó là dễ mến và dễ chịu đối với nhiều người; (2) người đó được tôn trọng và (3) đáng kính; (4) người đó là một người nói (lời khuyên khéo tốt cho mình);¹³³³ (5) người đó biết nhẫn nhịn khi bị (người khác) nói này nói nọ; (6) người đó nói lời sâu sắc; và (7) người đó không tham gia với người làm điều sai trái.”

Người thân mến, được tôn trọng và đáng kính,
Là một người nói (cho ta nghe nhiều điều), và
Nhẫn nhịn khi bị người khác nói về mình;
Người đó nói những lời sâu sắc, và
Không giao lưu với người làm điều sai trái.

Người trong mình có những phẩm chất đó
Chính là một người bạn,
Có lòng từ ái và bi mẫn.
Cho dù mình có bị người đó từ bỏ,
Nếu muốn có một người bạn tốt,

Thì hãy nên trông cậy vào một người như vậy.

38 (7) Trí Biết Mang Tính Phân Tích (1)

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo có được bảy phẩm chất, người đó có thể sớm tự mình chứng ngộ, bằng sự hiểu-biết trực-tiếp, bốn loại trí-biết mang tính phân tích và đạt được sự làm-chủ về chúng.¹³³⁴ Bảy đó là gì?

“Ở đây, (1) một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là sự trì-trệ của tâm trong tôi.’¹³³⁵ (2) Hoặc khi tâm bị kìm hãm ở bên trong, người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Tâm của tôi bị kìm hãm ở bên trong.’ (3) Hoặc khi tâm bị xao lãng ở bên ngoài, người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Tâm của tôi bị xao lãng ở bên ngoài.’¹³³⁶ (4) Người đó biết những cảm-giác khi chúng khởi sinh, khi chúng còn, khi chúng biến mất; (5) người đó biết những nhận-thức khi chúng khởi sinh, khi chúng còn, khi chúng biến mất; (6) người đó biết những ý-nghĩ khi chúng khởi sinh, khi chúng còn, khi chúng biến mất.¹³³⁷ (7) Rồi, trong số những phẩm chất thích hợp và không thích hợp, nhược và ưu, tối và sáng cùng với những phẩm chất đối ngược của mỗi chúng, người đó đã khéo nắm giữ dấu-hiệu (tướng), khéo chú tâm (tác ý) tới nó, khéo quán chiếu về nó, khéo tâm nhập nó bằng trí-tuệ.¹³³⁸ Khi một Tỳ kheo có được bảy phẩm chất này, người đó sẽ sớm tự mình chứng ngộ, bằng sự hiểu-biết trực-tiếp, bốn loại trí-biết mang tính phân tích và đạt được sự làm-chủ về chúng.”

39 (8) Trí Biết Mang Tính Phân Tích (2)¹³³⁹

“Này các Tỳ kheo, khi thầy Xá-lợi-phất đã có được bảy phẩm chất này, thầy ấy đã tự mình chứng ngộ, bằng sự hiểu-biết trực-tiếp, bốn loại trí-biết mang tính phân tích và đạt được sự làm-chủ về chúng. Bảy đó

là gì?

“Ở đây, (1) thầy Xá-lợi-phất hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là sự trì-trệ của tâm trong tôi.’¹³⁴⁰ (2) Hoặc khi tâm bị kìm hãm ở bên trong, thầy ấy hiểu đúng như nó thực là: ‘Tâm của tôi bị kìm hãm ở bên trong.’ (3) Hoặc khi tâm bị xao lãng ở bên ngoài, thầy ấy hiểu đúng như nó thực là: ‘Tâm của tôi bị xao lãng ở bên ngoài.’ (4) Thầy ấy biết những cảm-giác khi chúng khởi sinh, khi chúng còn, khi chúng biến mất; (5) thầy ấy biết những nhận-thức khi chúng khởi sinh, khi chúng còn, khi chúng biến mất; (6) thầy ấy biết những ý-nghĩ khi chúng khởi sinh, khi chúng còn, khi chúng biến mất. (7) Rồi, trong số những phẩm chất thích hợp và không thích hợp, nhược và ưu, tối và sáng cùng với những phẩm chất đối ngược của mỗi chúng, thầy ấy đã khéo nắm giữ dấu-hiệu (tướng), khéo chú tâm (tác ý) tới nó, khéo quán chiếu về nó, khéo tâm nhập nó bằng trí-tuệ. Khi một Tỷ kheo có được bảy phẩm chất này, thầy Xá-lợi-phất đã tự mình chứng ngộ, bằng sự hiểu-biết trực-tiếp, bốn loại trí-biết mang tính phân tích và đạt được sự làm-chủ về chúng.”

40 (9) Sự Làm Chủ (1)

“Này các Tỷ kheo, có được bảy phẩm chất, một Tỷ kheo thực hiện sự làm-chủ (sự nắm vững, sự điều phục) về tâm của mình và không làm nô lệ cho tâm mình. Bảy đó là gì? (1) Một Tỷ kheo thiện khéo về định-tâm, (2) thiện khéo về chứng-nhập trong (tầng thiên) định, (3) thiện khéo về thời-gian chứng nhập trong định, (4) thiện khéo về sự thoát-ra khỏi định, (5) thiện khéo về sự phù-hợp để đạt định, (6) thiện khéo về trú-xứ của định,¹³⁴¹ và (7) thiện khéo về giải-pháp đối với định.¹³⁴² Có được bảy phẩm chất này, một Tỷ kheo thực hiện sự làm-chủ về tâm của mình và không làm nô lệ cho tâm mình.”

41 (10) Sự Làm Chủ (2)¹³⁴³

“Này các Tỳ kheo, có được bảy phẩm chất, thầy Xá-lợi-phất thực hiện sự làm-chủ (nắm vững, điều phục) về tâm của mình và không làm nô lệ cho tâm mình. Bảy đó là gì? (1) Thầy Xá-lợi-phất khéo thiện khéo về định-tâm, (2) thiện khéo về chứng-nhập trong (tầng thiền) định, (3) thiện khéo về thời-gian chứng nhập trong định, (4) thiện khéo về sự thoát-ra khỏi định, (5) thiện khéo về sự phù-hợp để đạt định, (6) thiện khéo về trú-xử của định, và (7) thiện khéo về giải-pháp đối với định. Có được bảy phẩm chất này, thầy Xá-lợi-phất thực hiện sự làm-chủ (nắm vững, điều phục) về tâm của mình và không làm nô lệ cho tâm mình.

42 (11) Những Cơ Sở Để [Thành Người] “Không Có Mươi” (1)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Rồi, vào buổi sáng, Ngài Xá-lợi-phất mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi vô thành Sāvathī để khát thực. Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với thầy ấy: “Giờ vẫn còn quá sớm để đi khát thực trong thành Sāvathī. Vậy ta hãy ghé đến khu ở (khu vườn, khuôn viên...) của những du sĩ giáo phái khác.”

Rồi thầy Xá-lợi-phất đã đi đến khu ở của những du sĩ những giáo phái khác. Thầy ấy chào hỏi qua lại với họ; sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên. Vào lúc đó những du sĩ ở đó đang tụ tập và có cuộc đàm đạo này đang diễn ra giữa họ: “Này các đạo hữu, có một người nào sống đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết đã mười hai năm là đủ phẩm chất để được gọi là một Tỳ kheo là người ‘không có mười’.”

Rồi thầy Xá-lợi-phất không hài lòng cũng không phản bác câu nói này của những du sĩ đó, thầy đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về, [thầy ấy nghĩ]: “Minh sẽ tìm hiểu coi đức Thế Tôn sẽ nói gì về điều này.”

Sau đó, sau khi đã đi khát thực trong thành Sāvattthī, sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, thầy ấy đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. [Thầy ấy thưa lại với đức Thế Tôn đúng từng chữ toàn bộ câu chuyện, và hỏi:]

“Thưa Thế Tôn, có thể nào trong Giáo Pháp và giới-luật này mô tả một Tỳ kheo là người ‘không có mười’ chỉ bằng cách đếm số năm, hay không?”

“Này Xá-lợi-phất, trong Giáo Pháp và giới-luật này, không thể nào mô tả một Tỳ kheo là người ‘không có mười’ chỉ bằng cách đếm số năm. Này Xá-lợi-phất, có bảy cơ-sở để [thành người] ‘không có mười’ mà ta đã tuyên thuyết sau khi ta đã tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp.¹³⁴⁴ Bảy đó là gì? Ở đây, (1) một Tỳ kheo có mong-muốn nhiệt thành thụ nhận việc tu-tập và không mất đi sự vui-thích thụ nhận sự tu-tập trong tương lai. (2) Người đó có mong-muốn mạnh mẽ để chú tâm tới Giáo Pháp và không mất đi sự vui-thích để chú tâm tới Giáo Pháp trong tương lai. (3) Người đó có mong-muốn mạnh mẽ để loại bỏ những ước nguyện vô ích và không mất đi sự vui-thích loại bỏ những ước nguyện ô ích trong tương lai.¹³⁴⁵ (4) Người đó có mong-muốn mạnh mẽ để sống tách-ly (ẩn dật) và không mất đi sự vui-thích sống tách-ly trong tương lai. (5) Người đó có mong-muốn mạnh mẽ để phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) và không mất đi sự vui-thích phát khởi sự nỗ-lực trong tương lai. (6) Người đó có mong-muốn mạnh mẽ để (có được) sự chánh-niệm và sự rõ-biết (tỉnh giác) và không mất đi sự vui-thích sự chánh-niệm và sự rõ-biết trong tương lai. (7) Người đó có mong-muốn mạnh mẽ để thâm nhập bằng chánh-kiến và không mất đi sự vui-thích thâm nhập bằng chánh-kiến trong tương lai. Đây là bảy cơ-sở để [thành người] ‘không có mười’ mà ta đã tuyên thuyết sau khi ta đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp.

“Này Xá-lợi-phất, nếu một Tỳ kheo có được bảy cơ-sở này để [thành người] ‘không có mười’, thì, nếu người đó sống đời sống tâm

linh toàn thiện và tinh khiết, thì người đó là đủ phẩm chất được gọi là người ‘không có mùi’. Cũng vậy, nếu người đó sống đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết được hai mươi bốn năm, thì người đó là đủ phẩm chất được gọi là người ‘không có mùi’. Cũng vậy, nếu người đó sống đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết được ba mươi sáu năm, thì người đó là đủ phẩm chất được gọi là người ‘không có mùi’. Cũng vậy, nếu người đó sống đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết được bốn mươi tám năm, thì người đó là đủ phẩm chất được gọi là người ‘không có mùi’.”

43 (12) Những Cơ Sở Để [Thành Người] “Không Có Mùi” (2)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita. Lúc đó, vào buổi sáng, Ngài Ānanda mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa và đi vô thành Kosambī để khất thực. Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với thầy ấy: “Giờ vẫn còn quá sớm để đi khất thực trong thành Sāvattihī. Vậy ta hãy ghé đến khu ở (khu vườn, khuôn viên...) của những du sĩ giáo phái khác.”

Rồi thầy Ānanda đã đi đến khu ở của những du sĩ những giáo phái khác ... [*Tiếp tục giống như kinh 7:42, chỉ thay tên thầy Xá-lợi-phát thành thầy Ānanda và Sāvattihī thành Kosambī, cho đến khi hỏi Phật:*]

“Thưa Thế Tôn, có thể nào trong Giáo Pháp và giới-luật này mô tả một Tỳ kheo là người ‘không có mùi’ chỉ bằng cách đếm số năm, hay không?”

“Này Xá-lợi-phát, trong Giáo Pháp và giới-luật này, không thể nào mô tả một Tỳ kheo là người ‘không có mùi’ chỉ bằng cách đếm số năm. Này Xá-lợi-phát, có bảy cơ-sở để [thành người] ‘không có người’ mà ta đã tuyên thuyết sau khi ta đã tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp. Bảy đó là gì? Ở đây, (1) một Tỳ kheo (1) có niềm-tin, (2) có cảm nhận

biết xấu-hổ về mặt đạo đức, (3) biết sợ-hãi về mặt đạo đức; (4) người đó học hiểu nhiều, (5) chuyên cần nỗ-lực (tinh tấn), (6) có chánh-niệm, và (7) có trí. Đây là bảy cơ-sở để [thành người] ‘không có mùi’ mà ta đã tuyên thuyết sau khi ta đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp.

“Này Ānanda, nếu một Tỳ kheo có được bảy cơ-sở này để [thành người] ‘không có mùi’, thì, nếu người đó sống đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết, thì người đó là đủ phẩm chất được gọi là người ‘không có mùi’. Cũng vậy, nếu người đó sống đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết được hai mươi bốn năm, thì người đó là đủ phẩm chất được gọi là người ‘không có mùi’. Cũng vậy, nếu người đó sống đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết được ba mươi sáu năm, thì người đó là đủ phẩm chất được gọi là người ‘không có mùi’. Cũng vậy, nếu người đó sống đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết được bốn mươi tám năm, thì người đó là đủ phẩm chất được gọi là người ‘không có mùi’.”

NHÓM 5 CÚNG TẾ LỚN

44 (1) Trạm Trú

“Này các Tỳ kheo, có bảy trạm-trú đối với thức.¹³⁴⁶ Bảy đó là gì?

(1) “Này các Tỳ kheo, có những chúng sinh khác nhau về thân và khác nhau về nhận-thức, như trong loài người, một số thiên thần, và một số trong cõi dưới. Đây là trạm trú (nghĩa như: cõi của chúng sinh) thứ nhất đối với thức.¹³⁴⁷

(2) “Có những chúng sinh khác nhau về thân nhưng giống nhau về nhận-thức, như những thiên thần trong đoàn tùy tùng của Trời

Brahmā được tái sinh thông qua (tâm thức của) tầng thiên định thứ nhất. Đây được gọi là trạm trú thứ hai đối với thức.¹³⁴⁸

(3) “Có những chúng sinh giống nhau về thân nhưng khác nhau về nhận-thức, như những thiên-thần chiếu hào quang thành dòng (quang âm thiên). Đây là trạm trú thứ ba đối với thức.¹³⁴⁹

(4) “Có những chúng sinh giống nhau về thân và giống nhau về nhận-thức, nhưng những thiên-thần hào quang chói lọi (biến tịnh thiên). Đây là trạm trú thứ tư đối với thức.¹³⁵⁰

(5) “Có những chúng sinh, với sự đã vượt qua những nhận-thức về sắc-giới, với sự phai biến những nhận-thức về sự chạm-xúc giác quan, với sự không-còn chú-tâm tới những nhận-thức về sự đa-dạng, [nhận thức rằng] ‘Không gian là vô biên’, thuộc về cảnh xứ vô-biên của không-gian (không vô biên xứ). Đây là trạm trú thứ năm đối với thức.

(6) “Có những chúng sinh, bằng cách hoàn toàn vượt trên ‘cảnh xứ vô-biên của không gian’, [nhận thức rằng] ‘thức là vô biên’, thuộc về cảnh xứ vô-biên của thức (thức vô biên xứ). Đây là trạm trú thứ sáu đối với thức.

(7) “Có những chúng sinh, bằng cách hoàn toàn vượt trên ‘cảnh xứ vô-biên của thức’, [nhận thức rằng] ‘sự không có gì’, thuộc về cảnh xứ trống-không (vô sở hữu xứ). Đây là trạm trú thứ bảy đối với thức.

“Này các Tỳ kheo, đây là bảy trạm trú đối với thức.”¹³⁵¹

45 (2) Những Phụ liệu

“Này các Tỳ kheo, có bảy phụ liệu này (cần có) để đạt định. Bảy đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự chú-tâm đúng đắn. Sự nhất-điểm của tâm được trang bị bằng bảy thành phần này thì được gọi là sự định-tâm đúng đắn thánh thiện ‘với những sự hộ-trợ

của nó’ và ‘vói những phụ liệu của nó’.”¹³⁵²

46 (3) *Lửa*

“Này các Tỳ kheo, có bảy lửa này. Bảy đó là gì? Lửa tham, lửa sân, lửa si, lửa của những bậc đáng được tặng quà, lửa của chủ gia, lửa của những người đáng được cúng dường, lửa củi. Đây là bảy lửa.”¹³⁵³

47 (4) *Sự Cúng Tế*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó có bà-la-môn tên Uggatasarīra đã thu xếp mọi thứ cho một lễ cúng tế lớn (đại tế đàn). Năm trăm con bò đực đã được dắt tới cây cột¹³⁵⁴ để cúng tế (cột tế đàn). Năm trăm con bò thiến ... Năm trăm con bò cái ... Năm trăm con dê ... Năm trăm con cừu đực chưa thiến đã được dẫn tới cây cột để cúng tế. Rồi bà-la-môn Uggatasarīra đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thầy Cò-đàm, tôi đã nghe rằng, sự môi lửa cúng tế và sự dựng cột cúng tế sẽ mang lại nhiều phước quả và ích lợi lớn lao.”

“Này bà-la-môn, ta cũng nghe điều này.”

Lần thứ hai ... Lần thứ ba bà-la-môn Uggatasarīra nói lại với đức Thế Tôn:

“Thầy Cò-đàm, tôi đã nghe rằng, sự môi lửa cúng tế và sự dựng cột cúng tế sẽ mang lại nhiều phước quả và ích lợi lớn lao.”

“Này bà-la-môn, ta cũng nghe điều này.”

“Vậy Thầy Cò-đàm và ta hoàn toàn và tất thủy đồng ý với nhau.”

Sau khi điều này được nói ra, Ngài Ānanda mới nói với bà-la-môn Uggatasarīra:

“Này Brahmin, không nên hỏi những Như Lai câu hỏi: ‘Thầy Cò-đàm, tôi đã nghe rằng, sự mời lửa cúng tế và dựng cột cúng tế sẽ mang lại nhiều phước quả và ích lợi lớn lao.’ Không nên hỏi những Như Lai câu hỏi: ‘Thưa Thế Tôn, tôi muốn mời lửa cúng tế và dựng cột cúng tế. Mong đức Thế Tôn khởi xướng và chỉ giáo cho tôi cách để dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho tôi.’”

Rồi bà-la-môn Uggatasarīra đã nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cò-đàm, tôi muốn mời lửa cúng tế và dựng cột cúng tế. Mong Thầy Cò-đàm khởi xướng và chỉ giáo cho tôi cách để dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho tôi.”

“Này bà-la-môn, người mời lửa cúng tế và dựng cột cúng tế, ngay cả trước khi cúng tế, đã giương cao ba con dao bất thiện và đưa đến khổ đau là kết quả và hậu quả của chúng. Ba đó là gì? Đó là dao của hành-động (thân), dao của lời-nói (miệng), và dao của tâm-ý (tâm).

“Này bà-la-môn, người mời lửa cúng tế và dựng cột cúng tế, ngay cả trước khi cúng tế, đã phát khởi một ý-nghĩ như vậy: ‘Hãy có nhiều con bò đực bị giết cho lễ cúng tế! Hãy có nhiều con bò thiến ... nhiều con bò cái ... nhiều con dê ... nhiều con cừu đực bị giết cho lễ cúng tế!’ Mặc dù người đó [nghĩ] ‘Ta làm công đức’, [thực ra] người đó đang làm sự thất-đức. Mặc dù người đó [nghĩ] ‘Ta tìm con đường tới nơi-đến tốt lành’, [thực ra] người đó tìm con đường tới nơi-đến xấu dữ. Một người mời lửa cúng tế và dựng cột cúng tế, ngay cả trước khi cúng tế, đã giương cao con dao thứ nhất, con dao tâm-ý, đó là bất thiện và đưa đến khổ đau là hậu quả và kết quả của nó.

“Lại nữa, này bà-la-môn, một người mời lửa cúng tế và dựng cột cúng tế, ngay cả trước khi cúng tế, đã nói ra lời-nói như vậy: ‘Hãy có nhiều con bò đực bị giết cho lễ cúng tế! Hãy có nhiều con bò thiến ...

nhiều con bò cái ... nhiều con dê ... nhiều con cừu đực bị giết cho lễ cúng tế!’ Mặc dù người đó [nghĩ] ‘Ta làm công đức’, [thực ra] người đó đang làm sự thất-đức. Mặc dù người đó [nghĩ] ‘Ta tìm con đường tới nơi-đến tốt lành’, [thực ra] người đó tìm con đường tới nơi-đến xấu dữ. Một người mời lửa cúng tế và dựng cột cúng tế, ngay cả trước khi cúng tế, đã giương cao con dao thứ hai, con dao lời-nói, đó là bất thiện và đưa đến khổ đau là hậu quả và kết quả của nó.

“Lại nữa, này bà-la-môn, một người mời lửa cúng tế và dựng cột cúng tế, ngay cả trước khi cúng tế, trước tiên đảm trách các khâu chuẩn bị để giết những con bò đực để cúng tế. Người đó trước tiên đảm trách các khâu chuẩn bị để giết bò thiên ... nhiều con bò cái ... nhiều con dê ... nhiều con cừu đực để cúng tế. Mặc dù người đó [nghĩ] ‘Ta làm công đức’, [thực ra] người đó đang làm sự thất-đức. Mặc dù người đó [nghĩ] ‘Ta tìm con đường tới nơi-đến tốt lành’, [thực ra] người đó tìm con đường tới nơi-đến xấu dữ. Một người mời lửa cúng tế và dựng cột cúng tế, ngay cả trước khi cúng tế, đã giương cao con dao thứ ba, con dao hành-động, đó là bất thiện và đưa đến khổ đau là hậu quả và kết quả của nó.

“Này bà-la-môn, người mời lửa cúng tế và dựng cột cúng tế, ngay cả trước khi cúng tế, đã giương cao ba con dao bất thiện này và đưa đến khổ đau là hậu quả và kết quả của chúng.

(1)–(3) “Này bà-la-môn, có ba lửa này nên dẹp bỏ và tránh bỏ và không nên dung dưỡng. Ba đó là gì? Lửa tham, lửa sân, lửa si.

(1) “Và tại sao lửa tham nên (bị) dẹp bỏ và tránh bỏ và không nên dung dưỡng? Người bị kích thích bởi tham dục, bị chi phối bởi tham dục, với cái tâm bị ám muội bởi nó, thì dính vào những hành vi sai trái (ác hành) bởi hành-động, lời-nói, và tâm-ý. Hệ quả là, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Bởi vậy lửa tham này

nên dẹp bỏ và tránh bỏ và không nên dung dưỡng.

(2)–(3) “Và tại sao lửa sân ... lửa si nên dẹp bỏ và tránh bỏ và không nên dung dưỡng? Người bị kích thích bởi sân hận ... si mê, bị chi phối bởi sân hận ... si mê, với cái tâm bị ám muội bởi nó, thì dính vào những hành vi sai trái (ác hành) bởi hành-động, lời-nói, và tâm-ý. Hệ quả là, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Bởi vậy lửa sân ... lửa si nên dẹp bỏ và tránh bỏ và không nên dung dưỡng.

“Đây là ba lửa nên dẹp bỏ và tránh bỏ và không nên dung dưỡng.

(4)–(6) “Này bà-la-môn, có ba lửa nên (được) duy trì một cách đúng đắn và hạnh phúc, sau khi đã tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính ba lửa này. Ba đó là gì? Lửa của những người đáng được tặng quà, lửa của chủ gia, và lửa của những người đáng được cúng dường.

(4) “Và cái gì là lửa của những người đáng được tặng quà? Cha mẹ của một người được gọi là lửa của những người đáng được tặng quà. Vì lý do gì? Bởi vì con người bắt nguồn từ cha mẹ sinh thành.¹³⁵⁵ Bởi vậy, lửa này của những người đáng được tặng quà nên duy trì một cách đúng đắn và hạnh phúc, sau khi đã tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính lửa này.

(5) “Và cái gì là lửa của chủ gia? Vợ con, người ở, người hầu, và người làm ở trong nhà được gọi là lửa của chủ gia. Bởi vậy, lửa này của chủ gia nên duy trì một cách đúng đắn và hạnh phúc, sau khi đã tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính lửa này.

(6) “Và cái gì là lửa của những người đáng được cúng dường? Những tu sĩ và bà-la-môn là những người kiêng cử sự say-sưa và sự lơ-tâm phóng dật, là những người đã ổn định trong hạnh nhẫn-nhịn và hiền-từ, những người thuần-hóa bản thân, làm tĩnh-lặng bản thân, và tu-tập bản thân hướng tới Niết-bàn thì được gọi là lửa của những người đáng

được cúng dường. Bởi vậy, lửa này của những người đáng được cúng dường nên duy trì một cách đúng đắn và hạnh phúc, sau khi đã tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính lửa này.

“Này bà-la-môn, đây là ba lửa nên duy trì một cách đúng đắn và hạnh phúc, sau khi đã tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính lửa này.

(7) “Nhưng, này bà-la-môn, còn lửa củi này thì có lúc thối nó cháy lên, có lúc canh chừng nó với một sự buông-xả, có lúc nên dập tắt nó, có lúc nên dọn dẹp nó đi.”

Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Uggatasarīra đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật xuất sắc, thưa Thầy Cồ-đàm! ... [tiếp tục câu xin quy y như đoạn cuối kinh 6:38] ... Mong Thầy Cồ-đàm hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ nay đến cuối đời. Thưa Thầy Cồ-đàm, con đã thả tự do cho năm trăm con bò đực để chúng được sống. Con đã thả tự do cho năm trăm con bò thiến để chúng được sống. Con đã thả tự do cho năm trăm con bò cái để chúng được sống. Con đã thả tự do cho năm trăm con dê để chúng được sống. Con đã thả tự do cho năm trăm con cừu thiến để chúng được sống. Để chúng ăn cỏ xanh, uống nước mát, và thụ hưởng gió mát lành.”

48 (5) Những Nhận Thức (1)

“Này các Tỳ kheo, có bảy nhận-thức này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới kết quả và ích lợi lớn lao, dẫn tới đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung-cuộc của chúng. Bảy đó là gì? (1) Nhận thức về sự không hấp-dẫn (của thân), (2) nhận thức về cái chết, (3) nhận thức về sự ô-úế (góm ghiếc) của thức ăn, (4) nhận-thức về sự không thích-thú trong toàn bộ thế gian, (5) nhận thức về sự vô-thường, (6) nhận thức

về sự khổ trong những thứ vô-thường, và (7) nhận thức về sự vô-ngã trong những thứ khổ. Đây là bảy nhận-thức, nếu được tu tập và tu dưỡng sẽ dẫn tới kết quả và ích lợi lớn lao, dẫn tới đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung-cuộc của chúng.”

49 (6) Những Nhận Thức (2)

“Này các Tỳ kheo, có bảy nhận-thức này, nếu được tu tập và tu dưỡng sẽ dẫn tới kết quả và ích lợi lớn lao, dẫn tới đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung-cuộc của chúng. Bảy đó là gì? [1] Nhận thức về sự không hấp-dẫn (của thân), [2] nhận thức về cái chết, [3] nhận thức về sự góm-ghiếc của thức ăn, [4] nhận-thức về sự không thích-thú trong toàn bộ thế gian, [5] nhận thức về sự vô-thường, [6] nhận thức về sự khổ trong những thứ vô-thường, và [7] nhận thức về sự vô-ngã trong những thứ khổ. Đây là bảy nhận-thức, nếu được tu tập và tu dưỡng sẽ dẫn tới kết quả và ích lợi lớn lao, dẫn tới đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung-cuộc của chúng.

(1) “Khi điều [1] đã được nói, vì lý do gì nó được nói như vậy?

“Khi một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự không hấp-dẫn (của thân) thì tâm người đó co rút lại khỏi ‘sự dâm dục’, quay lưng lại với nó, lẩn ra khỏi nó, và không bị kéo về phía nó, và sự buông-xả hoặc sự ghê-sợ được thiết lập bên trong người đó. Giống như một cọng lông gà hay một sợi gân khi bị quăng vô lửa thì nó co rút lại khỏi lửa, quay lưng lại với nó, lẩn ra khỏi nó, và không bị kéo về phía nó; giống như cái tâm sẽ làm vậy đối với sự dâm dục khi một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự không hấp-dẫn (của thân).

- “Nếu một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự không hấp-dẫn (của thân), nhưng tâm người đó còn ngã theo dâm dục, hoặc nếu người đó không quay lưng khỏi nó,¹³⁵⁶ thì người

đó nên hiểu rằng: ‘Mình đã tu tập nhận-thức về sự không hấp-dẫn (của thân); giờ vẫn không có sự khác-biệt nào so với tình trạng trước đây của mình; ¹³⁵⁷ mình chưa đạt được kết quả của sự tu tập.’ Người đó nên hiểu thấu rõ điều này. Nhưng, nếu một Tỷ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự không hấp-dẫn (của thân), tâm người đó co rút lại khỏi ‘sự dâm dục’ ... và sự buông-xả hay sự ghê-sợ được thiết lập bên trong người đó, thì người đó nên hiểu rằng: ‘Mình đã tu tập nhận-thức về sự không hấp-dẫn (của thân); giờ có sự khác-biệt so với tình trạng trước đây của mình; mình đã đạt được kết quả của sự tu tập.’ Người đó nên hiểu thấu rõ điều này.

“Khi điều [1] đã được nói, chính vì lẽ này nên nó được nói như vậy.

(2) “Khi điều [2] đã được nói, vì lý do gì nó được nói như vậy?

“Khi một Tỷ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về cái chết thì tâm người đó co rút lại khỏi ‘sự dính-buộc với sự sống’, quay lưng lại với nó, lặn ra khỏi nó, và không bị kéo về phía nó, và sự buông-xả hoặc sự ghê-sợ được thiết lập bên trong người đó. Giống như một cọng lông gà hay một sợi gân khi bị quăng vô lửa thì nó co rút lại khỏi lửa, quay lưng lại với nó, lặn ra khỏi nó, và không bị kéo về phía nó; giống như cái tâm sẽ làm vậy đối với sự dính-buộc với sự sống khi một Tỷ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về cái chết.

- “Nếu một Tỷ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về cái chết, nhưng tâm người đó còn ngã theo sự dính-buộc với sự sống, hoặc nếu người đó không quay lưng khỏi nó, thì người đó nên hiểu rằng: ‘Mình đã tu tập nhận-thức về cái chết; giờ vẫn không có sự khác-biệt nào so với tình trạng trước đây của mình; mình chưa đạt được kết quả của sự tu tập.’ Người đó nên hiểu thấu rõ điều này. Nhưng, nếu một Tỷ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức

về cái chết, tâm người đó co rút lại khỏi ‘sự dính-buộc với sự sống’ ... và sự buông-xả hay sự ghê-sợ được thiết lập bên trong người đó, thì người đó nên hiểu rằng: ‘Mình đã tu tập nhận-thức về cái chết; giờ có sự khác-biệt so với tình trạng trước đây của mình; mình đã đạt được kết quả của sự tu tập.’ Người đó nên hiểu thấu rõ điều này.

“Khi điều [2] đã được nói, chính vì lẽ này nên nó được nói như vậy.

(3) “Khi điều [3] đã được nói, vì lý do gì nó được nói như vậy?”

“Khi một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự chán-ngán đối với thức ăn thì tâm người đó co rút lại khỏi ‘sự thèm-muốn những mùi vị’, quay lưng lại với nó, lăn ra khỏi nó, và không bị kéo về phía nó, và sự buông-xả hoặc sự ghê-sợ được thiết lập bên trong người đó. Giống như một cọng lông gà hay một sợi gân khi bị quăng vô lửa thì nó co rút lại khỏi lửa, quay lưng lại với nó, lăn ra khỏi nó, và không bị kéo về phía nó; giống như cái tâm sẽ làm vậy đối với sự thèm-muốn những mùi vị khi một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự chán-ngán đối với thức ăn.

- “Nếu một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự chán-ngán đối với thức ăn, nhưng tâm người đó còn ngã theo sự thèm-muốn những mùi vị, hoặc nếu người đó không quay lưng khỏi nó, thì người đó nên hiểu rằng: ‘Mình đã tu tập nhận-thức về sự chán-ngán đối với thức ăn; giờ vẫn không có sự khác-biệt nào so với tình trạng trước đây của mình; mình chưa đạt được kết quả của sự tu tập.’ Người đó nên hiểu thấu rõ điều này. Nhưng, nếu một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự chán-ngán đối với thức ăn, tâm người đó co rút lại khỏi ‘sự thèm-muốn những mùi vị’ ... và sự buông-xả hay sự ghê-sợ được thiết lập bên trong người đó, thì người đó nên hiểu rằng: ‘Mình đã tu tập nhận-thức về sự chán-ngán đối với thức ăn; giờ có sự khác-biệt so với tình trạng trước đây của

mình; mình đã đạt được kết quả của sự tu tập.’ Người đó nên hiểu thấu rõ điều này.

“Khi điều [3] đã được nói, chính vì lẽ này nên nó được nói như vậy.

(4) “Khi điều [4] đã được nói, vì lý do gì nó được nói như vậy?

“Khi một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự không thích-thú trong toàn bộ thế gian thì tâm người đó co rút lại khỏi ‘những thứ đẹp đẽ trong thế gian’, quay lưng lại với chúng, lẩn ra khỏi chúng, và không bị kéo về phía chúng, và sự buông-xả hoặc sự ghê-sợ được thiết lập bên trong người đó. Giống như một cọng lông gà hay một sợi gân khi bị quăng vô lửa thì nó co rút lại khỏi lửa, quay lưng lại với nó, lẩn ra khỏi nó, và không bị kéo về phía nó; giống như cái tâm sẽ làm vậy đối với ‘những thứ đẹp đẽ trong thế gian’ khi một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự không thích-thú.

- “Nếu một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự không thích-thú trong toàn bộ thế gian, nhưng tâm người đó còn ngã theo ‘những thứ đẹp đẽ trong thế gian’, hoặc nếu người đó không quay lưng khỏi nó, thì người đó nên hiểu rằng: ‘Mình đã tu tập nhận-thức về sự không thích-thú trong toàn bộ thế gian; giờ vẫn không có sự khác-biệt nào so với tình trạng trước đây của mình; mình chưa đạt được kết quả của sự tu tập.’ Người đó nên hiểu thấu rõ điều này. Nhưng, nếu một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự không thích-thú trong toàn bộ thế gian, tâm người đó co rút lại khỏi ‘những thứ đẹp đẽ trong thế gian’ ... và sự buông-xả hay sự ghê-sợ được thiết lập bên trong người đó, thì người đó nên hiểu rằng: ‘Mình đã tu tập nhận-thức về sự không thích-thú trong toàn bộ thế gian; giờ có sự khác-biệt so với tình trạng trước đây của mình; mình đã đạt được kết quả của sự tu tập.’ Người đó nên hiểu thấu

rõ điều này.

“Khi điều [4] đã được nói, chính vì lẽ này nên nó được nói như vậy.

(5) “Khi điều [5] đã được nói, vì lý do gì nó được nói như vậy?

“Khi một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự vô-thường thì tâm người đó co rút lại khỏi ‘lợi, vinh, danh’, quay lưng lại với chúng, lặn ra khỏi chúng, và không bị kéo về phía chúng, và sự buông-xả hoặc sự ghê-sợ được thiết lập bên trong người đó. Giống như một cọng lông gà hay một sợi gân khi bị quăng vô lửa thì nó co rút lại khỏi lửa, quay lưng lại với nó, lặn ra khỏi nó, và không bị kéo về phía nó; giống như cái tâm sẽ làm vậy đối với ‘lợi, vinh, danh’ khi một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự vô-thường.

- “Nếu một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự vô-thường, nhưng tâm người đó còn ngã theo ‘lợi, vinh, danh’, hoặc nếu người đó không quay lưng khỏi nó, thì người đó nên hiểu rằng: ‘Mình đã tu tập nhận-thức về sự vô-thường; giờ vẫn không có sự khác-biệt nào so với tình trạng trước đây của mình; mình chưa đạt được kết quả của sự tu tập.’ Người đó nên hiểu thấu rõ điều này. Nhưng, nếu một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự vô-thường, tâm người đó co rút lại khỏi ‘lợi, vinh, danh’ ... và sự buông-xả hay sự ghê-sợ được thiết lập bên trong người đó, thì người đó nên hiểu rằng: ‘Mình đã tu tập nhận-thức về sự vô-thường; giờ có sự khác-biệt so với tình trạng trước đây của mình; mình đã đạt được kết quả của sự tu tập.’ Người đó nên hiểu thấu rõ điều này.

“Khi điều [5] đã được nói, chính vì lẽ này nên nó được nói như vậy.

(6) “Khi điều [6] đã được nói, vì lý do gì nó được nói như vậy?

“Khi một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự khổ trong những thứ vô thường, thì có một nhận-thức sâu sắc về sự nguy-hại được thiết lập bên trong người đó đối với những sự (tiêu cực) như uê-oải, lười-biếng, trì-trệ, lơ-tâm phóng dật, thiếu nỗ-lực, và không quán-chiếu, (dứt khoát) giống như một kẻ sát nhân đã rút kiếm ra.

- “Nếu một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự khổ trong những thứ vô-thường nhưng không có một nhận-thức sâu sắc như vậy về sự nguy-hại được thiết lập bên trong người đó đối với những sự như biếng-nhác ... không quán-chiếu, (dứt khoát) giống như một kẻ sát nhân đã rút kiếm ra, thì người đó nên hiểu rằng: ‘Mình đã tu tập nhận-thức về sự khổ trong những thứ vô-thường; giờ vẫn không có sự khác-biệt nào so với tình trạng trước đây của mình; mình chưa đạt được kết quả của sự tu tập.’ Người đó nên hiểu thấu rõ điều này. Nhưng, nếu một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự khổ trong những thứ vô-thường và có một nhận-thức sâu sắc như vậy về sự nguy-hại được thiết lập bên trong người đó đối với những sự như biếng-nhác ... không quán-chiếu, (dứt khoát) giống như một kẻ sát nhân đã rút kiếm ra, thì người đó nên hiểu rằng: ‘Mình đã tu tập nhận-thức về sự khổ trong những thứ vô-thường; giờ có sự khác-biệt so với tình trạng trước đây của mình; mình đã đạt được kết quả của sự tu tập.’ Người đó nên hiểu thấu rõ điều này.

“Khi điều [6] đã được nói, chính vì lẽ này nên nó được nói như vậy.

(7) “Khi điều [7] đã được nói, vì lý do gì nó được nói như vậy?

“Khi một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự vô-ngã trong những thứ khổ, thì tâm người đó không còn sự tạo-nên cái ‘ta’ (ngã kiến), sự tạo-nên cái ‘của-ta’ (ngã chấp), và sự tự-ta (ngã mạn) đối với thân có-thức này và tất cả những đối-tượng

bên ngoài; nó đã vượt qua sự phân biệt đối đãi, và được bình-an và khéo giải-thoát.¹³⁵⁸

- “Nếu một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự vô-ngã trong những thứ khổ nhưng tâm người đó vẫn còn sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và sự tự-ta đối với thân có-thức này và tất cả những đối-tượng bên ngoài; nếu tâm không vượt trên sự phân-biệt đối đãi, và không được bình-an và không khéo giải-thoát, thì người đó nên hiểu rằng: ‘Mình đã tu tập nhận-thức về sự vô-ngã trong những thứ khổ; giờ vẫn không có sự khác-biệt nào so với tình trạng trước đây của mình; mình chưa đạt được kết quả của sự tu tập.’ Người đó nên hiểu thấu rõ điều này. Nhưng, nếu một Tỳ kheo thường an trú với một cái tâm đã quen với nhận-thức về sự vô-ngã trong những thứ khổ và tâm người đó không còn sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và sự tự-ta đối với thân có-thức này và tất cả những đối-tượng bên ngoài, và nó đã vượt qua sự phân biệt đối đãi, và được bình-an và khéo giải-thoát, thì người đó nên hiểu rằng: ‘Mình đã tu tập nhận-thức về sự vô-ngã trong những thứ khổ; giờ có sự khác-biệt so với tình trạng trước đây của mình; mình đã đạt được kết quả của sự tu tập.’ Người đó nên hiểu thấu rõ điều này.

“Khi điều [7] đã được nói, chính vì lẽ này nên nó được nói như vậy.

“Này các Tỳ kheo, đây là bảy nhận-thức, nếu được tu tập và tu dưỡng sẽ dẫn tới kết quả và ích lợi lớn lao, dẫn tới đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung-cuộc của chúng.”

50 (7) Sự Dâm Dục

Lúc đó có bà-la-môn tên Jāṇussoṇī đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn ... và nói với đức Thế Tôn:

“Có phải Thầy Cồ-đàm cũng tuyên bố mình là người sống đời sống độc thân?”¹³⁵⁹

“Này bà-la-môn, nếu ai nói đúng đắn mà nói về người nào như vậy: ‘Người đó sống một đời sống độc thân toàn thiện và tinh khiết—không bị sút mẻ, không bị khuyết lỗi, không bị ô nhiễm, không bị tì vết’—thì rõ ràng người đó đã nói về ta. Bởi ta sống một đời sống độc thân toàn thiện và tinh khiết—không bị sút mẻ, không bị khuyết lỗi, không bị ô nhiễm, không bị tì vết.”

“Nhưng Thầy Cồ-đàm, cái gì là sự sai phạm, sự khuyết lỗi, sự ô nhiễm, và tì vết của đời sống độc thân?”

(1) “Ồ đây, này bà-la-môn, có tu sĩ hay bà-la-môn, tuyên bố độc thân hoàn hảo, không dính chuyện dâm dục với phụ nữ. Nhưng người đó lại đồng ý để họ kỳ cọ, xoa bóp, tắm tấp, và nhào nặn (thân mình). Người đó mê thích điều đó, ham thích điều đó, và thấy thỏa mãn với điều đó. Đây là sự sai phạm, sự khuyết lỗi, sự ô nhiễm, và tì vết của đời sống độc thân. Người đó được gọi là người sống đời sống độc thân không trong sạch, là người bị trói buộc bởi sự dính-líu về tính dục. Người đó không thoát khỏi sự sinh, không thoát khỏi sự già và chết, không thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; người đó không thoát khỏi sự khổ đau, ta nói vậy.

(2) “Lại nữa, có tu sĩ hay bà-la-môn, tuyên bố độc thân hoàn hảo, không dính chuyện dâm dục với phụ nữ; cũng không đồng ý để họ kỳ cọ, xoa bóp, tắm tấp, và nhào nặn (thân mình). Nhưng người đó đùa cợt với những phụ nữ, chơi đùa với họ, và vui vẻ cùng với họ ...

(3) “Lại nữa ... người đó không đùa cợt với những phụ nữ, không chơi đùa với họ, không vui vẻ cùng với họ, nhưng người đó nhìn chăm chăm và nhìn vào trong mắt họ ...

(4) “Lại nữa ... người đó không nhìn chăm chăm hay nhìn vào mắt những phụ nữ, nhưng người đó lắng nghe giọng nói của họ sau

tường rào hay vách ngăn khi họ cười, nói, hát, hay khóc ...

(5) “Lại nữa ... người đó không lắng nghe giọng nói của phụ nữ sau tường rào hay vách ngăn khi họ cười, nói, hát, hay khóc, nhưng người đó cứ tưởng nhớ tới sự cười, sự nói, và sự chơi đùa với họ trước đó ...

(6) “Lại nữa ... người đó không tưởng nhớ tới sự cười, sự nói, và sự chơi đùa với phụ nữ trước đó, nhưng người đó cứ nhìn ngó một ông chủ nhà hay con cái ông ta đang có và thụ hưởng năm đối-tượng khoái lạc giác quan ...

(7) “Lại nữa ... người đó không nhìn ngó một ông chủ nhà hay con cái ông ta đang có và thụ hưởng năm đối-tượng khoái lạc giác quan, nhưng người đó sống đời sống tâm linh với hạnh nguyện [được tái sinh] trong một hạng những thiên-thần nào đó (tu tiên), [nghĩ rằng]: ‘Bằng giới-hạnh này, sự trì-giới, sự khổ-hạnh, hay đời sống tâm linh này, tôi sẽ thành một thiên thần hoặc một [trong đoàn tùy tùng] của những thiên-thần. Đây cũng là một sự sai phạm, sự khuyết lỗi, sự ô nhiễm, và tì vết của đời sống độc thân. Người đó được gọi là người sống đời sống độc thân không trong sạch, là người bị trói buộc bởi sự lệ thuộc tính dục. Người đó không thoát khỏi sự sinh, không thoát khỏi sự già và chết, không thoát khỏi sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; người đó không thoát khỏi sự khổ đau, ta nói vậy.

“Này bà-la-môn, chừng nào ta còn thấy mình chưa trừ bỏ được một điều nào trong bảy sự dính-líu về tính dục, thì ta đã không tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ vô thượng toàn thiện trong thế giới này có những thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người. Nhưng khi ta không còn thấy thậm chí một trong bảy sự dính-líu về tính dục mà ta chưa trừ bỏ, thì ta mới tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ vô thượng toàn thiện trong thế giới này có những thiên thần

... và loài người.

“Sự hiểu-biết (tri) và tâm-nhìn (kiến) đã khởi sinh trong ta: ‘Sự giải-thoát của ta là bất lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ giờ không còn sự tái hiện-hữu nữa.’”

Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Jāṇussoṇī đã nói với đức Thế Tôn:

“Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật xuất sắc, thưa Thầy Cồ-đàm! ... [*tiếp tục câu xin quy y như đoạn cuối kinh 6:38*] ... Mong Thầy Cồ-đàm hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ nay đến cuối đời.”

51 (8) Sự Phối Hợp

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy một bài giảng Giáo Pháp về sự phối-hợp và sự không phối-hợp.¹³⁶⁰ Hãy lắng nghe điều đó....

“Và cái gì là bài giảng Giáo Pháp về sự phối-hợp và sự không phối-hợp?

“Này các Tỳ kheo, một phụ nữ chú ý bên trong (về mình) tới căn nữ, tính nữ, diện mạo nữ, dáng vẻ nữ, nhục dục nữ, giọng nói nữ, trang điểm nữ.¹³⁶¹ Người nữ đó bị kích thích bởi những điều này và thích thú với chúng. Do bị kích thích bởi chúng, thích thú với chúng, người nữ đó chú ý bên ngoài (đối tượng) tới căn nam, tính nam, diện mạo nam, dáng vẻ nam, nhục dục nam, giọng nói nam, trang điểm nam. Người nữ đó bị kích thích bởi những điều này và thích thú với chúng. Do bị kích thích bởi chúng, thích thú với chúng, nên người nữ đó ham muốn sự phối-hợp với bên ngoài, và người nữ đó cũng ham muốn sự khoái-lạc và vui-thú phát sinh khi có sự phối-hợp đó. Chúng sinh nào thích thú với tính nữ của mình thì bước vào phối-hợp với những người nam. Chính theo cách này một phụ nữ không vượt thoát khỏi tính nữ của

mình.

“Này các Tỳ kheo, một người nam chú ý bên trong (về mình) tới căn nam, tính nam, diện mạo nam, dáng vẻ nam, nhục dục nam, giọng nói nam, trang điểm nam. Nam đó bị kích thích bởi những điều này và thích thú với chúng. Do bị kích thích bởi chúng, thích thú với chúng, nam đó chú ý ra bên ngoài (đối tượng) tới căn nữ, tính nữ, diện mạo nữ, dáng vẻ nữ, nhục dục nữ, giọng nói nữ, trang điểm nữ. Người nam đó bị kích thích bởi những điều này và thích thú với chúng. Do bị kích thích bởi chúng, thích thú với chúng, nên người nam đó ham muốn sự phối-hợp với bên ngoài, và người nam đó cũng ham muốn sự khoái-lạc và vui-thú phát sinh do có sự phối-hợp đó. Chúng sinh nào thích thú với nam tính của mình thì bước vào sự phối-hợp với những phụ nữ. Chính theo cách này một người nam không vượt thoát khỏi tính nam của mình.

“Đây là cách sự phối-hợp xảy ra. Và theo cách nào thì sự không phối-hợp xảy ra?

“Này các Tỳ kheo, một phụ nữ không chú tâm bên trong (về mình) tới căn nữ, tính nữ ... trang điểm nữ. Người nữ đó không bị kích thích bởi những điều này và không thích thú với chúng. Do không bị kích thích bởi chúng, không thích thú với chúng, nên người nữ đó không chú tâm bên ngoài (đối tượng) tới căn nam, tính nam ... trang điểm nam. Người nữ đó không bị kích thích bởi những điều này và không thích thú với chúng. Do không bị kích thích bởi chúng, không thích thú với chúng, nên người nữ đó không ham muốn sự phối-hợp với bên ngoài, cũng không ham muốn sự khoái-lạc và vui-thú phát sinh do có sự phối-hợp đó. Chúng sinh nào không thích thú với nữ tính của mình thì không bước vào sự phối-hợp với những người nam. Chính theo cách này một người nữ vượt khỏi tính nữ của mình.

“Này các Tỳ kheo, một người nam không chú tâm bên trong (về mình) tới căn nam, tính nam ... trang điểm nam. Người nam đó không

bị kích thích bởi những điều này và không thích thú với chúng. Do không bị kích thích bởi chúng, không thích thú với chúng, nên người nam đó không chú tâm bên ngoài (đối tượng) tới căn nữ, tính nữ ... trang điểm nữ. Người nam đó không bị kích thích bởi những điều này và không thích thú với chúng. Do không bị kích thích bởi chúng, không thích thú với chúng, nên người nam đó không ham muốn sự phối-hợp với bên ngoài, cũng không ham muốn sự khoái-lạc và vui-thú phát sinh do có sự phối-hợp đó. Chúng sinh nào không thích thú với nam tính của mình thì không bước vào sự phối-hợp với những phụ nữ. Chính theo cách này một người nam vượt khỏi giới nam của mình.

“Đây là cách sự không phối-hợp xảy ra.

“Này các Tỳ kheo, đây là bài giảng Giáo Pháp về sự phối-hợp và sự không phối-hợp.”

52 (9) Sự Bỏ Thi

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Campā bên bờ Hồ Sen Gaggārā. Bấy giờ có một số đệ tử tại gia từ Campā đã đến gặp Ngài Xá-lợi-phất, kính chào thầy ấy, ngồi xuống một bên, và thưa với thầy ấy:

“Thưa Thầy Xá-lợi-phất, đã lâu rồi kể từ lúc chúng tôi được nghe một cuộc nói chuyện Giáo Pháp từ đức Thế Tôn. Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu chúng tôi lại được nghe một cuộc nói chuyện Giáo Pháp từ đức Thế Tôn.”

“Này các đạo hữu, trong trường hợp này, các đạo hữu nên đến vào ngày bố-tát [uposatha]. Có lẽ lúc đó các đạo hữu sẽ được nghe một cuộc nói chuyện Giáo Pháp từ đức Thế Tôn.”

“Dạ, thưa thầy”, những đệ tử tại gia đáp lại. Rồi, sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi, họ kính chào thầy Xá-lợi-phất, đi vòng ra giữ thầy ấy ở hướng bên phải họ, và ra về.

Rồi, vào ngày lễ bố-tát, những đệ tử tại gia đó từ Campā đã đến gặp thầy Xá-lợi-phất, kính chào thầy, và ngồi xuống một bên. Rồi thầy Xá-lợi-phất cùng với những đệ tử tại gia đó đã đến chỗ đức Thế Tôn. Họ kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thầy Xá-lợi-phất thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, có thể có trường hợp một món quà được cúng tặng bởi người nào ở đây là không mang lại kết quả và ích lợi lớn lao gì? Và có thể có trường hợp một món quà được cúng tặng bởi người nào khác ở đây là mang lại kết quả và ích lợi lớn lao?”

“Này Xá-lợi-phất, có trường hợp như vậy, rằng một món quà được cúng tặng bởi một người ở đây là không mang lại kết quả và ích lợi lớn lao gì. Và cũng có trường hợp một món quà được cúng tặng bởi một người khác ở đây là mang lại kết quả và ích lợi lớn lao.”

“Thưa Thế Tôn, tại sao có món quà không mang lại kết quả và ích lợi lớn lao gì, còn món quà khác thì có?”

(1) “Ở đây, này Xá-lợi-phất, có người cúng tặng một món quà với những cầu-mong này nọ, với cái tâm bị trói buộc (dính danh), trông đợi được tưởng thưởng (lại quả); người đó cúng tặng một món quà [vì nghĩ]: ‘Sau khi qua đời, ta sẽ hưởng lợi từ việc cúng tặng này.’ Người đó cúng dường món quà đó cho một tu sĩ hay một bà-la-môn như: thức ăn và thức uống; quần áo và xe cộ; vòng hoa, dầu thơm, và phấn sáp; giường chiếu, chỗ ở, và đèn sáng. Thầy nghĩ sao, này Xá-lợi-phất? Có người ở đây cúng tặng một món quà như vậy phải không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Trong trường hợp đó, này Xá-lợi-phất, người đó cúng tặng một món quà với những cầu-mong này nọ, với cái tâm bị trói buộc, trông đợi được tưởng thưởng; người đó cúng tặng một món quà [vì nghĩ]: ‘Sau khi qua đời, ta sẽ hưởng lợi từ việc cúng tặng này’. Sau khi đã cúng tặng một món quà như vậy, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó

được tái sinh trong số những thiên-thần trong cõi trời [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương. Sau khi hết nghiệp, hết thân thông, vinh quang và đặc quyền ở đó, người đó sẽ quay lại trạng thái hiện hữu này.

(2) “Nhưng, này Xá-lợi-phất, có người không cúng tặng một món quà với những cầu-mong này nọ, với cái tâm bị trói buộc, trông đợi được tưởng thưởng; người đó không cúng tặng một món quà [vì nghĩ]: ‘Sau khi qua đời, ta sẽ hưởng lợi từ việc cúng tặng này’. Thay vì vậy, người đó cũng tặng một món quà [vì nghĩ]: ‘Sự bố thí là tốt lành’ ...

(3) “Người đó không cúng tặng một món quà [vì nghĩ]: ‘Sự bố thí là tốt lành’, thay vì vậy người đó cũng tặng một món quà [vì nghĩ]: ‘Sự bố thí đã được cha ông mình làm trước đây; nên giờ mình cũng làm theo chứ không nên dẹp bỏ gia tục cổ truyền’ ...

(4) “Người đó không cúng tặng một món quà [vì nghĩ]: ‘Sự bố thí đã được cha ông mình làm trước đây; nên giờ mình cũng làm theo chứ không nên dẹp bỏ gia tục cổ truyền’, thay vì vậy người đó cúng tặng một món quà [vì nghĩ] ‘Tôi nấu; những người này không nấu. Sẽ không đúng đắn nếu tôi nấu mà không cúng tặng cho những người không nấu’ ...

(5) “Người đó không cúng tặng một món quà [vì nghĩ]: ‘Tôi nấu ... cho những người không nấu’, thay vì vậy người đó cúng tặng một món quà [vì nghĩ]: ‘Giống như những bậc nhìn-thấy của thời trước— như Aṭṭhaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggi, Aṅgīrasa, Bhāradvāja, Vāsetṭha, Kassapa, và Bhagu—luôn tổ chức những buổi cúng tế lớn, do vậy tôi cũng muốn chia sẻ một món quà’ ...

(6) “Người đó không cúng tặng một món quà [vì nghĩ]: ‘Giống như những bậc nhìn-thấy của thời trước ... do vậy tôi cũng muốn chia sẻ một món quà’, thay vì vậy người đó cúng tặng một món quà [vì nghĩ]: ‘Khi tôi đang bố thí một món quà, tâm của tôi được hiền dịu, và sự phấn khởi và niềm vui khởi sinh’ ...

(7) “Người đó không cúng tặng một món quà [vì nghĩ]: ‘Khi tôi đang bố thí một món quà, tâm của tôi được hiền dịu, và sự phấn khởi và niềm vui khởi sinh’, thay vì vậy người đó cúng tặng một món quà [vì nghĩ]: ‘Sự bố thí cho đi là một trang sức của cái tâm, một phụ liệu của cái tâm’ Người đó cúng dường món quà đó cho một tu sĩ hay một bà-la-môn như: thức ăn và thức uống; quần áo và xe cộ; vòng hoa, dầu thơm, và phấn sáp; giường chiếu, chỗ ở, và đèn sáng. Thầy nghĩ sao, này Xá-lợi-phất? Có người ở đây cúng tặng một món quà như vậy phải không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Trong trường hợp đó, này Xá-lợi-phất, (1) người đó không cúng tặng một món quà với những cầu-mong này nọ, với cái tâm bị trói buộc, trông đợi được tưởng thưởng; người đó cúng tặng một món quà [vì nghĩ]: ‘Sau khi qua đời, ta sẽ hưởng lợi từ việc cúng tặng này’. (2) Người đó không cúng tặng một món quà [vì nghĩ]: ‘Sự bố thí là tốt lành’ ... (3) [vì nghĩ]: ‘Sự bố thí đã được cha ông mình làm trước đây; giờ mình cũng làm theo chứ không nên dẹp bỏ gia tục cổ truyền này’ ... (4) [vì nghĩ]: ‘Tôi nấu; những người đó không nấu. Sẽ không đúng đắn nếu tôi nấu mà không cho tặng những người không nấu’ ... (5) [vì nghĩ]: ‘Giống như những bậc nhìn thấy thời trước ... do vậy tôi cũng chia sẻ một món quà’ ... (6) [vì nghĩ]: ‘Khi tôi đang bố thí một món quà, tâm của tôi được hiền dịu, và sự phấn khởi và niềm vui khởi sinh’, thay vì vậy (7) người đó cúng tặng một món quà [vì nghĩ]: ‘Sự bố thí cho đi là một trang sức của cái tâm, một phụ liệu của cái tâm’. Sau khi cúng tặng một món quà như vậy, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên-thần thuộc đoàn tùy tùng của trời Brahmā (Phạm thiên). Sau khi hết nghiệp, hết thần thông, vinh quang và đặc quyền ở đó, người đó không quay lại hay trở lại trạng thái hiện hữu này nữa.

“Này Xá-lợi-phất, đây là lý do tại sao có món quà được cúng tặng

bởi người này ở đây không mang lại kết quả và ích lợi lớn lao gì. Và đây là lý do có món quà được cúng tặng bởi người kia ở đây thì mang lại kết quả và ích lợi lớn lao.”

53 (10) *Nandamātā*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Đại Mục-kiền-liên đang đi du hành ở Dakkhināgiri cùng với một đoàn tăng lớn các Tỳ kheo. Bấy giờ, vào lúc đó có nữ đệ tử tại gia Veḷukaṇṭakī Nandamātā [Nandamātā nghĩa là: mẹ của Nanda] đã thức dậy vào lúc trời rạng sáng, tụng lớn chương “*Pārāyana*” (Con đường đi qua bờ bên kia; đáo bỉ ngạn).¹³⁶²

Bấy giờ, lúc đó có đại vương [là thiên thần] Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn) đang du hành từ bắc xuống nam vì một số công việc. Vị tiên này nghe nữ cư sĩ Nandamātā đọc tụng bài “*Pārāyana*” và đã đứng lại chờ đến khi cô ấy đọc xong. Khi nữ cư sĩ Nandamātā đã đọc xong, cô ấy im lặng. Sau khi hiểu được nữ cư sĩ Nandamātā đã đọc xong bài tụng, đại vương Vessavaṇa mới khen ngợi: “Lành thay, này cô em! Lành thay, này cô em!”

“Quý vị là ai, này người đáng mến?”

“Ta là anh trai của cô em, là đại vương [là thiên thần] Vessavaṇa đây, em ạ.”

“Lành thay, này anh thân mến! Vậy hãy coi như bài giảng Giáo Pháp em mới vừa thán tụng là món quà biếu khách dành cho anh.”¹³⁶³

“Lành thay, này em gái! Vậy em cũng hãy tặng thêm cho anh một món quà biếu khách khác: Ngày mai, có Tăng đoàn các Tỳ kheo được dẫn đầu bởi Ngài Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên sẽ đến Veḷukaṇṭaka trước khi họ ăn bữa sáng. Em hãy phục vụ họ và chuyển lời là anh cúng dường cho họ. Đây sẽ là một món quà biếu khách của em dành cho

anh.”

Rồi khi đêm đã qua, nữ cư sĩ Nandamātā đã chuẩn bị xong nhiều món ăn ngon ở tư gia của mình. Rồi, Tăng đoàn các Tỳ kheo được dẫn đầu bởi Ngài Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đã đến Veḷukaṇṭaka khi họ chưa ăn bữa sáng.

Rồi nữ cư sĩ Nandamātā đã nhờ một người: “Này thiện hữu. Hãy đến chỗ tu viện và báo giờ cho Tăng đoàn các Tỳ kheo, thưa rằng: ‘Thưa quý thầy, giờ ăn trưa đã sẵn sàng ở tư gia của Phu nhân Nandamātā.’” Người đó đáp lại: “Dạ, thưa phu nhân”, và ông ta đi đến chỗ tu viện và chuyển tin cho quý thầy. Rồi Tăng đoàn các Tỳ kheo dẫn đầu bởi thầy Mục-kiền-liên và Xá-lợi-phất mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi đến tư gia của nữ cư sĩ Nandamātā, tới nơi họ ngồi xuống những chỗ ngồi đã được dọn sẵn.

Rồi nữ cư sĩ Nandamātā tự tay mình phục vụ và làm vui lòng bằng nhiều loại thức ăn ngon cho Tăng đoàn các Tỳ kheo được dẫn đầu bởi thầy Mục-kiền-liên và Xá-lợi-phất. Khi thầy Xá-lợi-phất đã ăn xong và dẹp bình bát qua một bên, phu nhân ngồi xuống một bên, và thầy Xá-lợi-phất mới hỏi phu nhân:

“Nhưng này, cô Nandamātā, ai đã nói cho cô rằng Tăng đoàn các Tỳ kheo sắp đến đây?”

(1) “Ồ đây, thưa thầy, lúc đó sau khi thức dậy khi trời đang rạng sáng, con đã tụng đọc “*Pārāyana*” [*Và phu nhân cô đã thuật lại toàn bộ câu chuyện đã xảy ra ở đầu kinh, cho đến câu cuối mà (vị tiên) đại vương Vessavaṇa đã nói:*] Đây sẽ là một món quà biếu khách của em dành cho anh.” Thưa thầy, cầu mong cho công đức nào có được từ việc bố thí này sẽ thành sự an lạc cho đại vương [thiên thần] Vessavaṇa.”

“Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời,¹³⁶⁴ này Nandamātā, rằng cô có thể đối thoại¹³⁶⁵ trực tiếp với một thiên thần trẻ đầy uy và lực như đại vương [thiên thần] Vessavaṇa.”

(2) “Thưa thầy, đó không phải là phẩm chất duy nhất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời của con. Còn điều khác nữa. Con có một đứa con trai duy nhất, một đứa con yêu quý và yêu dấu tên là Nanda. Những người nắm quyền đã bắt nó vì lý do gì đó và xử tử nó. Thưa thầy, khi đứa con trai đang bị bắt giam hay đang bị bắt, khi nó đang ở trong tù hay khi đang bị tổng tù,¹³⁶⁶ khi nó chết hay khi đang bị giết, con nhớ lại không có bất kỳ sự biến đổi nào của tâm con lúc đó.”¹³⁶⁷

“Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, này Nandamātā, rằng cô có thể thanh lọc ngay cả sự khởi sinh của một ý nghĩ.”¹³⁶⁸

(3) “Thưa thầy, đó không phải là phẩm chất duy nhất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời của con. Còn điều khác nữa. Khi chồng con chết, ông ấy đã tái sinh trong cõi quỷ dạ-xoa [yakkha].¹³⁶⁹ Ông ấy hiện ra trong thân sắc trước đó của mình, nhưng con nhớ lại không có sự biến đổi nào của tâm con lúc đó.”

“Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, này Nandamātā, rằng cô có thể thanh lọc ngay cả sự khởi sinh của một ý nghĩ.”

(4) “Thưa thầy, đó không phải là phẩm chất duy nhất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời của con. Còn điều khác nữa. Khi con được gả vợ cho chồng của con lúc còn là một cô gái trẻ, con nhớ lại không có một ý nghĩ vi phạm nào đối với ông ấy, lầy đâu tới hành động vi phạm.”

“Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, này Nandamātā, rằng cô có thể thanh lọc ngay cả sự khởi sinh của một ý nghĩ.”

(5) “Thưa thầy, đó không phải là phẩm chất duy nhất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời của con. Còn điều khác nữa. Từ khi con tuyên bố mình là một đệ tử tại gia, con nhớ lại không có một sự vi phạm cố ý nào đối với các giới tu nào.”¹³⁷⁰

“Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, này Nandamātā!”

(6) “Thưa thầy, đó không phải là phẩm chất duy nhất đáng ngạc

nhiên và tuyệt vời của con. Còn điều khác nữa. Tùy theo con muốn, con có thể: tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi ttbt, con chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất, trạng thái có đi kèm với ý nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.

“Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ và sự hạnh-phúc được sinh ra từ sự định-tâm.

“Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ, người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm niềm hạnh phúc cùng với thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: ‘Người đó buông xả, có chánh niệm, là người an trú một cách hạnh phúc’.

“Với sự dẹp bỏ sự sượng-khổ (không còn sượng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn vui hay buồn), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sượng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.”

“Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, này Nandamātā!”

(7) “Thưa thầy, đó không phải là phẩm chất duy nhất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời của con. Còn điều khác nữa. Đối với năm gông-cùm nhẹ đô (đầu tiên) đã được dạy bởi đức Thế Tôn, con thấy không còn cái nào con chưa dẹp bỏ.”¹³⁷¹

“Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, này Nandamātā!”

Rồi thầy Xá-lợi-phất đã chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ cô Nandamātā bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, sau đó thầy ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về.

[Năm Mười Kinh Thứ Hai]

NHÓM 1

KHÔNG ĐƯỢC TUYÊN BỐ

54 (1) Không Được Tuyên Bố (1)

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, tại sao nghi-ngờ về những điều đã không được tuyên bố không khởi sinh trong người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy?”¹³⁷²

“Này Tỳ kheo, khi chấm dứt những quan-điểm này nọ (tà kiến) thì nghi-ngờ về những điều đã không được tuyên bố không khởi sinh trong người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy.

(1) “‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’: điều này là sự dính vào những quan-điểm này nọ; ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’: điều này là sự dính vào những quan-điểm này nọ; ‘Nhu Lai không hiện hữu sau khi chết’: điều này là sự dính vào những quan-điểm này nọ; ‘Nhu Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’: điều này là sự dính vào những quan-điểm này nọ; ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’: điều này là sự dính vào những quan-điểm này nọ.

“Này Tỳ kheo, người phạm pho không được chỉ dạy không hiểu được những quan-điểm này nọ (tà kiến), nguồn gốc của chúng, sự chấm dứt của chúng, và con đường dẫn tới sự chấm dứt chúng. Đối với người

đó, những quan điểm đó gia tăng. Người đó không thoát khỏi sự sinh, không thoát khỏi sự già và chết, không thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; người đó không thoát khỏi khổ đau, ta nói vậy.

“Nhưng người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy thì hiểu được những quan-điểm này nọ, nguồn gốc của chúng, sự chấm dứt của chúng, và con đường dẫn tới sự chấm dứt của chúng. Đối với người đó, những quan điểm đó chấm dứt. Người đó thoát khỏi sự sinh, thoát khỏi sự già và chết, thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; người đó thoát khỏi khổ đau, ta nói vậy.

“Sau khi đã biết như vậy, đã thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy không tuyên bố: ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’; hay ‘Nhu Lai không hiện hữu sau khi chết’; hay ‘Nhu Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’; hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Sau khi đã biết như vậy, đã thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy không tuyên bố đối với những điều đã không được tuyên bố (bởi Phật).

“Sau khi đã biết như vậy, đã thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy không run sợ, không lay chuyển, không dao động, và không bị khủng hoảng¹³⁷³ đối với những điều đã không được tuyên bố.

(2) “‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’: điều này là dính vào dục-vọng (ái) ... (3) ... điều này là dính vào sự nhận-thức (tưởng) ... (4) ... là sự nhận-định (do nhận định này nọ mà có) ... (5) ... là một sự tăng-phóng (phóng tâm) ... (6) ... là dính với sự dính-chấp (chấp thủ) ... (7) ... là một sự [nền tảng để, là điều sẽ] hối-tiếc; ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’: điều này là một sự [nền tảng để, là điều sẽ] hối-tiếc; ‘Nhu Lai không hiện hữu sau khi chết’: điều này là một sự hối-tiếc; ‘Nhu Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’: điều này là một sự hối-tiếc; ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi

chết’: điều này là một sự hối-tiếc.

“Này Tỳ kheo, người phạm phu không được chỉ dạy không hiểu được sự hối-tiếc, nguồn gốc của chúng, sự chấm dứt của chúng, và con đường dẫn tới sự chấm dứt chúng. Đối với người đó, những quan điểm đó gia tăng. Người đó không thoát khỏi sự sinh, không thoát khỏi sự già và chết, không thoát khỏi sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; người đó không thoát khỏi khổ đau, ta nói vậy.

“Nhưng người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy thì hiểu được sự hối-tiếc, nguồn gốc của chúng, sự chấm dứt của chúng, và con đường dẫn tới sự chấm dứt chúng. Đối với người đó, những quan điểm đó chấm dứt. Người đó thoát khỏi sự sinh, thoát khỏi sự già và chết, không thoát khỏi sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; người đó thoát khỏi khổ đau, ta nói vậy.

“Sau khi đã biết như vậy, đã thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy không tuyên bố: ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’; hay ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’; hay ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’; hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Sau khi đã biết như vậy, đã thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy không tuyên bố đối với những điều đã không được tuyên bố (bởi Phật).

“Sau khi đã biết như vậy, đã thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy không run sợ, không lay chuyển, không dao động, và không bị khủng hoảng đối với những điều đã không được tuyên bố.

“Này Tỳ kheo, đây là lý do tại sao nghi-ngờ về những điều đã không được tuyên bố không khởi sinh trong người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy.”

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy bảy nơi-đền của những người tu và sự chứng ngộ niết-bàn nhờ sự không-còn dính-chấp. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(I) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là bảy nơi-đền của những người tu?¹³⁷⁴

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo đang tu tập như vậy: ‘Điều đó không nên xảy ra, nó không nên xảy ra với ta; điều đó sẽ không xảy ra, nó sẽ không xảy ra với ta.’¹³⁷⁵ Ta đang dẹp bỏ cái (đang) hiện hữu, cái đã ắt sẽ trở thành.’ Người đó đạt được sự buông-xả. Người đó không bị dính buộc vào sự hiện-hữu; người đó không bị dính vào sự khởi-sinh. Người đó nhìn thấy bằng trí-tuệ chánh đúng: ‘Có một trạng thái cao siêu hơn, nó thực bình an’,¹³⁷⁶ nhưng người đó chưa hoàn toàn chứng ngộ trạng thái đó. Người đó chưa hoàn toàn trừ bỏ khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sự tự-ta (tùy miên ngã mạn); người đó chưa hoàn toàn trừ bỏ khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra tham-dục muốn hiện-hữu (tùy miên hữu dục); người đó chưa hoàn toàn trừ bỏ vô-minh.¹³⁷⁷ Với sự phá-sạch năm gông-cùm nhẹ đô (năm gông-cùm đầu tiên; hạ phần kiết sử), người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn ngay trong nửa-đầu kiếp sau.¹³⁷⁸

- “Ví dụ, khi một cái nồi bằng sắt đã bị nun đỏ cả ngày rồi bị đập mạnh, một mụn sắt có thể bay ra và tắt nguội. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo đang tu tập như vậy người đó chưa hoàn toàn trừ bỏ vô-minh. Với sự phá-sạch năm gông-cùm nhẹ đô người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn ngay trong nửa-đầu kiếp sau.¹³⁷⁹

(2) “Rồi nữa, một Tỳ kheo đang tu tập như vậy: ‘Điều đó không nên xảy ra ... [tiếp tục như đoạn thứ nhất ở điều (I)] ... Với sự phá-sạch năm gông-cùm nhẹ đô, người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn ngay trong nửa-đầu kiếp sau.

- “Ví dụ, khi một cái nồi bằng sắt đã bị nun đỏ cả ngày rồi bị đập mạnh, một mụ sắt có thể bay ra, bay lên cao, và tắt nguội. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo đang tu tập như vậy người đó chưa hoàn toàn trừ bỏ vô-minh. Với sự phá-sạch năm gông-cùm nhẹ đô người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn ngay trong nửa-đầu kiếp sau.

(3) “Rồi nữa, một Tỳ kheo đang tu tập như vậy: ‘Điều đó không nên xảy ra ... [*tiếp tục như đoạn thứ nhất ở điều (1)*] ... Với sự phá-sạch năm gông-cùm nhẹ đô, người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn ngay trong nửa-đầu kiếp sau.

- “Ví dụ, khi một cái nồi bằng sắt đã bị nun đỏ cả ngày rồi bị đập mạnh, một mụ sắt có thể bay ra, bay lên cao, và tắt nguội trước khi rớt chạm xuống đất. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo đang tu tập như vậy người đó chưa hoàn toàn trừ bỏ vô-minh. Với sự phá-sạch năm gông-cùm nhẹ đô, người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn ngay trong nửa-đầu kiếp sau.

(4) “Rồi nữa, một Tỳ kheo đang tu tập như vậy: ‘Điều đó không nên xảy ra ... [*tiếp tục như đoạn thứ nhất ở điều (1)*] ... Với sự phá-sạch năm gông-cùm nhẹ đô, người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn ngay trong nửa-sau kiếp sau.¹³⁸⁰

- “Ví dụ, khi một cái nồi bằng sắt đã bị nun đỏ cả ngày rồi bị đập mạnh, một mụ sắt có thể được sản sinh và bay lên, và ngay khi nó rớt chạm đất nó sẽ bị tắt nguội. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo đang tu tập như vậy người đó chưa hoàn toàn trừ bỏ vô-minh. Với sự phá-sạch năm gông-cùm nhẹ đô, người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn ngay trong nửa-sau kiếp sau.

(5) “Rồi nữa, một Tỳ kheo đang tu tập như vậy: ‘Điều đó không nên xảy ra ... [*tiếp tục như đoạn thứ nhất ở điều (1)*] ... Với sự phá-sạch năm gông-cùm nhẹ đô (đầu tiên) người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn không cần cố-gắng thêm.

- “Ví dụ, khi một cái nồi bằng sắt đã bị đun đỏ cả ngày rồi bị đập mạnh, một mụn sắt có thể bay ra, bay lên cao, và rớt xuống một đồng rạ nhỏ hay đồng que củi nhỏ. Chỗ đó sẽ tạo ra lửa và khói, nhưng khi nó đã đốt cháy hết đồng rạ nhỏ hay đồng que củi nhỏ đó, khi không còn nhiên liệu, thì nó sẽ tắt ngụi. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo đang tu tập như vậy ... người đó chưa hoàn toàn trừ bỏ vô-minh. Với sự phá-sạch năm gông-cùm nhẹ đô, người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn không cần cố-gắng thêm.¹³⁸¹

(6) “Rồi nữa, một Tỳ kheo đang tu tập như vậy: ‘Điều đó không nên xảy ra ... [tiếp tục như đoạn thứ nhất ở điều (1)] ... Với sự phá-sạch năm gông-cùm nhẹ đô (đầu tiên) người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm.

- “Ví dụ, khi một cái nồi bằng sắt đã bị đun đỏ cả ngày rồi bị đập mạnh, một mụn sắt có thể bay ra, bay lên cao, và rớt xuống một đồng rạ lớn hay đồng que củi lớn. Chỗ đó sẽ tạo ra lửa và khói, nhưng khi nó đã đốt cháy hết đồng rạ lớn hay đồng que củi lớn đó, khi không còn nhiên liệu, thì nó sẽ tắt ngụi. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo đang tu tập như vậy ... người đó chưa hoàn toàn trừ bỏ vô-minh. Với sự phá-sạch năm gông-cùm nhẹ đô, người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm.

(7) “Lại nữa, một Tỳ kheo đang tu tập như vậy: ‘Điều đó không nên xảy ra; nó không nên xảy ra với ta, điều đó sẽ không xảy ra; nó sẽ không xảy ra với ta. Ta đang dẹp bỏ cái (đang) hiện hữu, cái đã ắt sẽ trở thành.’ Người đó đạt được sự buông-xả. Người đó không bị dính buộc vào sự hiện-hữu; người đó không bị dính vào sự khởi-sinh. Người đó nhìn thấy bằng trí-tuệ chánh đúng: ‘Có một trạng thái cao siêu hơn, nó thực bình an’, nhưng người đó chưa hoàn toàn chứng ngộ trạng thái đó. Người đó chưa hoàn toàn trừ bỏ khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sự tự-ta (tùy miên ngã mạn); người đó chưa hoàn toàn trừ bỏ khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra tham-dục muốn hiện-hữu (tùy miên hữu dục);

người đó chưa hoàn toàn trừ bỏ vô-minh. Với sự phá-sạch năm gông-cùm nhẹ đô, người đó trở thành bậc hướng thượng, đang hướng lên cõi trời Akanitṭha (Sắc cứu kính thiên).¹³⁸²

- “Ví dụ, khi một cái nồi bằng sắt đã bị đun đỏ cả ngày rồi bị đập mạnh, một mụn sắt có thể bay ra, bay lên cao, và rớt xuống một đồng rạ to lớn hay đồng củi to lớn. Chỗ đó sẽ tạo ra lửa và khói, nhưng khi nó đã đốt cháy hết đồng rạ to lớn hay đồng củi to lớn đó, nó còn cháy tiếp một dải rừng hay một khu rừng, cháy cho đến giáp biên một cánh đồng, giáp biên một đường lộ, giáp biên một vùng núi đá, giáp biên vùng nước, hay cháy hết một vùng đất đẹp đẽ, và sau đó, khi không còn nhiên liệu, thì nó sẽ tắt ngụi. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo đang tu tập như vậy người đó chưa hoàn toàn trừ bỏ vô-minh. Với sự phá-sạch năm gông-cùm nhẹ đô, người đó trở thành bậc hướng thượng, đang hướng lên cõi trời Akanitṭha.

“Này các Tỳ kheo, đây là bảy nơi-đến của những người tu.

(II) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự không-còn dính-chấp? Ở đây, một Tỳ kheo tu tập như vậy: ‘Điều đó không nên xảy ra; nó không nên xảy ra với ta, điều đó sẽ không xảy ra; nó sẽ không xảy ra với ta. Ta đang dẹp bỏ cái (đang) hiện hữu, cái đã ắt sẽ trở thành.’ Người đó đạt được sự buông-xả. Người đó không bị dính buộc vào sự hiện-hữu; người đó không bị dính vào sự khởi-sinh. Người đó nhìn thấy bằng trí-tuệ chánh đúng: ‘Có một trạng thái cao siêu hơn, nó thực bình an’, và người đó đã hoàn toàn chứng ngộ trạng thái đó. Người đó đã hoàn toàn trừ bỏ khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sự tự-ta (tùy miên ngã mạn); người đó đã hoàn toàn trừ bỏ khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra tham-dục muốn hiện-hữu (tùy miên hữu dục); người đó đã hoàn toàn trừ bỏ vô-minh. Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Đây được gọi là sự

chúng ngộ Niết-bàn nhờ sự không-còn dính-chấp.

“Này các Tỳ kheo, đây là bảy nơi-đến của những người tu và sự chúng ngộ Niết-bàn nhờ sự không-còn dính-chấp.”

56 (3) Tissa

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền (Linh thú). Lúc đó, khi đêm đã khuya, có hai thiên thần sắc đẹp tuyệt vời, chiếu sáng khắp Đỉnh Núi Kền Kền, đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và đứng qua một bên. Một thiên thần đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, những Tỳ kheo ni này được giải-thoát.”

Thiên thần kia lại thưa: “Thưa Thế Tôn, những Tỳ kheo ni này được khéo giải thoát không còn tàn dư.”¹³⁸³

Đây là điều hai vị thiên thần đã nói. Vị Sư Thầy im lặng. Rồi [do nghĩ] “Vị Thầy đã đồng ý” nên họ đã kính chào đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải họ, và biến mất ngay tại đó.

Rồi, khi đêm đã qua, đức Thế Tôn đã kể lại với các Tỳ kheo:

“Tôi qua, khi đêm đã khuya, có hai thiên thần sắc đẹp tuyệt vời, chiếu sáng khắp Đỉnh Núi Kền Kền, đến gặp ta, kính chào ta, và đứng qua một bên. Một thiên thần đã thưa với ta: “Thưa Thế Tôn, những Tỳ kheo ni này được giải-thoát.” Và thiên thần kia lại thưa: “Thưa Thế Tôn, những Tỳ kheo ni này được khéo giải thoát không còn tàn dư hơi hướng. Đây là điều hai vị thiên thần đã nói. Sau đó, họ đã kính chào ta, đi vòng ra giữ ta ở hướng bên phải họ, và biến mất ngay tại đó.”

Lúc đó có Ngài Đại Mục-kiền-liên đang ngồi không xa chỗ đức Thế Tôn. Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với thầy Đại Mục-kiền-liên: “Những thiên thần nào mà biết được ai còn tàn dư là ‘người còn tàn dư’ và ai không còn tàn dư là ‘người không còn tàn dư’?”

Bấy giờ, vào lúc đó có một Tỳ kheo tên là Tissa mới chết và được tái sinh trong một cõi trời brahmā. Cõi trời đó những thiên thần cũng biết vị Tỳ kheo này là “vị trời Tissa, uy lực và uy dũng”. Rồi, nhanh như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, thầy Đại Mục-kiền-liên đã biến mất khỏi Đỉnh Núi Kền Kền và hiện ra trong cõi trời brahmā. Sau khi nhìn thấy thầy Đại Mục-kiền-liên đi đến từ xa, vị trời [brahmā] Tissa đã thưa với thầy ấy:

“Thầy Mục-kiền-liên đáng kính, hãy đến đây! Hoan nghênh, thầy Mục-kiền-liên đáng kính! Đã lâu lắm rồi thầy mới có cơ hội đến đây. Mời thầy ngồi, thầy Mục-kiền-liên đáng kính. Đây là chỗ ngồi đã được chuẩn bị.” Thầy Đại Mục-kiền-liên ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn. Vị trời Tissa kính lễ thầy Đại Mục-kiền-liên và ngồi xuống một bên. Thầy Đại Mục-kiền-liên mới nói với vị trời:

“Này Tissa, những thiên thần nào mà biết rõ người tu còn tàn dư là ‘người còn tàn dư’ và người tu không còn tàn dư là ‘người không còn tàn dư’?”

“Thầy Mục-kiền-liên đáng kính, những thiên thần thuộc đoàn tùy tùng của trời Brahmā có loại trí-biết như vậy.”

“Tất cả những thiên thần thuộc đoàn tùy tùng của vị trời Brahmā đều có loại trí-biết đó hay sao?”

“Không phải tất cả, thưa thầy Mục-kiền-liên đáng kính. Những thiên thần thuộc đoàn tùy tùng của vị trời Brahmā là những người thỏa mãn với tuổi thọ của một vị trời brahmā, sắc đẹp của một vị trời brahmā, hạnh phúc của một vị trời brahmā, sự vinh quang của một vị trời brahmā, uy quyền của một vị trời brahmā, và những người không hiểu được có sự giải-thoát cao hơn cõi này, đúng như nó thực là, thì không có loại trí-biết như vậy.

“Nhưng, những thiên thần thuộc đoàn tùy tùng của vị trời Brahmā là những người không thỏa mãn với tuổi thọ của một vị trời brahmā, sắc

đẹp của một vị trời brahmā, hạnh phúc của một vị trời brahmā, sự vinh quang của một vị trời brahmā, uy quyền của một vị trời brahmā, và những người hiểu được có sự giải-thoát cao hơn cõi này, đúng như nó thực là, thì biết người tu còn tàn dư là ‘người còn tàn dư’ và người tu không còn tàn dư là ‘người không còn tàn dư’.¹³⁸⁴

(1) “Ồ đây, thưa thầy Mục-kiền-liên đáng kính, khi một Tỳ kheo *được giải-thoát về cả hai phương diện*¹³⁸⁵, những thiên thần đó biết rõ vị ấy như vậy: ‘Đức thầy này được giải-thoát về cả hai phương diện. Chừng nào thân vị này còn thì những thiên thần và loài người còn nhìn thấy vị ấy, nhưng khi thân tan rã, những thiên thần và loài người sẽ không còn nhìn thấy vị ấy nữa.’ Chính theo cách này là những thiên thần đó biết rõ một người tu còn tàn dư là ‘người còn tàn dư’ và người tu không còn tàn dư là ‘người không còn tàn dư’.

(2) “Rồi, khi một Tỳ kheo *được giải-thoát bằng trí-tuệ*, những thiên thần đó biết rõ vị ấy như vậy: ‘Đức thầy này được giải-thoát bằng trí-tuệ. Chừng nào thân vị này còn thì những thiên thần và loài người còn nhìn thấy vị ấy, nhưng khi thân tan rã, những thiên thần và loài người sẽ không còn nhìn thấy vị ấy nữa.’ Chính theo cách này những thiên thần đó biết rõ một người tu còn tàn dư là ...

(3) “Rồi, khi một Tỳ kheo là một *người thân-chứng*, những thiên thần đó biết rõ vị ấy như vậy: ‘Đức thầy này là một bậc thân-chứng. Nếu vị này về trú ở những nơi-ở tương thích, dựa vào những thiện đạo hữu, và điều hòa các căn tâm linh, thì có lẽ vị này sẽ tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp ngay trong kiếp này, đó là chung-cuộc tối thượng của đời sống tâm linh mà vì mục tiêu đó những người họ tộc đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và sau khi chứng nhập trong đó, vị ấy an trú trong đó.’ Chính theo cách này những thiên thần đó cũng biết rõ một người tu còn tàn dư là ...

(4) “Rồi, khi một Tỳ kheo là *người đã đạt tới chánh-kiến* ... (5)

là người tu theo niềm-tin (căn tín) ... (6) người tu theo Giáo Pháp (căn trí), những thiên thần đó biết rõ vị ấy như vậy: ‘Đức thầy này là người đã đạt tới chánh-kiến ... là người tu theo Giáo Pháp. Nếu vị này về trú ở những nơi-ở tương thích, dựa vào những thiện đạo hữu, và điều hòa các căn tâm linh, thì có lẽ vị này sẽ tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp ngay trong kiếp này, đó là chung-cuộc tối thượng của đời sống tâm linh mà vì mục tiêu đó những người họ tộc đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và sau khi chứng nhập trong đó, vị ấy an trú trong đó.’ Chính theo cách này những thiên thần đó cũng biết rõ một người tu còn tàn dư là ‘người còn tàn dư’ và người tu không còn tàn dư là ‘người không còn tàn dư.’

Rồi, hài lòng và vui mừng với những lời của vị trời Tissa, nhanh như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, thầy Đại Mục-kiền-liên biến mất khỏi cõi trời brahmā và hiện ra lại trên Đỉnh Núi Linh Thú. Thầy ấy đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên, và thưa lại với đức Thế Tôn toàn bộ cuộc nói chuyện với vị trời Tissa.

[Đức Thế Tôn nói:] “Nhưng, này Mục-kiền-liên, vậy là vị trời Tissa đã không chỉ cho thầy về loại người thứ bảy, là người an trú trong sự vô dấu-hiệu (vô tướng)?”¹³⁸⁶

“Giờ là lúc cho điều này, thưa Thế Tôn! Giờ là lúc cho điều này, thưa bậc Phúc Lành! Đức Thế Tôn hãy chỉ dạy về loại người thứ bảy, là người an trú trong sự vô dấu-hiệu. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, những Tỳ kheo sẽ lưu nhớ trong tâm.”

“Vậy hãy lắng nghe, này Mục-kiền-liên, và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Đại Mục-kiền-liên đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(7) “Ở đây, này Mục-kiền-liên, nhờ sự không-còn chú-tâm tới tất

cả mọi dấu-hiệu (hình tướng), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong sự định-tâm vô dấu-hiệu (vô tướng định). Những thiên thần đó biết rõ về vị ấy như vậy: ‘Nhờ sự không-còn chú-tâm tới tất cả mọi dấu-hiệu, đức thầy này chứng nhập và an trú trong sự định-tâm vô dấu-hiệu. Nếu vị này về trú ở những nơi-ở tương thích, dựa vào những thiện đạo hữu, và điều hòa các căn tâm linh, thì có lẽ vị này sẽ tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp ngay trong kiếp này, đó là chung-cuộc tối thượng của đời sống tâm linh mà vì mục tiêu đó những người họ tộc đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và sau khi chứng nhập trong đó, vị ấy an trú trong đó.’ Chính theo cách này những thiên thần đó cũng biết rõ một người tu còn tàn dư là ‘người còn tàn dư’ và người tu không còn tàn dư là ‘người không còn tàn dư.’”

57 (4) *Tướng Quân Sīha*¹³⁸⁷

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong sảnh đường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Lúc đó có vị tướng quân tên là Sīha đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, có thể nào chỉ ra kết quả có thể trực tiếp nhìn thấy được (nhãn tiền)¹³⁸⁸ của việc bố thí?”

“Được, này ông Sīha, vậy ta sẽ hỏi ông về vấn đề này. Ông cứ trả lời nếu thấy phù hợp.”

(1) “Này ông Sīha, ông nghĩ sao? Như có hai người: một người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới, và một người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện. Này Sīha, ông nghĩ sao? Đối với loại người nào những A-la-hán sẽ ưu tiên thể hiện lòng bi-mẫn: loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới hay loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện?”

“Thưa Thế Tôn, tại sao những A-la-hán lại ưu tiên thể hiện lòng bi-mẫn đối với loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới? Những vị ấy sẽ ưu tiên thể hiện lòng bi-mẫn đối với loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện.”

(2) “Này ông Sīha, ông nghĩ sao? Đối với loại người nào những A-la-hán sẽ ưu tiên đến gặp: loại người người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới hay loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện?”

“Thưa Thế Tôn, tại sao những A-la-hán lại ưu tiên đến gặp loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới? Những vị ấy sẽ ưu tiên đến gặp loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện.”

(3) “Này ông Sīha, ông nghĩ sao? Từ loại người nào những A-la-hán sẽ ưu tiên nhận thức ăn cúng dường: loại người người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới hay loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện?”

“Thưa Thế Tôn, tại sao những A-la-hán lại ưu tiên nhận thức ăn cúng dường từ loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới? Những vị ấy sẽ ưu tiên nhận thức ăn cúng dường từ loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện.”

(4) “Này ông Sīha, ông nghĩ sao? Đối với loại người nào những A-la-hán sẽ ưu tiên chỉ dạy Giáo Pháp: loại người người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới hay loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện?”

“Thưa Thế Tôn, tại sao những A-la-hán lại ưu tiên chỉ dạy Giáo Pháp cho loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới? Những vị ấy sẽ ưu tiên chỉ dạy Giáo Pháp cho loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện.”

(5) “Này ông Sīha, ông nghĩ sao? Loại người nào có thể tích tạo danh tiếng tốt: loại người người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới hay loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện?”

“Thưa Thế Tôn, làm cách nào loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới có thể tích tạo danh tiếng tốt? Chính loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện mới có thể tích tạo danh tiếng tốt.”

(6) “Này ông Sīha, ông nghĩ sao? Loại người nào có thể đến gặp bất kỳ hội chúng nào—dù đó là hội chúng của những người giai cấp chiến-sĩ, những bà-la-môn, những gia chủ, hay những tu sĩ—một cách tự-tin và bình-tĩnh: loại người người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới hay loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện?”

“Thưa Thế Tôn, làm cách nào loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới có thể đến gặp bất kỳ hội chúng nào—dù đó là hội chúng của những người giai cấp chiến-sĩ, những bà-la-môn, những gia chủ, hay những tu sĩ—một cách tự-tin và bình-tĩnh cho được? Chính loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện mới có thể đến gặp bất kỳ hội chúng nào ... một cách tự-tin và bình-tĩnh.”

(7) “Này ông Sīha, ông nghĩ sao? Khi thân tan rã, sau khi chết, loại người nào sẽ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời: loại người người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới hay loại người được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện?”

“Thưa Thế Tôn, làm cách nào loại người không có niềm-tin, keo kiệt, bần tiện, và chửi bới có thể được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời, khi thân tan rã, sau khi chết? Chính loại người

được phú cho niềm-tin, rộng lòng bố thí, vui thích việc từ thiện mới có thể được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời, khi thân tan rã, sau khi chết.”

Thưa Thế Tôn, con không cần phải đặt niềm-tin vào đức Thế Tôn về sáu kết quả được nhìn thấy trực tiếp của sự bố thí mà đức Thế Tôn đã nói ra. Vì con cũng biết về sáu điều đó. Vì con là một người bố thí, người rộng lòng bố thí, và (i) những A-la-hán sẽ ưu tiên đến gặp con. Con là một người bố thí, người rộng lòng bố thí, và (ii) những A-la-hán sẽ ưu tiên thể hiện lòng-bi mẫn đối với con. Con là một người bố thí, người rộng lòng bố thí, và (ii) những A-la-hán sẽ ưu tiên nhận thức ăn cúng dường từ con. Con là một người bố thí, người rộng lòng bố thí, và (iv) những A-la-hán sẽ ưu tiên chỉ dạy Giáo Pháp cho con. Con là một người bố thí, người rộng lòng bố thí, và (v) con sẽ tích tạo được danh tiếng tốt. Con là một người bố thí, người rộng lòng bố thí, và (vi) con hội chúng nào con đến gặp—dù đó là những người giai cấp chiến-sĩ, bà-la-môn, gia chủ, hay tu sĩ—con đến gặp một cách tự tin và bình tĩnh. Con không cần phải đặt niềm-tin vào đức Thế Tôn về sáu kết quả được nhìn thấy trực tiếp của sự bố thí mà đức Thế Tôn đã nói ra. Vì con cũng biết về sáu điều đó. (vii) Nhưng điều thứ bảy (về phước quả kiếp sau của sự bố thí) thì con chưa biết về điều này, cho nên điều này con đặt niềm-tin vào đức Thế Tôn.”

“Đúng là vậy, này ông Sīha, đúng là vậy! Khi thân tan rã, sau khi chết, một người bố thí, người rộng lòng cho đi được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.”

58 (5) Không Cần Che Giấu

“Này các Tỳ kheo, có bốn điều mà Như Lai không cần che giấu và ba điều vì đó Như Lai không thể bị quở trách.¹³⁸⁹

“Và cái gì là bốn điều Như Lai không cần che giấu?

(1) “Này các Tỳ kheo, Như Lai là người có hành-vi thân (thân hành) được thanh tịnh. Không có hành-vi thân tà ác ở phần nào của Như Lai cần phải che giấu [với ý nghĩ]: ‘Đừng để người khác tìm thấy phần này của Như Lai.’”

(2) Như Lai là người có hành-vi miệng (khẩu hành) được thanh tịnh. Không có hành-vi miệng tà ác ở phần nào của Như Lai cần phải che giấu [với ý nghĩ]: ‘Đừng để người khác tìm thấy phần này của Như Lai.’”

(3) Như Lai là người có hành-vi tâm (tâm hành) được thanh tịnh. Không có hành-vi tâm tà ác ở phần nào của Như Lai cần phải che giấu [với ý nghĩ]: ‘Đừng để người khác tìm thấy phần này của Như Lai.’”

(4) Như Lai là người có sự mưu-sinh được thanh tịnh. Không có sự mưu-sinh sai trái ở phần nào của Như Lai cần phải che giấu [với ý nghĩ]: ‘Đừng để người khác tìm thấy phần này của Như Lai.’”

“Đây là bốn điều mà Như lai không cần che giấu. Và cái gì là ba điều mà vì đó Như Lai không thể bị quở trách?”

(5) “Này các Tỳ kheo, Như Lai là người có Giáo Pháp được giảng bày một cách hay khéo. Đối với điều này, ta không thấy có căn cứ nào dựa vào đó một tu sĩ, bà-la-môn, thiên thần, Ma-vương, trời Brahmā, hay bất cứ ai trong thế gian có thể có lý quở trách ta như kiểu: ‘Vì những lý do như vậy và như vậy, cho nên Giáo Pháp của ông là không được giảng bày một cách hay khéo.’ Vì ta không thấy có một căn cứ nào như vậy, nên ta sống an-toàn, không sợ-hãi, và tự-tin.”

(6) “Ta đã khéo léo tuyên thuyết cho những đệ tử của ta sự tu-tập dẫn tới Niết-bàn theo một cách mà nếu tu tập đúng theo đó [và đạt tới] sự tiêu-diệt ô-nhiễm, họ sẽ tự mình, ngay trong kiếp này, bằng sự hiểu-biết trực tiếp, chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, họ an trú trong đó. Đối với điều này, ta không thấy có căn cứ nào dựa vào đó một tu sĩ, bà-la-

môn, thiên thần, Ma-vương, trời Brahmā, hay bất cứ ai trong thế gian có thể có lý quả trách ta như kiêu: ‘Vì những lý do như vậy và như vậy, cho nên ông đã không khéo léo tuyên thuyết cho những đệ tử của ông¹³⁹⁰ sự tu-tập dẫn tới Niết-bàn theo một cách mà nếu tu tập đúng theo đó [và đạt tới] sự tiêu-diệt ô-nhiễm, họ sẽ tự mình, ngay trong kiếp này, bằng sự hiểu-biết trực tiếp, chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, họ an trú trong đó.’ Vì ta không thấy có một căn cứ nào như vậy, nên ta sống an-toàn, không sợ-hãi, và tự-tin.

(7) “Này các Tỳ kheo, hội chúng của ta gồm có nhiều trăm đệ tử, mà họ: với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, họ đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, họ an trú trong đó. Đối với điều này, ta không thấy có căn cứ nào dựa vào đó một tu sĩ, bà-la-môn, thiên thần, Ma-vương, trời Brahmā, hay bất cứ ai trong thế gian có thể có lý quả trách ta như kiêu: ‘Vì những lý do như vậy và như vậy, cho nên không đúng là hội chúng của ông gồm có nhiều trăm đệ tử, mà họ: với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, họ đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, họ an trú trong đó.’ Vì ta không thấy có một căn cứ nào như vậy, nên ta sống an-toàn, không sợ-hãi, và tự-tin.

“Đây là ba điều vì đó Như Lai không thể bị quả trách.

“Này các Tỳ kheo, trên đây là bốn điều mà Như Lai không cần che giấu và ba điều vì đó Như Lai không thể bị quả trách.”

59 (6) Ngài Kimbila¹³⁹¹

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kimbilā trong một vườn cây *nicula* (lộc vùng).¹³⁹² Lúc đó có Ngài Kimbila đến gặp và kính chào

đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do Giáo Pháp tốt lành không tiếp tục lâu sau khi một Như Lai bát-niết-bàn?¹³⁹³

“(1) Ở đây, này Kimbila, sau khi một Như Lai bát-niết-bàn [chúng ngộ Niết-bàn cuối cùng], những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, đệ tử tại gia nam, và đệ tử tại gia nữ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với Vị Thầy (Phật). (2) Họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với Giáo Pháp. (3) Họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với Tăng Đoàn. (4) Họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với sự tu-tập. (5) Họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với sự định-tâm (thiền định). (6) Họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với sự chuyên-chú. (7) Họ sống không có sự tôn trọng và tôn kính đối với sự hiếu-khách (tiếp đãi). Đây là nguyên nhân và lý do Giáo Pháp tốt lành không tiếp tục dài lâu sau khi một Như Lai bát-niết-bàn.

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do Giáo Pháp tốt lành sẽ tiếp tục lâu sau khi một Như Lai bát-niết-bàn?”

“(1) Ở đây, này Kimbila, sau khi một Như Lai bát-niết-bàn, những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, đệ tử tại gia nam, và đệ tử tại gia nữ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với Vị Thầy (Phật). (2) Họ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với Giáo Pháp. (3) Họ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với Tăng Đoàn. (4) Họ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với sự tu-tập. (5) Họ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với sự định-tâm. (6) Họ sống với sự tôn trọng và tôn kính đối với sự chuyên-chú. (7) Họ sống với có sự tôn trọng và tôn kính đối với sự hiếu-khách. Đây là nguyên nhân và lý do Giáo Pháp tốt lành sẽ tiếp tục dài lâu sau khi một Như Lai bát-niết-bàn.”

60 (7) Bảy Phẩm Chất

“Này các Tỳ kheo, có được bảy phẩm chất, một Tỳ kheo chẳng bao lâu, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, sẽ tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi chứng nhập trong đó, có thể an trú trong đó. Bảy đó là gì?

“Ở đây, một Tỳ kheo được phú cho niềm-tin, có giới-hạnh, học hiểu nhiều, sống tách-ly, chuyên cần nỗ-lực, có chánh-niệm, và có trí. Có được bảy phẩm chất này, một Tỳ kheo chẳng bao lâu, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, sẽ tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi chứng nhập người đó, có thể an trú trong đó.”

61 (8) Ngủ Gục

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ người Bhagga, ở Sumsumāragira, trong khu vườn nai ở Rừng Bhesakalā. Bấy giờ, vào lúc đó Ngài Đại Mục-kiền-liên đang ngồi và ngủ gục¹³⁹⁴ trong làng Kallavālamutta nơi có những người dân Ma-kiệt-đà (Magadha). Với mắt thiên thánh, được thanh lọc và vượt trên loài người, đức Thế Tôn đã nhìn thấy thầy Đại Mục-kiền-liên đang ngồi và ngủ gục. Rồi, nhanh như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, đức Thế Tôn đã biến mất khỏi khu vườn nai ở Rừng Bhesakalā và hiện ra trước mặt thầy Mục-kiền-liên. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn và nói:

“Này Mục-kiền-liên, thầy đang ngủ gục phải không? Mục-kiền-liên, thầy đang ngủ gục phải không?

“Dạ, thưa Thế Tôn.”

(1) “Bởi vậy, này Mục-kiền-liên, khi thầy đã bị buồn ngủ thì thầy không nên chú tâm hay tu dưỡng đối-tượng mà thầy đang chú tâm vào

nó. Bằng cách như vậy thì có thể dẹp được sự buồn ngủ của thầy.

(2) “Nhưng nếu thầy không thể dẹp bỏ sự buồn ngủ theo cách như vậy, thầy nên soi xét, xem xét, và bằng tâm tra xét Giáo Pháp mà thầy đã nghe và đã học. Bằng cách như vậy thì có thể dẹp được sự buồn ngủ của thầy.

(3) “Nhưng nếu thầy không thể dẹp bỏ sự buồn ngủ theo cách như vậy, thầy nên tụng đọc một cách chi tiết Giáo Pháp mà thầy đã nghe và đã học. Bằng cách như vậy thì có thể dẹp được sự buồn ngủ của thầy.

(4) “Nhưng nếu thầy không thể dẹp bỏ sự buồn ngủ của thầy theo cách như vậy, thầy nên dùng hai tay kéo mạnh hai tai và chà mạnh hai chân. Bằng cách như vậy thì có thể dẹp được sự buồn ngủ của thầy.

(5) “Nhưng nếu thầy không thể dẹp bỏ sự buồn ngủ của thầy theo cách như vậy, thầy nên đứng dậy khỏi chỗ ngồi, dùng nước chà rửa mắt, quét nhìn hết bốn hướng, và ngược nhìn những chòm sao và các vì sao trên trời. Bằng cách như vậy thì có thể dẹp được sự buồn ngủ của thầy.

(6) “Nhưng nếu thầy không thể dẹp bỏ sự buồn ngủ theo cách như vậy, thầy nên chú tâm tới nhận-thức về ánh sáng; thầy nên chủ động (đảm nhận, nhận lấy) nhận-thức về ban ngày như vậy: ‘Ban ngày như sao, ban đêm như vậy; ban đêm như sao, ban ngày như vậy.’ Vậy đó, với một cái tâm được mở rộng và không bị che đậy, thầy nên tu tập một cái tâm thâm nhuần sự chiếu sáng. Bằng cách như vậy thì có thể dẹp được sự buồn ngủ của thầy.

(7) “Nhưng nếu thầy không thể dẹp bỏ sự buồn ngủ theo cách như vậy, thầy nên chủ động (đảm nhận, nhận lấy) [thể dục] đi tới và đi lui, nhận thức thứ ở sau lưng và thứ ở trước mặt, thu hút những giác-quan của mình vào đó và gom tâm mình vào đó. Bằng cách như vậy thì có thể dẹp được sự buồn ngủ của thầy.

“Nhưng nếu thầy không thể dẹp bỏ sự buồn ngủ của mình theo

cách như vậy, thầy nên nằm xuống nghiêng bên phải trong tư thế của sư tử, với chân trái đặt trùng lên chân phải, có chánh-niệm và sự rõ-biết, sau khi đã lưu nhớ trong tâm ý định (thời điểm) mình thức dậy. Khi thầy tỉnh dậy, thầy nên ngồi dậy liền, [nghĩ rằng]: ‘Ta không có ý định nằm nghỉ cho sướng, lười biếng cho sướng, ngủ cho sướng.’ Nay Mục-kiền-liên, chính theo cách này thầy nên tu tập bản thân.

“Bởi vậy, nay Mục-kiền-liên, thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ không đến gặp những gia đình [để khát thực] với cái đầu căng phồng tính tự-cao.’ Nay Mục-kiền-liên, chính theo cách này thầy nên tu tập bản thân. Nay Mục-kiền-liên, như có một Tỳ kheo đến gặp các gia đình với một cái đầu căng phồng tính tự-cao. Rồi các gia đình có nhiều việc phải làm, và do vậy khi một Tỳ kheo xuất hiện họ có thể không chú tâm tới thầy ấy. Trong trường hợp đó Tỳ kheo đó có thể nghĩ: ‘Ai khiến cho gia đình này không tiếp ta? Hình như những người này giờ chỉ thờ ơ đối với ta.’ Theo cách này, do không được cúng dường một người cảm thấy bị nhục; khi cảm thấy bị nhục, người đó trở nên bất an; khi một người bị bất an, người đó mất sự kiểm-chế. Tâm của một người không có sự kiểm-chế thì rời xa sự định-tâm.

“Bởi vậy, nay Mục-kiền-liên, thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ không dính vào những cuộc nói chuyện tranh cãi.’ Chính theo cách này thầy nên tu tập bản thân. Khi có cuộc nói chuyện tranh cãi, thì sẽ có những lời lẽ quá đáng. Khi có những lời lẽ quá đáng, một người trở nên bất an; khi một người bị bất an, người đó mất sự kiểm-chế. Tâm của một người không có sự kiểm-chế thì rời xa sự định-tâm.

“Nay Mục-kiền-liên, ta không đề cao sự dính líu với mọi người này nọ, ta cũng không đề cao sự không dính líu với ai cả. Ta không đề cao sự dính líu với những người tại gia và những tu sĩ, nhưng ta đề cao sự dính líu với những nơi-ở yên-tĩnh và không-ồn, nơi tránh xa đám đông người, tránh xa nơi đông dân cư trú, và thích hợp cho sự tách-ly (ẩn dật).”

Sau khi điều này được nói ra, thầy Đại Mục-kiền-liên đã thưa với đức Thế Tôn:¹³⁹⁵

“Thưa Thế Tôn, nói tóm gọn thì theo cách nào một Tỳ kheo sẽ được giải thoát trong sự tắt-ngấm dục-vọng, là tốt nhất trong số những thiên thần và loài người: là người đã đạt tới chung-cuộc tối thượng, đã giành được ‘sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc’, đã sống đời sống tâm linh tối thượng, và đã đạt tới đỉnh-cao vô thượng?”

“Ồ đây, này Mục-kiền-liên, một Tỳ kheo đã nghe điều: ‘Không có gì đáng để bám vào.’ Sau khi một Tỳ kheo đã nghe điều: ‘Không có gì đáng để bám vào’, người đó trực-tiếp biết tất cả mọi sự. Sau khi đã trực-tiếp biết tất cả mọi sự, người đó hoàn-toàn hiểu tất cả mọi sự. Sau khi hoàn-toàn hiểu tất cả mọi sự, mọi cảm-giác người đó cảm nhận—dù là sướng hay khổ hay không sướng không khổ—người đó sống quán sát sự vô-thường trong những cảm-giác đó, quán sát sự phai-biến trong những cảm-giác đó, quán sát sự chấm-dứt trong những cảm-giác đó, quán sát sự từ-bỏ trong những cảm-giác đó. Khi người đó sống quán sát sự vô-thường ... sự phai-biến ... sự chấm-dứt ... sự từ-bỏ trong những cảm-giác đó, người đó không dính chấp vào bất cứ thứ gì trong thế giới. Không dính chấp, người đó không còn động vọng. Không còn động vọng, người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu nào nữa.’

“Nói một cách vắn tắt, này Mục-kiền-liên, chính theo cách này một Tỳ kheo là tốt nhất trong số những thiên-thần và loài người: là người đã đạt tới chung-cuộc tối thượng, đã giành được ‘sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc’, đã sống đời sống tâm linh tối thượng, và đã đạt tới đỉnh-cao tối thượng.”

“Này các Tỳ kheo, đừng sợ công đức. Công đức là một cách để chỉ sự hạnh phúc. (tức công đức là sự hạnh phúc)

“Ta nhớ lại rằng từ rất lâu ta đã từng ném trải những kết quả đáng thích, đáng vui và dễ chịu của công đức đã được tích tạo trước đó. Trong bảy năm ta tu tập tâm-từ. Hệ quả là, trong suốt bảy đại-kiếp thế giới tan-hoại và tiến-hóa ta không quay lại thế gian này. Khi thế giới đang tan-hoại ta đã trú ở [cõi trời các thiên thần] chiếu hào quang thành dòng (quang âm thiên). Khi thế giới đang tiến-hóa lại, ta được tái sinh trong một thiên cung trống của trời Brahmā.¹³⁹⁷ Ở đó ta là trời Brahmā,¹³⁹⁸ vị trời Brahmā Lớn (Đại Phạm thiên), người chinh phục, người không bị chinh phục, người nhìn thấy vũ trụ (biển tri), người nắm vững sự làm-chủ (tự tại). Sáu mươi ba lần ta đã từng là vua trời Sakka (Đế-thích), vua của những thiên thần. Mấy trăm lần ta đã từng là một vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương), vị vua chân chính trị vì bằng Giáo Pháp, một người chinh phục có sự trị vì trải rộng khắp bốn biên, người đã đạt được sự ổn định trong đất nước của mình, người có được bảy báu. Ta từng có bảy báu này, đó là: xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, nữ báu, quan ngân khố báu, và quan quân sư báu là thứ bảy. Ta đã từng có hơn một ngàn con trai là những anh hùng, mạnh mẽ, có thể nghiền nát những đội quân của kẻ thù mình. Ta đã từng thống trị sau khi đã chinh phục địa cầu này cho tới giáp biên các đại dương của nó, không phải bằng bạo lực và vũ khí mà bằng Giáo Pháp.¹³⁹⁹

“Nếu người tìm kiếm hạnh phúc,
 Hãy nhìn kết quả của công đức,
 [Là kết quả của] những nghiệp thiện lành.
 Bảy năm ta tu tập tâm-từ,
 Này các Tỳ kheo,
 Ta không trở lại thế gian này,
 Suốt bảy đại kiếp thế giới tan-hoại và tiến-hóa.

“Khi thế giới đang tan hoại biến mất,
Ta đến trú ở [cõi trời] quang âm thiên.
Khi thế giới đang khởi tạo tiến hóa,
Ta đến trú ở một [thiên cung] trống ở cõi trời Brahmā.

“Bảy lần ta từng là vị trời Brahmā,
Bậc nắm vững sự tự-chủ;
Ba mươi sáu lần ta từng là vua của những thiên-thần,
Thực thi sự trị vì các những thiên-thần.

“Ta từng là một vị chuyên luân vương,
Là chúa tể của cõi Diêm-phù-nê (Jambudīpa),¹⁴⁰⁰
Là một vị vua giai cấp chiến-sĩ được phong vương,
Người thông trị trong số loài người.

“Không bằng sức mạnh, không bằng vũ khí,
Ta chinh phục trái đất này.
Ta trị vì khắp nơi bằng sự chân-chính,
Không bằng bạo lực, chỉ bằng Giáo Pháp,¹⁴⁰¹
Thực thi sự trị vì bằng Giáo Pháp khắp địa cầu này.

“Ta từng sinh ra trong một gia đình giàu có,
Với nhiều của cải và tài sản,
[Một gia đình] được phú cho tất cả mọi thứ dục-lạc,
Và có được bảy báu.
Điều này được khéo dạy bởi các vị Phật,
Là những bậc hảo tâm của thế gian:
Đây là nguyên nhân của sự lớn lao,
Nhờ đó một người được gọi là chúa tể của địa cầu.¹⁴⁰²

“Ta từng là¹⁴⁰³ một vị vua sáng chói với sự huy hoàng,
Một người có nhiều của cải và sản vật.
Ta từng là chúa tể của cõi Diêm-phù-nê,

Uy lực và vinh quang.
Ai không đặt niềm tin tưởng vào điều này,
Ngay cả đó là những loài thấp sanh?

“Do vậy ai mong muốn sự tốt lành,
Mong cầu đạt tới sự lớn lao,
Thì nên kính trọng Giáo Pháp thiện lành,
Tưởng niệm giáo lý của những vị Phật.”¹⁴⁰⁴

63 (10) Những Người Vợ

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Lúc đó, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi tới tư gia của gia chủ Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika), tới nơi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được chuẩn bị cho mình.

Ngay lúc đó, có người trong tư gia của gia chủ Cấp Cô Độc đang la lối và ồn ào. Rồi gia chủ Cấp Cô Độc đã ra gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới nói với ông:

“Này gia chủ, tại sao những người trong nhà đang la lối và ồn ào như vậy? Người ta nghe tưởng như những ngư dân đang la hét kéo lưới.”

“Thưa Thế Tôn, đó là con dâu Sujātā của con, là người giàu sang và được cưới đến đây từ một gia đình giàu có. Cô ấy không vâng lời của cha chồng, mẹ chồng, hay của chồng. Cô ấy không tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, hay và tôn kính đức Thế Tôn.”

Rồi đức Thế Tôn đã nói với Sujātā: “Này Sujātā, hãy đến đây.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, cô đáp lại. Cô ta đến chỗ đức Thế Tôn, kính chào, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới nói với cô ấy:

“Này Sujātā, một người đàn ông có thể có bảy loại vợ. Bảy đó là gì? Vợ như sát nhân, vợ như kẻ trộm, vợ như bạo chúa, vợ như mẹ, vợ như em gái, vợ như người bạn, và vợ như nô lệ. Một người có thể có bảy loại vợ như vậy. Con thuộc loại nào?”

“Thưa Thế Tôn, con không hiểu được chi tiết ý nghĩa của lời Thế Tôn mới nói ra một cách vắn tắt. Vậy đức Thế Tôn hãy chỉ dạy cho con Giáo Pháp theo cách để con có thể hiểu chi tiết ý nghĩa của lời mới được nói ra một cách vắn tắt như vậy.”

“Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, cô ấy đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Với cái tâm thù ghét,
Không có sự cảm thương;
Ham muốn người khác,
Khinh khi chồng mình,
Tìm cách giết chồng mình,
Là người đã bỏ của cải để cưới mình:
Vợ như vậy được gọi là vợ như sát nhân.

“Khi chồng tích tạo của cải bằng công sức cực nhọc,
Bằng nghề thủ công, nghề buôn bán, hay nghề nông,
Vợ cứ cố lấy cắp,
Ngay cả khi chồng [kiếm được] ít ỏi:
Vợ như vậy được gọi là vợ như kẻ cắp.

“Vợ tham ăn lười biếng,
Không chịu làm việc gì,
Nói lời gắt gỏng, mắng nhiếc, hỡn láo,
Người thống trị người chồng nuôi nấng mình:

Vợ như vậy được gọi là vợ như bạo chúa.

“Vợ luôn luôn nhân từ và cảm thương,
Là người bảo vệ chồng như người mẹ bảo vệ con,
Bảo vệ của cải chồng làm có được:
Vợ như vậy được gọi là vợ như mẹ.

“Vợ luôn coi trọng chồng mình,
Như người em gái đối với anh mình,
Tận tình, làm theo ý của chồng:
Vợ như vậy được gọi là vợ như em gái.

“Vợ vui mừng mỗi khi nhìn thấy chồng,
Như một người bạn lâu năm mới gặp lại;
Được khéo nuôi dạy, tận tụy hết mình vì chồng:
Vợ như vậy được gọi là vợ như người bạn.

“Vợ luôn nhẫn nhịn và dịu lạng,
Ngay cả khi bị bạo lực đòn roi,¹⁴⁰⁵
Vợ chịu nhịn chồng mình với một cái tâm không thù ghét,
Nhẫn nhịn, phục tùng theo ý chồng:
Vợ như vậy được gọi là vợ như nô lệ.

“Những loại vợ được gọi là:
Sát nhân, kẻ cắp, và bạo chúa,
Là thất đức, gắt gỏng, bất kính,
Khi thân tan rã (sau khi chết) sẽ đi xuống địa ngục.

“Nhưng những loại vợ được gọi là:
Mẹ, em gái, người bạn, và nô lệ,
Ổn định về đức hạnh, giữ hạnh giới lâu dài,
Khi thân tan rã sẽ đi lên cõi trời.

“Này Sujātā, một người có thể có bảy loại vợ như vậy. Giờ con muốn là vợ loại nào?”

“Thưa Thế Tôn, kể từ hôm này, kính mong Thế Tôn hãy coi con là một người vợ như nô lệ.”

64 (11) Sân Hận¹⁴⁰⁶

“Này các Tỳ kheo, có bảy điều (thiệt hại) xảy ra cho một người sân hận—và càng làm cho kẻ thù đắc chí và lợi thế hơn mình. Bảy đó là gì?

(1) “Người thù hay cầu rửa kẻ thù (của mình): ‘*Cầu cho hấn xấu xí!*’. Vì sao vậy? Vì một người thù đâu ưa kẻ thù của mình được đẹp đẽ. (Chưa biết cầu được không), nhưng khi một người sân hận—bị chi phối bởi cơn giận, bị khống chế bởi cơn giận—giờ cho dù mình có tắm rửa, xức dầu thơm, cắt tỉa râu tóc, mặc đồ trắng tinh, *thì mình cũng bị xấu xí*; tất cả chỉ vì sân hận. Đây là điều *thứ nhất* xảy ra cho một người sân hận—và càng làm cho kẻ thù đắc chí và lợi thế hơn mình.

(2) “Lại nữa, người thù hay cầu rửa kẻ thù: ‘*Cầu cho hấn chẳng được ngủ ngon!*’ Vì sao vậy? Vì một người thù đâu muốn kẻ thù của mình được ngủ ngon. (Chưa biết cầu được không), nhưng khi một người sân hận—bị chi phối bởi cơn giận, bị khống chế bởi cơn giận—giờ cho dù mình có ngủ trên giường được phủ bằng ra trắng, phủ bằng ra len, phủ bằng ra thêu hoa, phủ bằng tấm da hươu, có mái vòm ở trên đầu, hoặc ngủ trên ghé dài có gối đỡ ở hai đầu, *thì mình cũng không ngủ ngon*; tất cả chỉ vì sân hận. Đây là điều *thứ hai* xảy ra cho một người sân hận—và càng làm cho kẻ thù đắc chí và lợi thế hơn mình.

(3) “Lại nữa, người thù hay cầu rửa kẻ thù: ‘*Cầu cho hấn chẳng được lợi gì!*’ Vì sao vậy? Vì một người thù đâu thích kẻ thù của mình được lợi. (Chưa biết cầu được không), nhưng khi một người sân hận—

bị chi phối bởi cơn giận, bị không chế bởi cơn giận—giờ khi mình bị thiệt hại, lại nghĩ ‘Ta đã được lợi’; và khi mình được lợi, lại nghĩ ‘Ta bị thiệt hại’. Giờ mình cứ cố chấp những ý nghĩ ngược ngạo như vậy [ngược với sự thật], *thì những điều đó dẫn tới khổ đau và thiệt hại cho người đó lâu dài*; tất cả chỉ vì sân hận. Đây là điều *thứ ba* xảy ra cho một người sân hận—và càng làm cho kẻ thù đắc chí và lợi thế hơn mình.

(4) “Lại nữa, một người thù hay cầu rửa kẻ thù: ‘*Cầu cho hẳn chẳng được giàu có!*’ Vì sao vậy? Vì một người thù đâu thích kẻ thù của mình được giàu có. (Chưa biết cầu được không), nhưng khi một người sân hận—bị chi phối bởi cơn giận, bị không chế bởi cơn giận—giờ tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình—*tài sản chân chính mình có được một cách chân chính thì lại bị vua chúa ra lệnh tịch thu sung vào công quỹ triều đình* [cứ như ‘của đóng phạt’ cho hành động sân hận của mình vậy]; tất cả chỉ vì sân hận. Đây là điều *thứ tư* xảy ra cho một người sân hận—và càng làm cho kẻ thù đắc chí và lợi thế hơn mình.

(5) “Lại nữa, một người thù hay cầu rửa kẻ thù: ‘*Cầu cho hẳn không được danh tiếng gì!*’ Vì sao vậy? Vì một người thù đâu thích kẻ thù mình được danh tiếng. (Chưa biết cầu được không), nhưng khi một người sân hận—bị chi phối bởi cơn giận, bị không chế bởi cơn giận—*danh tiếng mình có được nhờ sự chú tâm cần mẫn bấy lâu giờ cũng bị mất đi*; tất cả chỉ vì sân hận. Đây là điều *thứ năm* xảy ra cho một người sân hận—và càng làm cho kẻ thù đắc chí và lợi thế hơn mình.

(6) “Lại nữa, một người thù hay cầu rửa kẻ thù: ‘*Cầu cho hẳn chẳng có bạn bè nào!*’ Vì sao vậy? Vì một người thù đâu thích kẻ thù mình có được bạn bè. (Chưa biết cầu được không), nhưng khi một người sân hận—bị chi phối bởi cơn giận, bị không chế bởi cơn giận—*giờ bạn bè, đồng nghiệp, và người thân của mình giờ tránh gặp mình*; tất cả chỉ

vì sân hận. Đây là điều *thứ sáu* xảy ra cho một người sân hận—và càng làm cho kẻ thù đắc chí và lợi thế hơn mình.

(7) “Lại nữa, một người thù hay cầu rửa kẻ thù: ‘Cầu cho hấn, sau khi thân tan rã, sau khi chết, hấn sẽ bị tái sinh vào cảnh giới đọa đày, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi thấp tối, trong địa ngục’. Vì sao vậy? Vì một người thù đâu thích kẻ thù mình được tái sinh lên cõi trời. (Chưa biết cầu được không), nhưng khi một người sân hận—bị chi phối bởi cơn giận, bị khống chế bởi cơn giận—giờ mình đã dính những hành-vi xấu ác bằng thân, lời nói, tâm ý. Vì dính vào ba nghiệp bất thiện như vậy, nên khi thân mình tan rã, sau khi chết, mình sẽ bị tái sinh vào cảnh giới đọa đày, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi thấp, trong địa ngục; tất cả chỉ vì sân hận. Đây là điều *thứ bảy* xảy ra cho một người sân hận—và càng làm cho kẻ thù đắc chí và lợi thế hơn mình.

“Có bảy điều như vậy xảy ra cho một người sân hận—và càng làm cho kẻ thù đắc chí và lợi thế hơn mình.

Người tức giận thì xấu xí;
Người đó cũng ngủ không ngon;
Sau khi đạt được điều ích lợi,
Người đó lại coi đó là điều nguy hiểm.¹⁴⁰⁷

Người sân hận,
Bị chi phối bởi sân hận,
Sau khi đã giết chóc bằng thân và lời-nói,¹⁴⁰⁸
Sẽ bị mất mát của cải.

Bị điên tiết bởi sân hận,
Người đó chỉ chuốc lấy tiếng xấu.
Họ hàng, bạn bè và người thân
Đều tránh né người nóng giận.

Sân hận là một nguyên nhân của sự nguy hại;

Sân hận làm hỗn loạn tâm thần.
Người ta không còn nhận biết được,
Mối hiểm họa đã khởi sinh ở bên trong.

Người tức giận không biết điều tốt lành;
Người sân hận không nhìn thấy Giáo Pháp.
Chỉ có sự mù-quáng và sự u-tối dày đặc,
Khi sân hận chi phối một người.

Khi người tức giận gây ra thiệt hại,
Một cách dễ dàng hay một cách khó khăn,
Sau đó khi cơn giận đã qua,
Người đó bị dày vò như bị lửa thiêu đốt.

Người đó thể hiện tính cương ngạnh,
Như lửa gây ra khói bốc.
Khi cơn giận lan ra bên ngoài,
Người ta sẽ bực tức với tính khí của anh ta.

Người đó không biết xấu-hổ hay sợ-hãi điều sai trái,
Lời nói thiếu tôn trọng;
Người bị chi phối bởi sân hận,
Thì không có hòn đảo [sự an toàn] nào cả.

Ta sẽ nói cho các thầy
Về những việc làm gây ra khổ sở.
Hãy lắng nghe đúng như chúng thực là,¹⁴⁰⁹
Rời xa khỏi những điều chân chính:

Một kẻ sân hận giết cha;
Một kẻ sân hận giết mẹ;
Một kẻ sân hận giết bà-la-môn;¹⁴¹⁰
Một kẻ sân hận giết người phạm phu.

Một kẻ phạm phu sân hận giết mẹ,
Là người đã sinh thành mình,
Là người đã dưỡng dục mình,
Và chỉ cho mình thấy thế gian này.

Những chúng sinh đó, thích bản thân mình,
Mỗi người coi bản thân mình là quý nhất;
Nhưng kẻ sân hận đó tự giết mình,
Bằng nhiều cách khác nhau,¹⁴¹¹
Khi họ quẫn trí về nhiều thứ vấn đề.

Có người giết mình bằng dao kiếm;
Có người quẫn trí uống thuốc độc;
Có người tự treo cổ bằng giây thừng;
Có người nhảy từ núi xuống hẻm núi.

Những nghiệp hủy diệt sự lớn-lên,¹⁴¹²
Và những nghiệp gây ra cái chết cho họ:
Khi đang làm những hành động như vậy,
Họ không biết sự tử bại là do sân hận gây ra.

Do vậy bấy tử thần đang ẩn giấu trong cái tâm,
Đã chọn lấy hình thái sân hận.
Một người nên cắt bỏ sân hận bằng tự-chủ,
Trí-tuệ, nỗ-lực, và chánh-kiên.

Người có trí nên thanh tẩy
Phẩm chất bất thiện này.¹⁴¹³
Theo cách như vậy nên tu tập trong Giáo Pháp:
Đừng để sản sinh tính cương ngạnh.

Hết sân hận, sự khổ của họ cũng hết,
Không còn ngu-si,¹⁴¹⁴ không còn thèm-khát,

Đã được thuần hóa, đã dẹp bỏ sân-hận,
 Những bậc vô-nhiễm chứng ngộ Niết-bàn.¹⁴¹⁵

NHÓM 2

NHÓM LỚN

65 (1) Sự Xấu Hổ Về Mặt Đạo Đức¹⁴¹⁶

(I) “Này các Tỳ kheo, (1) khi không có sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức và sự sợ-hãi về mặt đạo đức, người thiếu sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức và sự sợ-hãi về mặt đạo đức là (2) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự kiểm-chế các giác quan [các căn cảm nhận]; người thiếu sự kiểm-chế các giác-quan là (3) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến giới-hạnh. Khi không có giới-hạnh, người thiếu giới-hạnh là (4) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến chánh-định. Khi không có chánh-định, người thiếu chánh-định là (5) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự hiểu-biết và tầm-nhìn (tri và kiến) về mọi sự đúng như chúng thực là. Khi không có sự hiểu-biết và tầm-nhìn, người thiếu sự hiểu-biết và tầm-nhìn như vậy là (6) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự tỉnh-ngộ [sự không còn mê thích] và sự chán-bỏ. Khi không có sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ, người thiếu sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ là (7) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát.

“Giả sử có một cây mà thiếu cành và lá, thì phần chồi, vỏ, phần gỗ mềm và gỗ lõi của nó sẽ không phát triển đầy đủ. Cũng giống như vậy, (1) khi không có sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức và sự sợ-hãi về mặt đạo đức, người thiếu sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức và sự sợ-hãi về mặt đạo đức là (2) thiếu sự kiểm chế các giác-quan ... là (7) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát.

(II) “Này các Tỳ kheo, (1) khi có sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức và sự sợ-hãi về mặt đạo đức, người có được (thành tựu) sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức và sự sợ-hãi về mặt đạo đức là (2) có sự kiểm-chế các giác quan, người có được sự kiểm-chế các giác-quan là (3) có nguyên-nhân cận kề đưa đến giới-hạnh. Khi có được giới-hạnh, người có được giới-hạnh là (4) có được nguyên-nhân cận kề đưa đến chánh-định. Khi có được chánh-định, người có được chánh-định là (5) có nguyên-nhân cận kề đưa đến sự hiểu-biết và tầm-nhìn (tri và kiến) về mọi sự đúng thực như chúng là. Khi có được sự hiểu-biết và tầm-nhìn, người có được sự hiểu-biết và tầm-nhìn như vậy là (6) có được nguyên-nhân cận kề đưa đến sự tỉnh-ngộ [sự không còn mê thích] và sự chán-bỏ. Khi có sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ, người có được sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ là (7) có được nguyên-nhân cận kề đưa đến trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát.

“Giả sử có một cây có đầy đủ cành và lá, thì phần chồi, vỏ, phần gỗ mềm, và gỗ lõi của nó sẽ phát triển đầy đủ. Cũng giống như vậy, (1) khi có sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức và sự sợ-hãi về mặt đạo đức, người có được sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức và sự sợ-hãi về mặt đạo đức là (2) có được sự kiểm-chế các giác quan ... là (7) có nguyên-nhân cận kề đưa đến trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát.”

66 (2) Mặt Trời

Trong một lần¹⁴¹⁷ đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li), trong Rừng Ambapālī. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, những hiện-tượng có điều-kiện (pháp hữu vi) đều là vô-thường; những hiện-tượng có điều-kiện là bất-ôn; những hiện-

tượng có điều-kiện là không đáng tin-cậy. Điều này cũng đủ để (chúng ta) trở nên tỉnh-ngộ (không còn say mê, không còn bị hấp dẫn) với tất cả những hiện-tượng có điều-kiện, đủ để (chúng ta) trở nên chán-bỏ (không còn tham thích, ly tham) đối với chúng, đủ để (chúng ta tìm cách) được giải-thoát khỏi chúng.

“Này các Tỳ kheo, núi Tu-di (Sineru), vua của những ngọn núi, là dài 84.000 do-tuần (*yojana*) và rộng 84.000 do-tuần; phần chìm dưới đại dương dài 84.000 do-tuần và phần ở trên đại dương cao 84.000 do-tuần.¹⁴¹⁸

(1) “Rồi tới một thời đại, này các Tỳ kheo, khi mưa không có suốt nhiều năm, suốt nhiều trăm năm, suốt nhiều ngàn năm, suốt nhiều trăm ngàn năm. Khi mưa không có, sự sống hạt giống và cây trồng, được thảo, cây cỏ, và những cây lớn trong rừng đều héo tàn và khô queo và không còn tồn tại nữa. Những hiện-tượng có điều-kiện thật là vô-thường, thật là bất-ôn, thật là không đáng tin-cậy. Điều này cũng đủ để (chúng ta) trở nên tỉnh-ngộ với tất cả những hiện-tượng có điều-kiện, đủ để (chúng ta) trở nên chán-bỏ đối với chúng, đủ để (chúng ta tìm cách) được giải-thoát khỏi chúng.

(2) “Tới một thời đại, sau một thời gian dài, đến khi mặt trời thứ hai xuất hiện. Với sự xuất hiện của mặt trời thứ hai, những sông nhỏ và hồ nhỏ khô cạn và nước bốc hơi hết và không còn tồn tại nữa. Những hiện-tượng có điều-kiện thật là vô-thường. Điều này cũng đủ để (chúng ta tìm cách) được giải-thoát khỏi chúng.

(3) “Tới một thời đại, sau một thời gian dài, đến khi mặt trời thứ ba xuất hiện. Với sự xuất hiện của mặt trời thứ ba, những sông lớn—như sông Hằng, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, và sông Mahī—khô cạn và nước bốc hơi hết và không còn tồn tại nữa. Những hiện-tượng có điều-kiện thật là vô-thường. Điều này cũng đủ để (chúng ta tìm cách) được giải-thoát khỏi chúng.

(4) “Tới một thời đại, sau một thời gian dài, đến khi mặt trời thứ tư xuất hiện. Với sự xuất hiện của mặt trời thứ tư, những hồ lớn nơi những con sông lớn bắt nguồn—như hồ Anotatta, hồ Sīhapapāta, hồ Rathakāra, hồ Kaṇṇamuṇḍa, hồ Kuṇāla, hồ Chaddanta, và hồ Mandākinī—khô cạn và nước bốc hơi hết và không còn tồn tại nữa. Những hiện-tượng có điều-kiện thật là vô-thường. Điều này cũng đủ để (chúng ta tìm cách) được giải-thoát khỏi chúng.

(5) “Tới một thời đại, sau một thời gian dài, đến khi mặt trời thứ năm xuất hiện. Với sự xuất hiện của mặt trời thứ năm, nước trong đại dương tụt xuống một trăm do-tuần, rồi hai trăm do-tuần, ba trăm do-tuần ... bảy trăm do-tuần. Nước còn lại trong đại dương chỉ còn cao bằng bảy cây cọ dừa, rồi sáu cây cọ dừa ... năm cây cọ dừa ... bốn cây cọ dừa ... ba cây cọ dừa ... hai cây cọ dừa ... chỉ một cây cọ dừa. Nước trong đại dương chỉ còn cao bằng bảy thân người [fathom] ... rồi sáu thân người ... năm thân người ... bốn thân người ... ba thân người ... hai thân người ... một thân người ... nửa thân người ... cao bằng hông người ... cao bằng đầu gối ... chỉ cao bằng ống chân.

Giống như, trong mùa thu, khi có mưa lớn giọt đổ xuống, nước đọng lại trong những lỗ chân bò chỗ này chỗ kia; cũng giống như vậy, nước trong đại dương cũng còn đọng lại chỗ này chỗ kia [trong các vũng nhỏ] bằng cỡ lỗ chân bò. Với sự xuất hiện của mặt trời thứ năm, nước còn lại trong đại dương thậm chí không còn đủ cao bằng một ngón tay. Những hiện-tượng có điều-kiện thật là vô-thường. Điều này cũng đủ để (chúng ta tìm cách) được giải-thoát khỏi chúng.

(6) Tới một thời đại, sau một thời gian dài, đến khi mặt trời thứ sáu xuất hiện. Với sự xuất hiện của mặt trời thứ sáu, địa cầu vĩ đại này và núi Tu-di, vua của những ngọn núi, bốc khói, phun khói, ngập ngút khói. Cũng giống như lửa trong lò đun gốm, khi mới đốt lên, nó bốc khói, phun khói, ngập ngút khói; cũng giống như vậy, với sự xuất hiện của mặt trời thứ sáu, địa cầu và núi Tu-di vĩ đại này, vua của những

ngọn núi, bốc khói, phun khói, ngập ngút khói. Những hiện-tượng có điều-kiện thật là vô-thường. Điều này cũng đủ để (chúng ta tìm cách) được giải-thoát khỏi chúng.

(7) Tới một thời đại, sau một thời gian dài, đến khi mặt trời thứ bảy xuất hiện. Với sự xuất hiện của mặt trời thứ bảy, địa cầu vĩ đại này và núi Tu-di, vua của những ngọn núi, bốc cháy, cháy lửa sáng rực, và trở thành khối lửa rực. Khi địa cầu vĩ đại này và núi Tu-di đang cháy rực và thiêu cháy, những ngọn lửa, bắt theo gió, cháy lên tới cõi trời brahmā (Phạm thiên giới). Khi núi Tu-di đang cháy rực và thiêu cháy, khi nó đang trong tiến trình hủy hoại và đang bị khuất phục bởi một khối đại hỏa lực như vậy, những đỉnh núi cao một trăm do-tuần tan tành; những đỉnh núi cao hai trăm do-tuần ... ba trăm do-tuần ... bốn trăm do-tuần ... năm trăm do-tuần tan tành.

“Khi địa cầu vĩ đại này và núi Tu-di, vua của những ngọn núi, đang cháy rực và thiêu cháy thì không thấy còn tro hay lọ đen. Giống như, khi mỡ bơ hay dầu đang cháy rực và thiêu cháy thì không thấy có tro hay lọ đen; cũng giống như vậy, khi địa cầu vĩ đại này và núi Tu-di, vua của những ngọn núi, đang cháy rực và thiêu cháy thì không thấy còn tro hay lọ đen. Những hiện-tượng có điều-kiện thật là vô-thường, thật là bất-ôn, thật là không đáng tin-cậy. Điều này cũng đủ để (chúng ta) trở nên tỉnh-ngộ với tất cả những hiện-tượng có điều-kiện, đủ để (chúng ta) trở nên chán-bỏ đối với chúng, đủ để (chúng ta tìm cách) được giải-thoát khỏi chúng.

“Này các Tỳ kheo, có ai, ngoài những người đã nhìn thấy sự-thậtngã hay tin rằng: ‘Địa cầu vĩ đại này và núi Tu-di, vua của những ngọn núi, sẽ cháy rụi, bị hủy hoại, và sẽ không còn tồn tại nữa’?

“Trong quá khứ, có một vị thầy tên là Sunetta, giáo chủ của một giáo phái tâm linh, người không còn tham-dục¹⁴¹⁹ những khoái lạc giác quan. Vị thầy Sunetta có nhiều trăm đệ tử và chỉ dạy cho họ Giáo Pháp

để được tái sinh cộng trú (với những thiên thần, những vị trời) trong cảnh trời brahmā. Khi ông ấy đang chỉ dạy, những người đã hoàn toàn hiểu được giáo lý của ông ta thì, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong cõi trời brahmā. Nhưng những ai không hoàn toàn hiểu được giáo lý của ông thì, có người được tái sinh cộng trú với những thiên thần kiểm soát những thứ được sáng tạo bởi những thiên thần khác (tha hóa tự tại thiên);¹⁴²⁰ có người được tái sinh cộng trú với những thiên thần khoái thích sáng tạo (hóa lạc thiên); có người được tái sinh cộng trú với những thiên thần trong cõi Yāma (Dạ-ma thiên); có người được tái sinh cộng trú với những thiên thần trong cõi trời Tāvātimsa (Đao-lợi, cõi trời 33); có người được tái sinh cộng trú với những thiên thần [được trị vì bởi] bốn vị vua lớn (Tứ đại thiên vương). Có người được tái sinh cộng trú trong số những người giai cấp chiến-sĩ (khattiya) giàu có; có người được tái sinh cộng trú trong số những bà-la-môn giàu có; có người được tái sinh cộng trú trong số những chủ gia giàu có.

“Rồi, này các Tỳ kheo, ý nghĩ này đã xảy đến với vị thầy Sunetta: ‘Sẽ không phù hợp nếu ta cũng có nơi-đến tương lai giống hệt nơi-đến của những đệ tử của ta. Vậy ta hãy tu tập tâm-từ hơn nữa.’

Rồi suốt bảy năm vị thầy Sunetta đã tu tập tâm-từ. Hệ quả là, trong suốt bảy đại-kiếp thế giới tan-hoại và tiến-hóa ông ta đã không quay lại thế gian này. Khi thế giới đang tan-hoại, ông ta đến trú ở [cõi trời] hào quang chiếu thành dòng (âm quang thiên). Khi thế giới đang tiến-hóa lại, ông ta đã tái sinh trong một thiên cung trống của trời Brahmā.¹⁴²¹

Ở đó ông ta đã từng là trời Brahmā, vị trời Brahmā Lớn (Đại Phạm thiên), người chinh phục, người không bị chinh phục, người nhìn thấy vũ trụ (biến tri), người nắm vững sự làm-chủ (tự tại). Sáu mươi ba lần ông ta đã từng là vua trời Sakka (Đế-thích), vua của những thiên thần. Mấy trăm lần ông ta đã từng là một vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương), vị vua chân chính trị vì bằng Giáo Pháp, một người chinh

phục có sự trị vì trải rộng khắp bốn biên, người đã đạt được sự ổn định trong đất nước của mình, người có được bảy báu. Ông ta từng có bảy báu này, gồm: xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, nữ báu, quan ngân khố báu, và quan quân sự báu là thứ bảy. Ông ta đã từng có hơn một ngàn con trai là những anh hùng, mạnh mẽ, có thể nghiền nát những đội quân của kẻ thù mình. Ông ta đã từng thống trị sau khi đã chinh phục địa cầu này cho tới giáp biên các đại dương của nó, không phải bằng bạo lực và vũ khí mà bằng Giáo Pháp.

“Này các Tỳ kheo, mặc dù vị thầy Sunetta đã có tuổi thọ dài và tiếp tục hưởng đại thọ ở đó, nhưng ông ấy vẫn không thoát khỏi sinh, già và chết, thoái khỏi sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Ông ấy không thoát khỏi khổ đau, ta nói vậy. Vì lý do gì? Vì ông ấy không hiểu được và thâm nhập bốn điều. Bốn đó là gì? Đó là: giới-hạnh thánh thiện, sự định-tâm thánh thiện, trí-tuệ thánh thiện, và sự giải-thoát thánh thiện.¹⁴²²

“Này các Tỳ kheo, thánh giới-hạnh đã được hiểu và được thâm nhập. Thánh thiên-định đã được hiểu và được thâm nhập. Thánh trí-tuệ đã được hiểu và được thâm nhập. Thánh giải-thoát đã được hiểu và được thâm nhập. Dục-vọng muốn được hiện-hữu đã bị cắt đứt; đường dẫn tới hiện-hữu đã bị phá hủy,¹⁴²³ từ nay không còn sự tái hiện-hữu nữa.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vậy:

“Giới hạnh, thiên định, trí tuệ; (giới, định, tuệ)

Và sự giải-thoát vô thượng:

Cồ-đàm, bậc lừng danh,

Đã tự mình hiểu hết những điều đó.

“Sau khi đã trực-tiếp biết những điều đó,

Phật đã chỉ dạy Giáo Pháp cho các Tỳ kheo.

Vị Sư Thầy, người đã chấm dứt khô,
Là bậc có Tâm Nhìn, đã chứng ngộ Niết-bàn.”¹⁴²⁴

67 (3) Ví Dụ Thành Trì

“Này các Tỳ kheo, khi một thành trì biên cương của nhà vua được khéo trang bị với bảy loại trang bị của thành trì, và sẵn sàng có đủ bốn loại thức ăn không khó khăn hay rắc rối gì, thì nó có thể được gọi là một thành trì biên cương của nhà vua không thể bị tấn công bởi những kẻ thù ngoài giặc ngoài.

(A) “Cái gì là bảy loại trang bị của thành trì được khéo trang bị cho nó?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, trong thành trì biên cương của nhà vua, có trụ cột được đào móng sâu và chôn một cách chắc chắn, bất động đây, bất khả lay chuyển. Một thành trì biên cương của nhà vua được khéo trang bị bởi trang bị thứ nhất này để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài.

(2) “Lại nữa, trong một thành trì biên cương của nhà vua, có vòng hào được đào sâu và rộng. Một thành trì biên cương của nhà vua được khéo trang bị bởi trang bị thứ hai này để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài.

(3) “Lại nữa, trong một thành trì biên cương của nhà vua, có lối đi tuần tra được làm cao và rộng. Một thành trì biên cương của nhà vua được khéo trang bị bởi trang bị thứ ba này để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài.

(4) “Lại nữa, trong một thành trì biên cương của nhà vua, có nhiều vũ khí được cất giữ, gồm cả những vũ khí phóng bắn (tên, phi lao, giáo) và những vũ khí cầm tay (cung, đao, kiếm, dao). Một thành trì biên cương của nhà vua được khéo trang bị bởi trang bị thứ tư này để bảo vệ

những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài.

(5) “Lại nữa, trong một thành trì biên cương của nhà vua, có nhiều loại binh lính, như lính cưỡi voi chiến, lính cưỡi ngựa chiến, lính đánh xe chiến, lính bắn cung, lính cầm cờ chiến, các tướng dàn trận đồn trú, lính phục vụ thức ăn (cho lính ở trại và lúc chiến trận), lính dòng dõi hoàng tộc dũng mãnh (*uggā rājaputtā*; những lính tướng là con cái hoàng tộc), lính đặc công tiền trận, lính đại công cảm tử (‘lính bò lớn’, ‘đại ngư binh’, không quay đầu cho dù gặp voi lớn, xe lớn), lính xung kích, lính cầm khiêng (đỡ tên bắn), lính là nô lệ thân thiết (đi theo chiến đấu với chủ).¹⁴²⁵ Một thành trì biên cương của nhà vua được khéo trang bị bởi trang bị thứ năm này để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài.

(6) “Lại nữa, trong một thành trì biên cương của nhà vua, có người gác cổng thành là khôn trí, giỏi giang, và thông minh, người biết ngăn chặn kẻ lạ và cho người quen biết đi vô thành. Một thành trì biên cương của nhà vua được khéo trang bị bởi trang bị thứ sáu này để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài.

(7) “Lại nữa, trong một thành trì biên cương của nhà vua, có tường thành cao và rộng, được trét vôi vữa chắc chắn. Một thành trì biên cương của nhà vua được khéo trang bị bởi trang bị thứ bảy này để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài.

“Nó được khéo trang bị bởi bảy loại trang bị này.

(B) “Và cái gì là bốn loại thức ăn nó sẵn sàng có đủ một cách không khó khăn hay rắc rối gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, trong thành trì biên cương của nhà vua, có cỏ, củi, và nước được dự trữ để có sự vui-sướng, sự khỏi-lo,¹⁴²⁶ và sự thoải-mái của những người ở trong thành và để ngăn chặn những kẻ bên ngoài.

(2) “Lại nữa, trong thành trì biên cương của nhà vua, có gạo và ngũ cốc được dự trữ để có sự vui-sướng, sự khỏi-lo, và sự thoải-mái của những người ở trong thành và để ngăn chặn những kẻ bên ngoài.

(3) “Lại nữa, trong thành trì biên cương của nhà vua, có nhiều loại thực phẩm—như mè, rau củ xanh, và các loại đậu—được dự trữ để có sự vui-sướng, sự khỏi-lo, và sự thoải-mái của những người ở trong thành và để ngăn chặn những kẻ bên ngoài.

(4) “Lại nữa, trong thành trì biên cương của nhà vua, có nhiều loại dược liệu (thức ăn có thể dùng để trị các bệnh nhẹ)—như ván sữa, bơ, dầu, mật ong, mật đường, và muối—được dự trữ để có sự vui-sướng, sự khỏi-lo, và sự thoải-mái của những người ở trong thành và để ngăn chặn những kẻ bên ngoài.

“Đây là bốn loại thức ăn nó sẵn sàng có được một cách không khó khăn hay rắc rối gì.

“Này các Tỳ kheo, khi một thành trì biên cương của nhà vua được khéo trang bị bởi bảy trang bị của một thành trì, và khi nó sẵn sàng có được bốn loại thức ăn một cách không khó khăn hay rắc rối gì, thì nó có thể được gọi là một thành trì biên cương của nhà vua không bị tấn công bởi những kẻ thù ngoài giặc ngoài.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một đệ tử thánh thiện có được bảy phẩm-chất, và khi người đó tùy theo ý mình có thể chứng đắc bốn tầng thiên định, (bốn tầng thiên định đó) tạo nên phần tâm bậc-cao và là những sự an-trú lạc trú ngay trong kiếp này, thì người đó có thể được gọi là một đệ tử thánh thiện không thể bị tấn công bởi Ma-vương, là người không thể bị tấn công bởi Ác Ma.

(A) “Cái gì là bảy phẩm chất mà người đó có được?

(1) “Này các Tỳ kheo, giống như trụ cột trong một thành trì biên cương của nhà vua được đào móng sâu và chôn một cách chắc chắn, bất

động đây, bất khả lay chuyển cho mục đích bảo vệ những người bên trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài, một người đệ tử thánh thiện được phú cho *niềm-tin*. Người đó đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vậy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán, đã giác ngộ toàn thiện, đã thành tựu về sự hiểu-biết trực-tiếp (chân trí) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Với niềm-tin như trụ cột (vững chắc) của mình, người đệ tử thánh thiện dẹp bỏ những điều bất thiện và tu dưỡng những điều thiện lành, dẹp bỏ những điều đáng chê trách (tội lỗi) và tu dưỡng những điều không bị chê trách (vô tội lỗi), và giữ mình trong sự trong-sạch. Người đó có được phẩm chất tốt lành thứ nhất này.

(2) “Giống như vòng hào trong thành trì biên cương của nhà vua được đào sâu và rộng cho mục đích để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài, một người đệ tử thánh thiện có cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức; người đó đó xấu hổ với những hành-vi tà ác của thân, miệng, ý; người đó xấu hổ khi tích tạo những phẩm chất bất thiện. Với cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức như vòng hào (sâu rộng), người đệ tử thánh thiện dẹp bỏ những điều bất thiện và tu dưỡng những điều thiện lành, dẹp bỏ những điều đáng chê trách và tu dưỡng những điều không bị chê trách, và giữ mình trong sự trong-sạch. Người đó có được phẩm chất tốt lành thứ hai này.

(3) “Giống như lối đi tuần trong thành trì biên cương của nhà vua là cao và rộng cho mục đích để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài, một người đệ tử thánh thiện biết sợ-hãi việc làm sai trái; người đó sợ hãi những hành-vi tà ác của thân, miệng, ý; người đó sợ hãi khi tích tạo những phẩm chất bất thiện. Với sự biết sợ-hãi về mặt đạo đức như lối đi tuần (cao rộng), người đệ tử thánh thiện dẹp bỏ những điều bất thiện và tu dưỡng những điều thiện lành, dẹp bỏ những điều đáng chê trách và tu dưỡng những điều không bị chê trách,

và giữ mình trong sự trong-sạch. Người đó có được phẩm chất tốt lành thứ ba này.

(4) “Giống như nhiều vũ khí được cất giữ, gồm cả những vũ khí phóng bắn và những vũ khí cầm tay được dự trữ trong thành trì biên cương của nhà vua cho mục đích để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài, một người đệ tử thánh thiện đã học hiểu nhiều, và tích lũy nhiều điều mình đã học. Những giáo pháp đó tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, chúng cho thấy đời sống tâm linh được toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý như vậy người đó đã học hiểu nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã tra xét bằng tâm, và đã thiện khéo thâm nhập bằng chánh kiến. Với sự học-hiểu như (nhiều loại) vũ khí của mình, người đệ tử thánh thiện dẹp bỏ những điều bất thiện và tu dưỡng những điều thiện lành, dẹp bỏ những điều đáng chê trách và tu dưỡng những điều không bị chê trách, và giữ mình trong sự trong-sạch. Người đó có được phẩm chất tốt lành thứ tư này.

(5) “Giống như nhiều loại binh lính có trong thành trì biên cương của nhà vua, như lính cưỡi voi chiến ... lính là nô lệ thân thiết (đi theo chiến đấu với chủ), cho mục đích để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài, một người đệ tử thánh thiện đã phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện; người đó là mạnh mẽ, vững vàng trong sự phấn-đấu (tinh cần), không lơ lảng khỏi trách phận tu tập những phẩm chất thiện. Với sự nỗ-lực như những binh lính của mình, người đệ tử thánh thiện dẹp bỏ những điều bất thiện và tu dưỡng những điều thiện lành, dẹp bỏ những điều đáng chê trách và tu dưỡng những điều không bị chê trách, và giữ mình trong sự trong-sạch. Người đó có được phẩm chất tốt lành thứ năm này.

(6) “Giống như người gác cổng trong thành trì biên cương của nhà vua là khôn trí, giỏi giang, và thông minh, là người ngăn chặn những

kẻ lạ và cho những người quen đi vô thành, cho mục đích để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài, một người đệ tử thánh thiện có được sự chánh-niệm và sự tỉnh-giác (cảnh giác, rõ biết) cao nhất, là người nhớ và nhớ lại điều đã làm và đã nói từ lâu. Với sự chánh-niệm như người gác cổng của mình, người đệ tử thánh thiện dẹp bỏ những điều bất thiện và tu dưỡng những điều thiện lành, dẹp bỏ những điều đáng chê trách và tu dưỡng những điều không bị chê trách, và giữ mình trong sự trong-sạch. Người đó có được phẩm chất tốt lành thứ sáu này.

(7) “Giống như tường thành trong thành trì biên cương của nhà vua là cao và rộng, được trét vôi vữa chắc chắn, cho mục đích để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài, một người đệ tử thánh thiện là có trí; người đó có được trí-tuệ để nhận thấy sự sinh và diệt, (loại trí-tuệ đó) là thánh thiện và mang tính thâm nhập và dẫn tới sự diệt-khổ. Với trí-tuệ như lớp trét vôi vữa chắc chắn của tường thành, người đệ tử thánh thiện dẹp bỏ những điều bất thiện và tu dưỡng những điều thiện lành, dẹp bỏ những điều đáng chê trách và tu dưỡng những điều không bị chê trách, và giữ mình trong sự trong-sạch. Người đó có được phẩm chất tốt lành thứ bảy này.

“Người đó có được bảy phẩm chất tốt lành này.¹⁴²⁷

(B) “Và cái gì là bốn tầng thiền định (jhāna) tạo nên phần tâm bậc-cao và là những sự an-trú lạc trú ngay trong kiếp này, mà người đó tùy ý chứng đắc một cách không khó khăn hay rắc rối gì?

(1) “Này các Tỳ kheo, giống như nhiều cỏ, củi, và nước được sự trữ trong thành trì biên cương của nhà vua để có sự vui-sướng, sự khỏi-lo, và sự thoải-mái của những người ở trong thành, và cho mục đích để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài, một người đệ tử thánh thiện: tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an

trú trong tầng thiên định thứ nhất (Nhất thiên), trạng thái có đi kèm với ý nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó—để có sự vui-sướng, sự an-dịu, và sự thư-thái, và để chứng nhập Niết-bàn.¹⁴²⁸

(2) “Giống như gạo và ngũ cốc được dự trữ trong thành trì biên cương của nhà vua để có sự vui-sướng, sự khỏi-lo, và sự thoải-mái của những người ở trong thành, và cho mục đích để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài, một người đệ tử thánh thiện: với sự lắng lặn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiên định thứ hai (Nhị thiên), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, và có sự hoan-hỷ và sự hạnh-phúc được sinh ra từ sự định-tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét—để có sự vui-sướng, sự an-dịu, và sự thư-thái, và để chứng nhập Niết-bàn.

(3) “Giống như nhiều thực phẩm—như mè, rau củ xanh, và những loại đậu—được dự trữ trong thành trì biên cương của nhà vua để có sự vui-sướng, sự khỏi-lo, và sự thoải-mái của những người ở trong thành, và cho mục đích để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài, một người đệ tử thánh thiện: người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm niềm hạnh phúc cùng với thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiên định thứ ba (Tam thiên), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: ‘Người đó buông xả, có chánh niệm, là người an trú một cách hạnh phúc’—để có sự vui-sướng, sự an-dịu, và sự thư-thái, và để chứng nhập Niết-bàn.

(4) “Giống như nhiều dược liệu—ván sữa, bơ, dầu, mật, mật đường, và muối—được dự trữ trong thành trì biên cương của nhà vua để có sự vui-sướng, sự khỏi-lo, và sự thoải-mái của những người ở trong thành, và cho mục đích để bảo vệ những người trong thành và ngăn chặn những kẻ bên ngoài, một người đệ tử thánh thiện: với sự dẹp bỏ sự sướng-khỏ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn vui hay buồn), người đó chứng nhập và an trú

trong tầng thiên định thứ tư (Tứ thiên), trạng thái không còn sương hay khô, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả—để có sự vui-sướng, sự an-dịu, và sự thư-thái, và để chứng nhập Niết-bàn.

“Đây là bốn tầng thiên định tạo nên phần tâm bậc-cao và là những sự an-trú lạc trú ngay trong kiếp này, mà người đó tùy ý chứng đắc một cách không khó khăn hay rắc rối gì.

“Này các Tỳ kheo, khi một đệ tử thánh thiện có được bảy phẩm-chất này, và khi người đó có thể tùy ý chứng đắc bốn tầng thiên định, (bốn tầng thiên định đó) tạo nên phần tâm bậc-cao và là những sự an-trú lạc trú ngay trong kiếp này, thì người đó có thể được gọi là một đệ tử thánh thiện không thể bị tấn công bởi Ma-vương, là người không thể bị tấn công bởi Ác Ma.”

68 (4) Người Biết Giáo Pháp

“Này các Tỳ kheo, có bảy phẩm chất, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất (phước điền vô thượng) trong thế gian. Bảy đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo là một người biết Giáo Pháp, người biết ý-nghĩa, người biết chính-mình, người biết sự tiết-độ, người biết sự hợp-thời, người biết hội-chúng, và người biết những loại người cao thượng và tiểu nhược.

(1) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người biết Giáo Pháp? Ở đây, một Tỳ kheo biết Giáo Pháp bằng những thể loại kinh—kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bốn sinh (của Phật), kinh những chuyện tuyệt vời, và kinh vấn đáp. Nếu một Tỳ kheo không biết Giáo Pháp bằng những thể loại kinh—kinh văn xuôi ... kinh vấn đáp—thì người đó sẽ không được gọi là ‘người biết Giáo Pháp’.

Nhưng bởi vì người đó biết Giáo Pháp bằng những thể loại kinh—kinh văn xuôi ... kinh vấn đáp—nên người đó được gọi là ‘người biết Giáo Pháp’. Theo cách như vậy người đó là một người biết Giáo Pháp.

(2) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người biết ý-nghĩa? Ở đây, một Tỳ kheo biết ý nghĩa của điều (lời tuyên thuyết) này và điều kia như vậy: ‘Đây là ý nghĩa của điều này; đây là ý nghĩa của điều kia’. Nếu một Tỳ kheo không biết ý nghĩa của điều này và điều kia như vậy: ... thì người đó sẽ không được gọi là ‘người biết ý-nghĩa’. Nhưng bởi vì người đó biết ý nghĩa của điều này và điều kia như vậy: ... nên người đó được gọi là ‘người biết ý-nghĩa’. Theo cách như vậy người đó là người biết Giáo Pháp và người biết ý-nghĩa.

(3) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người biết chính-mình? Ở đây, một Tỳ kheo biết bản thân mình như vậy: ‘Ta có rất nhiều niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, tâm bố-thí, trí-tuệ, và sự nhận-biết (biện giải)’. Nếu một Tỳ kheo không biết bản thân mình như vậy: ... thì người đó sẽ không được gọi là ‘người biết chính-mình’. Nhưng bởi vì người đó biết bản thân mình như vậy: ... nên người đó được gọi là ‘người biết chính-mình’. Theo cách này người đó là người biết Giáo Pháp, người biết ý-nghĩa, và người biết chính-mình.

(4) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người biết sự tiết-độ? Ở đây, một Tỳ kheo biết sự tiết-độ trong việc nhận y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh. Nếu một Tỳ kheo không biết sự tiết độ trong việc nhận y áo ... chu cấp cho người bệnh, thì người đó sẽ không được gọi là ‘người biết sự tiết-độ’. Nhưng bởi vì người đó biết sự tiết độ trong việc nhận y áo ... chu cấp cho người bệnh, nên người đó được gọi là ‘người biết sự tiết-độ’. Theo cách này người đó là người biết Giáo Pháp, người biết ý-nghĩa, người biết chính-mình, và người biết sự tiết-độ.

(5) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người biết sự hợp-thời? Ở

đây, một Tỳ kheo biết sự hợp-thời như vậy: ‘Đây là lúc để học, đây là lúc để hỏi, đây là lúc để phân đầu (tinh cần), đây là lúc để ở tách-ly (ẩn dật)’. Nếu một Tỳ kheo không biết sự hợp-thời như vậy: ... thì người đó sẽ không được gọi là ‘người biết sự hợp-thời’. Nhưng bởi vì người đó biết sự hợp-thời như vậy: ... nên người đó được gọi là ‘người biết sự hợp-thời’. Theo cách này người đó là người biết Giáo Pháp, người biết ý-nghĩa, người biết chính-mình, người biết sự tiết-độ, và người biết sự hợp-thời.

(6) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người biết hội-chúng? Ở đây, một Tỳ kheo biết về hội chúng: ‘Đây là hội chúng của những người giai cấp chiến-sĩ (khattiya), đây là hội chúng của những bà-la-môn, đây là hội chúng của những gia chủ, đây là hội chúng của những tu-sĩ. Trong số đó, một người nên đến gặp [hội chúng này] theo cách như vậy; người nên dừng theo cách như vậy; người nên làm theo cách như vậy; người nên ngồi theo cách như vậy; người nên nói theo cách như vậy; người nên im lặng theo cách như vậy’. Nếu một Tỳ kheo không biết về hội chúng như vậy: ‘Đây là hội chúng của những người giai cấp chiến-sĩ ... của những tu-sĩ. Trong số đó, một người nên đến gặp [hội chúng này] theo cách như vậy ... nên im lặng theo cách như vậy’, thì người đó sẽ không được gọi là ‘người biết hội chúng’. Nhưng bởi vì người đó biết về hội chúng như vậy: ‘Đây là hội chúng của những người giai cấp chiến-sĩ ... của những tu-sĩ. Trong số đó, một người nên đến gặp [hội chúng này] theo cách như vậy ... nên im lặng theo cách như vậy’, nên người đó được gọi là ‘người biết hội chúng’. Theo cách này người đó là người biết Giáo Pháp, người biết ý-nghĩa, người biết chính-mình, người biết sự tiết-độ, người biết sự hợp-thời, và người biết hội-chúng.

(7) “Và theo cách nào một Tỳ kheo biết những loại người cao thượng và tiểu nhược? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu những loại người theo những cặp người. ¹⁴²⁹

(i) “Hai người: một người muốn gặp những thánh nhân; một

người không muốn gặp những thánh nhân. Người không muốn gặp thánh nhân thì do việc đó là đáng trách; người muốn gặp thánh nhân thì do việc đó là đáng khen.

(ii) “Hai người đều muốn gặp những thánh nhân: một người muốn nghe Giáo Pháp tốt lành; một người không muốn nghe Giáo Pháp tốt lành. Người không muốn nghe Giáo Pháp tốt lành thì do việc đó là đáng trách; người muốn nghe Giáo Pháp tốt lành thì do việc đó là đáng khen.

(iii) “Hai người đều muốn nghe Giáo Pháp tốt lành: một người lắng tai nhiệt tình nghe Giáo Pháp; một người không lắng tai nhiệt tình nghe Giáo Pháp. Người không lắng tai nhiệt tình nghe Giáo Pháp thì do việc đó là đáng trách; người lắng tai nhiệt tình nghe Giáo Pháp thì do việc đó là đáng khen.

(iv) “Hai người đều lắng tai nhiệt tình nghe Giáo Pháp tốt lành: một người sau khi nghe xong lưu giữ trong tâm trí; một người sau khi nghe xong không lưu giữ trong tâm trí. Người sau khi nghe Giáo Pháp không lưu giữ trong tâm trí thì do việc đó là đáng trách; người sau khi nghe Giáo Pháp lưu giữ trong tâm trí thì do việc đó là đáng khen.

(v) “Hai người sau khi nghe Giáo Pháp đều lưu giữ trong tâm trí: một người xem xét ý nghĩa của những giáo lý đã được lưu giữ trong tâm trí; một người không xem xét ý nghĩa của những giáo lý đã được lưu giữ trong tâm trí. Người không xem xét ý nghĩa của những giáo lý đã được lưu giữ trong tâm trí thì do việc đó là đáng trách; người xem xét ý nghĩa của những giáo lý đã được lưu giữ trong tâm trí thì do việc đó là đáng khen.

(vi) “Hai người đều xem xét ý nghĩa của những giáo lý đã được lưu giữ trong tâm trí: một người hiểu được ý-nghĩa của Giáo Pháp và tu tập theo đúng Giáo Pháp; một người không hiểu được ý-nghĩa của Giáo Pháp và không tu tập theo đúng Giáo Pháp. Người không hiểu được ý-nghĩa của Giáo Pháp và không tu tập theo đúng Giáo Pháp thì do việc

đó là đáng trách; người hiểu được ý-nghĩa của Giáo Pháp và tu tập theo đúng Giáo Pháp thì do việc đó là đáng khen.

(vii) “Hai người đều người hiểu được ý-nghĩa của Giáo Pháp và tu tập theo đúng Giáo Pháp: một người tu tập vì ích-lợi của mình, không vì ích-lợi của người khác; một người tu tập vì ích-lợi của mình và người khác. Người tu tập vì ích-lợi của mình, không vì ích-lợi của người khác, thì do việc đó là đáng trách; người tu tập vì ích-lợi của mình và người khác thì do việc đó là đáng khen.

“Chính theo cách này một Tỳ kheo hiểu những loại người theo những cặp người. Chính theo cách này một Tỳ kheo là người biết những loại người cao thượng và tiểu nhược.

“Có được bảy phẩm chất này, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất trong thế gian.”

69 (5) *Pāricchattaka*

(1) “Này các Tỳ kheo, khi lá của những cây san hô *pāricchattaka* của những thiên thần cõi trời Đao-lợi [Tāvātimsa; cõi trời 33] chuyển sang màu vàng úa,¹⁴³⁰ thì những thiên thần cõi trời Đao-lợi đều hoan hỷ [nghĩ rằng]: ‘Lá của cây san hô *pāricchattaka* giờ đã chuyển sang màu vàng úa. Chẳng bao lâu lá sẽ rụng.’ (Giai đoạn vàng lá)

(2) “Khi lá của những cây san hô *pāricchattaka* của những thiên thần cõi trời Đao-lợi đã rụng, những thiên thần cõi trời Đao-lợi hoan hỷ [nghĩ rằng]: ‘Lá của cây san hô *pāricchattaka* giờ đã rụng. Chẳng bao lâu sẽ mọc mầm hoa.’¹⁴³¹ (Giai đoạn rụng lá)

(3) “Khi cây san hô *pāricchattaka* của những thiên thần cõi trời Đao-lợi đã mọc mầm hoa, những thiên thần cõi trời Đao-lợi hoan hỷ [nghĩ rằng]: ‘Cây san hô *pāricchattaka* giờ đã mọc mầm hoa. Chẳng

bao lâu sẽ bung thành chồi.’¹⁴³² (Giai đoạn mọc mầm)

(4) “Khi cây san hô *pāricchattaka* của những thiên thần cõi trời Đao-lợi đã bung chồi hoa, những thiên thần cõi trời Đao-lợi hoan hỷ [nghĩ rằng]: ‘Cây san hô *pāricchattaka* giờ đã bung chồi hoa. Chẳng bao lâu cây sẽ kết nụ.’¹⁴³³ (Giai đoạn mọc chồi)

(5) “Khi cây san hô *pāricchattaka* của những thiên thần cõi trời Đao-lợi đã kết nụ, những thiên thần cõi trời Đao-lợi hoan hỷ [nghĩ rằng]: ‘Cây san hô *pāricchattaka* giờ đã kết nụ. Chẳng bao lâu nụ sẽ nở.’¹⁴³⁴ (Giai đoạn kết nụ)

(6) “Khi cây san hô *pāricchattaka* của những thiên thần cõi trời Đao-lợi đã nở nụ, những thiên thần cõi trời Đao-lợi hoan hỷ [nghĩ rằng]: ‘Cây san hô *pāricchattaka* giờ đã nở nụ. Chẳng bao lâu sẽ nở bung thành hoa.’¹⁴³⁵ (Giai đoạn nở nụ)

(7) “Khi cây san hô *pāricchattaka* của những thiên thần cõi trời Đao-lợi đã nở hoa, những thiên thần cõi trời Đao-lợi hoan hỷ, và họ trải qua bốn tháng cõi trời dưới gốc cây san hô *pāricchattaka* để thụ hưởng bản thân được phú cho và cấp cho năm đối-tượng khoái-lạc giác-quan (dục lạc). Khi cây san hô *pāricchattaka* đã nở hoa trọn đầy, ánh sáng rạng rỡ của nó trải rộng xung quanh tới khoảng cách mười do-tuần và mùi hương của nó lan xa theo gió tới khoảng cách một trăm do-tuần. Đây là sự hùng vĩ của cây san hô *pāricchattaka*. (Giai đoạn nở hoa)

(1) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một đệ tử thánh thiện ý chí từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, thì trong thời đó người đó là người ở “giai đoạn vàng lá”, giống như cây san hô *pāricchattaka* của những thiên thần cõi trời Đao-lợi ‘có lá đã chuyển sang màu vàng úa’ vậy.¹⁴³⁶

(2) “Khi người đệ tử thánh thiện đã cạo bỏ râu tóc, khoát y cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu

hành, thì trong thời đó người đó là người ở “giai đoạn rụng lá”, giống như cây san hô *pāricchattaka* của những thiên thần cõi trời Đao-lợi ‘có lá đã rụng’ vậy.

(3) “Khi người đệ tử thánh thiện: Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiên định thứ nhất (Nhất thiên) ... thì trong thời đó người đó là người ở “giai đoạn mọc mầm”, giống như cây san hô *pāricchattaka* của những thiên thần cõi trời Đao-lợi ‘đã mọc mầm hoa’ vậy.

(4) “Khi người đệ tử thánh thiện: Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiên định thứ hai (Nhị thiên) ... thì trong thời đó người đó là người ở “giai đoạn mọc chồi”, giống như cây san hô *pāricchattaka* của những thiên thần cõi trời Đao-lợi ‘đã mọc chồi hoa’ vậy.

(5) “Khi người đệ tử thánh thiện: Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ ... người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiên định thứ ba (Tam thiên) ... thì trong thời đó người đó là người ở “giai đoạn kết nụ”, giống như cây san hô *pāricchattaka* của những thiên thần cõi trời Đao-lợi ‘đã kết nụ hoa’ vậy.

(6) “Khi người đệ tử thánh thiện: Với sự dẹp bỏ sự sượng-khô (không còn sượng hay khô), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn vui hay buồn), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiên định thứ tư (Tứ thiên) ... thì trong thời đó người đó là người ở “giai đoạn nở nụ”, giống như cây san hô *pāricchattaka* của những thiên thần cõi trời Đao-lợi ‘đã nở hé nở nụ hoa’ vậy.

(7) “Khi người đệ tử thánh thiện: Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó, thì trong thời đó

người đó là người ở “giai đoạn nở hoa”, giống như cây san hô *pāricchattaka* của những thiên thần cõi trời Đao-lợi ‘đã nở hoa trọn đầy’ vậy.

“Trong thời đó, này các Tỳ kheo, những địa thần sống ở mặt đất đều hô lên: ‘Vị “A” này, là học trò của Vị Thầy “B” kia, đã từ bỏ đời sống tại gia từ làng hay thị xã “C” đó để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và giờ thì: với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, vị ấy đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, vị ấy an trú trong đó.’¹⁴³⁷ Sau khi nghe tiếng hô lên của các địa thần trên mặt đất, những thiên thần [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương cũng cất tiếng hô lên như vậy. Sau khi nghe tiếng hô lên của những thiên thần [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương, những thiên thần cõi trời Đao-lợi (Tāvātimsa) ... những thiên thần cõi trời Dạ-ma (Yāma) ... những thiên thần cõi trời Đâu-suất (Tusita) ... những thiên thần khoái thích sáng tạo (hóa lạc thiên) ... những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của những thiên thần khác (tha hóa tự tại thiên) ... những thiên thần trong đoàn tùy tùng của trời Brahmā (Phạm-thiên) cũng cất tiếng hô lên: ‘Vị “A” này, là học trò của Vị Thầy “B” kia, đã từ bỏ đời sống tại gia từ làng hay thị xã “C” đó để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và giờ thì: với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, vị ấy đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, vị ấy an trú trong đó.’ Như vậy là, trong thời khắc đó, trong khoảng khắc đó, trong giây khắc đó, tiếng hô vang đã truyền tới tận cõi trời Brahma.¹⁴³⁸ Đây là sự hùng vĩ về tâm linh của một Tỳ kheo đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm.”

70 (6) Tôn Vinh

Lúc đó, khi Ngài Xá-lợi-phất đang ở một mình trong chỗ ẩn cư, dòng ý nghĩ này đã khởi lên trong tâm thầy ấy: “Một Tỳ kheo nên tôn

vinh, kính trọng, và sống nương nhờ vào thứ gì để người đó có thể dẹp bỏ những điều bất thiện và tu dưỡng những điều thiện lành?”

Rồi ý nghĩ này xảy đến với thầy ấy: “(1) Một Tỳ kheo nên tôn vinh, kính trọng, và sống nương nhờ vào vị Sư Thầy để người đó có thể dẹp bỏ những điều bất thiện và tu dưỡng những điều thiện lành. (2) Người đó nên tôn vinh, kính trọng, và sống nương nhờ vào Giáo Pháp ... (3) Tăng Đoàn ... (4) ... sự tu-tập ... (5) ... sự định-tâm ... (6) sự chuyên-chú ... (7) ... sự hiếu-khách để người đó có thể dẹp bỏ những điều bất thiện và tu dưỡng những điều thiện lành.”

Rồi điều này đã xảy đến với thầy Xá-lợi-phát: “Những phẩm chất này đã được thanh lọc và trong sạch trong ta. Vậy ta hãy đến gặp đức Thế Tôn và kể chúng cho đức Thế Tôn nghe. Như vậy những phẩm chất này đã được thanh lọc trong ta và sẽ được biết rộng rãi (bởi nhiều người) là trong sạch.¹⁴³⁹

“Giả sử một người tìm thấy một mớ vàng, đã được tinh luyện và tinh sạch. Ý nghĩ này có thể xảy đến với anh ta: ‘Mớ vàng này của ta đã được tinh luyện và tinh sạch. Vậy ta hãy mang đến cho người thợ vàng coi. Rồi, khi mớ vàng đã được đưa cho người thợ vàng, nó sẽ được tinh luyện và chúng sẽ càng được biết rộng rãi (bởi nhiều người) là tinh sạch.’ Cũng giống như vậy, những phẩm chất này đã được thanh lọc và trong sạch trong ta. Vậy ta hãy đến gặp đức Thế Tôn và kể chúng cho đức Thế Tôn nghe. Như vậy những phẩm chất này đã được thanh lọc trong ta và sẽ được biết rộng rãi (bởi nhiều người) là trong sạch.”

Rồi, vào buổi chiều tối, thầy Xá-lợi-phát ra khỏi chỗ ẩn cư và đến gặp đức Thế Tôn. Thầy ấy kính chào đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và thưa:

“Ồ đây, thưa Thế Tôn, khi con ở một mình ở chỗ ẩn cư, dòng ý nghĩ này đã khởi lên trong con ... [*thầy Xá-lợi-phát kể lại hết sự việc như trên, cho đến:*] ... Như vậy những phẩm chất này đã được thanh

lọc trong ta và sẽ được biết rộng rãi (bởi nhiều người) là trong sạch.”

“Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Một Tỳ kheo nên tôn vinh, tôn trọng, và sống nương dựa vào vị Sư Thầy để người đó có thể dẹp bỏ những điều bất thiện và tu dưỡng những điều thiện lành. Người đó nên tôn vinh, tôn trọng, và sống nương dựa vào Giáo Pháp ... Tăng Đoàn ... sự tu-tập ... sự định-tâm ... sự chuyên-chú ... sự hiếu-khách để người đó có thể dẹp bỏ những điều bất thiện và tu dưỡng những điều thiện lành.”

Sau khi điều này được nói ra, thầy Xá-lợi-phất thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của lời Thế Tôn vừa nói ra một cách vắn tắt.

(A) “Thưa Thế Tôn, không thể có chuyện một Tỳ kheo thiếu sự tôn kính đối với Sư Thầy mà có thể có sự tôn kính đối với Giáo Pháp. Tỳ kheo (1) thiếu sự tôn kính đối với Sư Thầy thì cũng (2) thiếu sự tôn kính đối với Giáo Pháp.

“Thưa Thế Tôn, không thể có chuyện một Tỳ kheo thiếu sự tôn kính đối với Sư Thầy và Giáo Pháp mà có thể có sự tôn kính đối với Tăng Đoàn. Tỳ kheo (1) thiếu sự tôn kính đối với Sư Thầy và Giáo Pháp thì cũng (3) thiếu sự tôn kính đối với Tăng Đoàn.

“Thưa Thế Tôn, không thể có chuyện một Tỳ kheo thiếu sự tôn kính đối với Sư Thầy, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn mà có thể có sự tôn kính đối với sự tu-tập. Tỳ kheo thiếu sự tôn kính đối với Sư Thầy, Giáo Pháp và Tăng Đoàn thì cũng (4) thiếu sự tôn kính đối với sự tu-tập.

“Thưa Thế Tôn, không thể có chuyện một Tỳ kheo thiếu sự tôn kính đối với Sư Thầy, Giáo Pháp, Tăng Đoàn, và sự tu-tập mà có thể có sự tôn kính đối với sự định-tâm (thiền định). Tỳ kheo thiếu sự tôn kính đối với Sư Thầy, Giáo Pháp, Tăng Đoàn, và sự tu-tập thì cũng (5) thiếu sự tôn kính đối với sự định-tâm.

“Thưa Thế Tôn, không thể có chuyện một Tỳ kheo thiếu sự tôn

kính đối với Sư Thầy, Giáo Pháp, Tăng Đoàn, sự tu-tập, và sự định-tâm mà có thể có sự tôn kính đối với sự chuyên-chú. Tỳ kheo thiếu sự tôn kính đối với Sư Thầy, Giáo Pháp, Tăng Đoàn, sự tu-tập, và sự định-tâm thì cũng (6) thiếu sự tôn kính đối với sự chuyên-chú.

“Thưa Thế Tôn, không thể có chuyện một Tỳ kheo thiếu sự tôn kính đối với Sư Thầy, Giáo Pháp, Tăng Đoàn, sự tu-tập, sự định-tâm, và sự chuyên-chú mà có thể có sự tôn kính đối với sự hiếu-khách (tiếp đãi đạo hữu, sư thầy). Tỳ kheo thiếu sự tôn kính đối với Sư Thầy, Giáo Pháp, Tăng Đoàn, sự tu-tập, sự định-tâm, và sự chuyên-chú thì cũng (7) thiếu sự tôn kính đối với sự hiếu-khách.

(B) “Thưa Thế Tôn, không thể có chuyện một Tỳ kheo có sự tôn kính đối với Sư Thầy mà có thể không có sự tôn kính đối với Giáo Pháp. Tỳ kheo (1) có sự tôn kính đối với Sư Thầy thì cũng (2) có sự tôn kính đối với Giáo Pháp.

“Thưa Thế Tôn, không thể có chuyện một Tỳ kheo có sự tôn kính đối với Sư Thầy và Giáo Pháp mà có thể không có sự tôn kính đối với Tăng Đoàn. Tỳ kheo (1) có sự tôn kính đối với Sư Thầy và Giáo Pháp thì cũng (3) có sự tôn kính đối với Tăng Đoàn.

“Thưa Thế Tôn, không thể có chuyện một Tỳ kheo có sự tôn kính đối với Sư Thầy, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn mà có thể không có sự tôn kính đối với sự tu-tập. Tỳ kheo có sự tôn kính đối với Sư Thầy, Giáo Pháp và Tăng Đoàn thì cũng (4) có sự tôn kính đối với sự tu-tập.

“Thưa Thế Tôn, không thể có chuyện một Tỳ kheo có sự tôn kính đối với Sư Thầy, Giáo Pháp, Tăng Đoàn, và sự tu-tập mà có thể không có sự tôn kính đối với sự định-tâm (thiền định). Tỳ kheo có sự tôn kính đối với Sư Thầy, Giáo Pháp, Tăng Đoàn, và sự tu-tập thì cũng (5) có sự tôn kính đối với sự định-tâm.

“Thưa Thế Tôn, không thể có chuyện một Tỳ kheo có sự tôn kính đối với Sư Thầy, Giáo Pháp, Tăng Đoàn, sự tu-tập, và sự định-tâm mà

có thể không có sự tôn kính đối với sự chuyên-chú. Tỳ kheo có sự tôn kính đối với Sư Thầy, Giáo Pháp, Tăng Đoàn, sự tu-tập, và sự định-tâm thì cũng (6) có sự tôn kính đối với sự chuyên-chú.

“Thưa Thế Tôn, không thể có chuyện một Tỳ kheo có sự tôn kính đối với Sư Thầy, Giáo Pháp, Tăng Đoàn, sự tu-tập, sự định-tâm, và sự chuyên-chú mà có thể không có sự tôn kính đối với sự hiếu-khách (tiếp đãi đạo hữu, sư thầy). Tỳ kheo có sự tôn kính đối với Sư Thầy, Giáo Pháp, Tăng Đoàn, sự tu-tập, sự định-tâm, và sự chuyên-chú thì cũng (7) có sự tôn kính đối với sự hiếu-khách.

“Thưa Thế Tôn, chính theo cách như vậy con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của lời Thế Tôn mới nói ra một cách vắn tắt.”

“Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Thật tốt lành thầy hiểu được một cách chi tiết ý nghĩa của lời mà ta mới nói ra một cách ngắn tắt như vậy. Thực vậy, này Xá-lợi-phất, không thể nào có chuyện một Tỳ kheo thiếu sự tôn kính đối với vị Sư Thầy mà có thể có sự tôn kính đối với Giáo Pháp ... [*Phật lặp lại toàn bộ nội dung mà thầy Xá-lợi-phất đã nói trên*] ... Tỳ kheo có sự tôn kính đối với Sư Thầy, Giáo Pháp, Tăng Đoàn, sự tu-tập, sự định-tâm, và sự chuyên-chú thì cũng (7) có sự tôn kính đối với sự hiếu-khách.

“Này Xá-lợi-phất, ý nghĩa của lời mà ta mới nói ra một cách vắn tắt nên được hiểu một cách chi tiết theo cách như vậy.”

71 (7) Sự Tu Tập¹⁴⁴⁰

(I) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo không toàn ý toàn tâm về sự tu-tập, thì cho dù người đó có hình thành ước nguyện: ‘Câu cho tâm ta được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không-còn dính-chấp!’ thì tâm người đó cũng đâu được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không-còn dính-chấp. Vì lý do gì? Vì người đó thiếu sự tu-tập. Thiếu

sự tu-tập về cái gì? (1) Về bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ), (2) bốn sự phân-đầu đúng đắn (tứ chánh cần), (3) bốn cơ-sở (để tạo nên) năng-lực thần thông (tứ thần túc), (4) năm căn tâm linh (ngũ căn), (5) năm năng-lực (ngũ lực), (6) bảy yếu-tố (giúp) giác-ngộ (thất giác chi), và (7) con đường tám phần thánh thiện (bát thánh đạo).

“Giả sử có con gà mái với tám, mười, hay mười hai trứng mà không chịu ấp, ủ, và nuôi dưỡng chúng (trứng) đúng cách. Cho dù nó có phát khởi ‘ý nguyện’ trong đầu như vậy: ‘Ôi, cầu cho những đứa gà con dùng móng chân chọt lỗ vỏ trứng, dùng mỏ mổ ra và nở ra an toàn!’ thì những con gà con cũng đâu có khả năng dùng móng chân chọt lỗ vỏ trứng, dùng mỏ mổ ra và nở ra an toàn. Vì lý do gì? Vì con gà mái đó với tám, mười, hay mười hai trứng không chịu ấp, ủ, và nuôi dưỡng chúng đúng cách.

“Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo không toàn ý toàn tâm về sự tu-tập, thì cho dù người đó có hình thành ước nguyện: ‘Cầu cho tâm ta được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không-còn dính-chấp!’ thì tâm người đó cũng đâu được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không-còn dính-chấp. Vì lý do gì? Vì người đó thiếu sự tu-tập. Thiếu sự tu-tập về cái gì? (1) Về bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ) ... (7) con đường tám phần thánh thiện (bát thánh đạo).

(II) “Này các Tỳ kheo, (ngược lại) khi một Tỳ kheo toàn ý toàn tâm về sự tu-tập, thì cho dù người đó không ước nguyện: ‘Cầu cho tâm ta được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không-còn dính-chấp!’ thì tâm người đó cũng được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không-còn dính-chấp. Vì lý do gì? Vì người đó có sự tu-tập. Có sự tu-tập về cái gì? (1) Về bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ) ... (7) con đường tám phần thánh thiện (bát thánh đạo).

“Giả sử có con gà mái với tám, mười, hay mười hai trứng mà có ấp, ủ, và nuôi dưỡng chúng (trứng) đúng cách. Cho dù nó không

phát khởi ‘ý nguyện’ trong đầu như vậy: ‘Ôi, cầu cho những đứa gà con dùng móng chân chọt lủng vỏ trứng, dùng mỏ mổ ra và nở ra an toàn!’ thì những con gà con cũng có khả năng dùng móng chân chọt lủng vỏ trứng, dùng mỏ mổ ra và nở ra an toàn. Vì lý do gì? Vì con gà mái đó với tám, mười, hay mười hai trứng có ấp, ủ, và nuôi dưỡng chúng đúng cách.

“Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo toàn ý toàn tâm về sự tu-tập, thì cho dù người đó không có ước nguyện: ‘Cầu cho tâm ta được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không-còn dính-chấp!’ thì tâm người đó cũng được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không-còn dính-chấp. Vì lý do gì? Vì người đó có sự tu-tập. Có sự tu-tập về cái gì? (1) Về bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ) ... (7) con đường tám phần thánh thiện (bát thánh đạo).

(III) “Này các Tỳ kheo, khi một người thợ mộc hay người phụ việc của ông ta nhìn vào cán rìu, người đó nhìn thấy những dấu mòn vì những ngón tay và ngón tay cái, nhưng người đó không biết rằng: ‘Bữa nay cán rìu đã mòn đi một chút, hôm qua cũng vậy, hôm trước cũng vậy’ (mỗi ngày mòn đi một chút). Nhưng đến khi nó mòn-rõ đi thì sự-biết mới xảy ra trong tâm người đó rằng cán búa đã mòn-đi nhiều.

“Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo toàn ý toàn tâm về sự tu-tập, thì cho dù người đó (mỗi ngày) không biết rằng: ‘Bữa nay ô-nhiễm của ta đã bớt [mòn] đi một chút, hôm qua cũng vậy, hôm trước cũng vậy’, nhưng khi chúng đã bớt-rõ nhiều thì sự-biết mới xảy ra trong tâm người đó rằng những ô-nhiễm đã bớt-đi nhiều.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một con thuyền đi biển có những trang thiết bị (cột buồm, các loại dây căng buồm...) đã bị mòn hao trong nước biển qua sáu tháng. Rồi nó được kéo lên bờ khô trong

mùa lạnh và những trang thiết bị đó lại bị tấn công thêm bởi gió và nắng. Rồi tới khi bị ngập ướt vì mưa rào, những trang thiết bị đó càng dễ dàng bị tàn mục và gãy rớt. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo toàn ý toàn tâm về sự tu tập, thì (dần dần) những công-cùm trói buộc của người đó sẽ dễ dàng tàn rụi và gãy rớt.”¹⁴⁴¹

72 (8) *Lửa*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ người Kosala (Kiền-tát-la) cùng với một Tăng đoàn lớn các Tỳ kheo. Lúc đó, khi đang đi dọc theo đường lộ cái, đến một chỗ đức Thế Tôn nhìn thấy một đám lửa lớn đang cháy, đang rực, cháy đỏ rực. Đức Thế Tôn rời khỏi đường lộ, đến ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn dưới một gốc cây, và nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, các thầy có nhìn thấy một đống lửa đang cháy, đang cháy rực, đang cháy đỏ kia không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

(1) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Cái nào tốt hơn, nhào vô ôm lấy đám lửa lớn đang cháy, đang rực, cháy đỏ rực đó, và ngồi hay nằm bên cạnh nó, hay ôm lấy một cô gái với tay chân mềm mại và dịu dàng—dù cô ấy thuộc họ tộc giai cấp chiến-sĩ, bà-la-môn, hay gia chủ—và ngồi hay nằm bên cạnh cô ấy?”

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt hơn nhiều nếu ôm lấy một cô gái với tay chân mềm mại và dịu dàng—dù cô ấy thuộc họ tộc giai cấp chiến-sĩ, bà-la-môn, hay gia chủ—và ngồi hay nằm bên cạnh cô ấy. Sẽ đau đớn nếu ôm lấy đám lửa đang cháy, cháy rực, cháy đỏ, và ngồi hay nằm xuống bên cạnh nó.”

“Này các Tỳ kheo, ta báo cho các thầy rằng, đối với một người

thất-đức có tính khí xấu—là người có hành-vi không trong sạch và đáng ngờ, lén lút trong những hành-động, không phải tu sĩ [sa-môn] mà tuyên bố mình là tu sĩ, không sống độc thân mà tuyên bố mình sống độc thân, bên trong thói tha, suy đồi, lụn bại—thì sẽ tốt hơn nhiều nếu ôm lấy đám lửa đang cháy, cháy rực, cháy đỏ, và ngồi hay nằm xuống bên cạnh nó. Vì lý do gì? Vì do việc đó người đó có thể bị chết hay đau đớn gần chết, nhưng đó không phải lý do người đó khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Nhưng khi một người thất-đức ... ôm lấy một cô gái với tay chân mềm mại và dịu dàng—dù cô ấy thuộc họ tộc giai cấp chiến-sĩ, bà-la-môn, hay gia chủ—và ngồi hay nằm bên cạnh cô ấy, thì việc này dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu của người đó. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục.

(2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Cái nào tốt hơn, nếu bị một lực sĩ dùng dây thừng làm bằng lông đuôi ngựa quấn quanh cả hai cổ chân mình và siết chặt đến nỗi nó cắt đứt lớp da ngoài, lớp da trong, lớp thịt, gân, và xương, cho đến tận tủy xương, hay nếu mình chấp nhận ‘sự cúi lạy kính lễ’ từ những người giai cấp chiến sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia chủ giàu có?”

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt hơn nhiều nếu một người chấp nhận ‘sự cúi lạy kính lễ’ từ những người giai cấp chiến sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia chủ giàu có. Sẽ đau đớn nếu bị một lực sĩ dùng dây thừng làm bằng lông đuôi ngựa quấn quanh cả hai cổ chân mình và siết chặt đến nỗi nó cắt đứt lớp da ngoài, lớp da trong, lớp thịt, gân, và xương, cho đến tận tủy xương.”

“Này các Tỳ kheo, ta báo cho các thầy rằng, đối với một người thất-đức ... thì sẽ tốt hơn nhiều nếu bị một lực sĩ dùng dây thừng làm bằng lông đuôi ngựa quấn quanh cả hai cổ chân mình và siết chặt đến nỗi nó cắt đứt lớp da ngoài, lớp da trong, lớp thịt, gân, và xương, cho

đến tận tủy xương. Vì lý do gì? Vì do việc đó người đó có thể bị chết hay đau đớn gần chết, nhưng đó không phải lý do người đó khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Nhưng khi một người thất-đức ... chấp nhận ‘sự cúi lạy kính lễ’ từ những người giai cấp chiến sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia chủ giàu có, thì việc này dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu của người đó. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục.

(3) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Cái gì là tốt hơn, nếu bị một lực sĩ đâm vào ngực mình bằng ngọn giáo sắc bén được bôi dầu, hay nếu mình chấp nhận ‘sự chấp tay kính lễ’ từ những người giai cấp chiến sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia chủ giàu có?”

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt hơn nhiều nếu một người chấp nhận ‘sự chấp tay kính lễ’ từ những người giai cấp chiến sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia chủ giàu có. Sẽ đau đớn nếu bị một lực sĩ đâm vào ngực mình bằng ngọn giáo sắc bén được bôi dầu.”

“Này các Tỳ kheo, ta báo cho các thầy rằng, đối với một người thất-đức ... thì sẽ tốt hơn nhiều nếu bị một lực sĩ đâm vào ngực mình bằng ngọn giáo sắc bén được bôi dầu. Vì lý do gì? Vì do việc đó người đó có thể bị chết hay đau đớn gần chết, nhưng đó không phải lý do người đó khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Nhưng khi một người thất-đức ... chấp nhận ‘sự chấp tay kính lễ’ từ những người giai cấp chiến sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia chủ giàu có, thì việc này dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu của người đó. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục.

(4) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Cái nào tốt hơn, nếu bị

một lực sĩ quấn chặt thân mình bằng một tấm sắt nóng cháy—đang cháy, đang đang cháy rực, đang cháy đỏ, hay nếu mình nhận dùng y áo được bố thí vì niềm-tin bởi những người giai cấp chiến sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia chủ giàu có?”

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt hơn nếu một người nhận dùng y áo được bố thí vì niềm-tin bởi những người giai cấp chiến sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia chủ giàu có. Sẽ đau đớn nếu bị một lực sĩ quấn chặt thân mình bằng một tấm sắt nóng cháy—đang cháy, đang đang cháy rực, đang cháy đỏ.”

“Này các Tỳ kheo, ta báo cho các thầy rằng, đối với một người thất-đức ... thì sẽ tốt hơn nhiều nếu bị một lực sĩ quấn chặt thân mình bằng một tấm sắt nóng cháy—đang cháy, đang đang cháy rực, đang cháy đỏ. Vì lý do gì? Vì do việc đó người đó có thể bị chết hay đau đớn gần chết, nhưng đó không phải lý do người đó khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Nhưng khi một người thất-đức ... nhận dùng y áo được bố thí vì niềm-tin bởi những người giai cấp chiến sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia chủ giàu có, thì việc này dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu của người đó. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục.

(5) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Cái nào tốt hơn, nếu bị một lực sĩ cạy miệng của mình bằng mũi giáo nóng cháy—đang cháy, đang cháy rực, đang cháy đỏ—và nhét vào một cục đồng nóng cháy—đang cháy, đang cháy rực, đang cháy đỏ—sẽ đốt cháy môi, miệng, lưỡi, cổ, và bao tử¹⁴⁴² của mình trước khi nó đổ ra từ bên dưới mang theo đóng ruột lòng, hay nếu mình nhận dùng thức ăn được bố thí vì niềm-tin bởi những người giai cấp chiến sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia chủ giàu có?”

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt hơn nếu một người nhận dùng thức ăn được bố thí vì niềm-tin bởi những người giai cấp chiến sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia chủ giàu có. Sẽ đau đớn nếu bị một lực sĩ một người khỏe mạnh cạy miệng của mình bằng mũi giáo nóng cháy—đang cháy, đang cháy rực, đang cháy đỏ—và nhét vào một cục đồng nóng cháy—đang cháy, đang cháy rực, đang cháy đỏ ...”

“Này các Tỳ kheo, ta báo cho các thầy rằng, đối với một người thất-đức ... thì sẽ tốt hơn nhiều nếu bị một lực sĩ một người khỏe mạnh cạy miệng của mình bằng mũi giáo nóng cháy—đang cháy, đang cháy rực, đang cháy đỏ—và nhét vào một cục đồng nóng cháy—đang cháy, đang cháy rực, đang cháy đỏ ... Vì lý do gì? Vì do việc đó người đó có thể bị chết hay đau đớn gần chết, nhưng đó không phải lý do người đó khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Nhưng khi một người thất-đức ... nhận dùng thức ăn được bố thí vì niềm-tin bởi những người giai cấp chiến sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia chủ giàu có, thì việc này dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu của người đó. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục.

(6) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Cái nào tốt hơn, nếu bị một lực sĩ đâm vào đầu hay vai mình và ép mình ngồi xuống hay nằm xuống trên một tấm sắt hay ghế sắt nóng cháy—đang cháy, đang cháy rực, đang cháy đỏ—hay nếu mình nhận dùng giường chiếu và ghế ngồi được bố thí bởi những người giai cấp chiến sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia chủ giàu có?”

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt hơn nhiều nếu một người nhận dùng giường chiếu và ghế ngồi được bố thí bởi những người giai cấp chiến sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia chủ giàu có. Sẽ đau đớn nếu bị một lực sĩ đâm vào đầu hay vai mình và ép mình ngồi xuống hay nằm xuống trên một tấm sắt hay ghế sắt nóng cháy—đang cháy, đang cháy rực,

đang cháy đỏ.”

“Này các Tỳ kheo, ta báo cho các thầy rằng, đối với một người thất-đức ... thì sẽ tốt hơn nhiều nếu bị một lực sĩ đâm vào đầu hay vai mình và ép mình ngồi xuống hay nằm xuống trên một tấm sắt hay ghế sắt nóng cháy—đang cháy, đang cháy rực, đang cháy đỏ. Vì lý do gì? Vì do việc đó người đó có thể bị chết hay đau đớn gần chết, nhưng đó không phải lý do người đó khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Nhưng khi một người thất-đức ... nhận dùng giường chiếu và ghế ngồi được bố thí vì niềm-tin bởi những người giai cấp chiến sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia chủ giàu có, thì việc này dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu của người đó. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục.

(7) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Cái nào tốt hơn, nếu bị một lực sĩ đâm mình, rồi lật chúi đầu mình xuống đất, và quăng vô bễ nấu đồng nóng chảy—đang cháy, đang cháy rực, đang cháy đỏ—và trong khi bị nấu trong bễ đồng sôi sục đó, thân mình lúc nổi, lúc chìm, lúc bị dạt qua dạt lại (giống như bánh chuối đang bị chiêm), hay mình nhận dùng chỗ ở được bố thí bởi những người giai cấp chiến sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia chủ giàu có?”

“Thưa đức Thế Tôn, sẽ tốt hơn nhiều nếu một người nhận dùng chỗ ở được bố thí bởi những người giai cấp chiến sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia chủ giàu có. Sẽ đau đớn nếu bị một lực sĩ đâm mình, rồi lật chúi đầu mình xuống đất, và quăng vô bễ nấu đồng nóng chảy—đang cháy, đang cháy rực, đang cháy đỏ ...”

“Này các Tỳ kheo, ta báo cho các thầy rằng, đối với một người thất-đức có tính khí xấu—là người có hành-vi không trong sạch và đáng ngờ, lén lút trong những hành-động, không phải tu sĩ [sa-môn] mà tuyên

bố mình là tu sĩ, không sống độc thân mà tuyên bố mình sống độc thân, bên trong thối tha, suy đồi, lụn bại—thì sẽ tốt hơn nhiều nếu bị một lực sĩ đâm mình, rồi lật chúi đầu mình xuống đất, và quăng vô bể nấu đồng nóng chảy—đang cháy, đang cháy rực, đang cháy đỏ ... Vì lý do gì? Vì do việc đó người đó có thể bị chết hay đau đớn gần chết, nhưng đó không phải lý do người đó khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Nhưng khi một người thất-đức ... nhận dùng chỗ ở được bố thí bởi những người giai cấp chiến sĩ giàu có, bà-la-môn giàu có, hay gia chủ giàu có, thì việc này dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu của người đó. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục.

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Khi chúng ta dùng y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh, những thứ này [do những người khác] cúng dường cho chúng ta sẽ mang lại phước quả và ích lợi lớn lao cho họ, và sự xuất gia tu hành của chúng ta sẽ không là cần cỗi, mà có kết quả và màu mỡ.’ Các thầy nên tu tập bản thân như vậy. Này các Tỳ kheo, xét nghĩ về sự tốt lành của chính mình thì cũng đủ (lý do) để mình phấn-đấu (tu tập) một cách chuyên-chú tới mục-tiêu; xét nghĩ về sự tốt lành của người khác thì cũng đủ để mình phấn-đấu một cách chuyên-chú tới mục-tiêu; xét nghĩ về sự tốt lành của cả mình và người thì cũng đủ để mình phấn-đấu một cách chuyên-chú tới mục-tiêu.”¹⁴⁴³

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Trong khi bài thuyết giảng này đang được nói ra, có sáu mươi Tỳ kheo đã ói máu tươi. Có sáu mươi Tỳ kheo đã bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục, họ nói: “Quá khó, thưa Thế Tôn, khó mà tu được.” Và tâm của sáu mươi vị Tỳ kheo khác đã được giải-thoát nhờ sự không-còn dính-chấp.¹⁴⁴⁴

73 (9) Sunetta

(1) “Này các Tỳ kheo, thuở xưa có một vị thầy tên là Sunetta (Diệu Nhãn),¹⁴⁴⁵ giáo chủ một giáo phái tâm linh, là người không còn tham muốn dục-lạc (những khoái-lạc giác-quan). Vị thầy Sunetta có nhiều trăm đệ tử. Ông dạy một Giáo Pháp cho những đệ tử của mình để họ được cộng sinh cộng trú với cõi trời.¹⁴⁴⁶ Khi ông đang chỉ dạy một Giáo Pháp như vậy, những ai không đặt niềm-tin vào ông thì khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục; nhưng những ai đã đặt niềm-tin vào ông thì sẽ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.

“Thuở xưa có một vị thầy tên là Mūgapakkha ... (3) ... có một vị thầy tên là Aranemi ... (4) ... có một vị thầy tên là Kuddāla ... (5) ... có một vị thầy tên là Hatthipāla ... (6) ... có một vị thầy tên là Jotipāla ... (7) có một vị thầy tên là Araka, giáo chủ một giáo phái tâm linh, là người không còn tham muốn dục-lạc. Vị thầy Akara có nhiều trăm đệ tử. Khi ông đang chỉ dạy một Giáo Pháp như vậy, những ai không đặt niềm-tin vào ông thì khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục; nhưng những ai đã đặt niềm-tin vào ông thì sẽ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Có bảy vị thầy là những người sáng lập những giáo phái tâm linh, là những người không còn tham muốn dục-lạc, họ có nhiều trăm đệ tử. Nếu một người nào, với một cái tâm thù-ghét, si nhục và mắng chửi họ và những cộng đồng đệ tử của họ, thì người đó không tạo được chút phước đức nào phải không?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn.”

“Nếu một người, với một cái tâm thù-ghét, đã si nhục và mắng

chửi sáu vị thầy và những cộng đồng đệ tử của họ, thì người đó đã tạo nhiều thất-phước. Nhưng nếu, một người, với một cái tâm thù-ghét, chỉ cần sỉ nhục và mắng chửi một người nào đã thành tựu về chánh-kiến,¹⁴⁴⁷ thì người đó còn tạo rất nhiều thất-phước hơn nữa. Vì lý do gì? Nay các Tỳ kheo, ta nói rằng, không có sự tổn thương nào¹⁴⁴⁸ đối với những người ngoài (ngoại đạo)¹⁴⁴⁹ cho bằng (sự tổn thương) đối với những tu sĩ đồng đạo (của các thầy). Bởi vậy, nay Các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta không để sân hận khởi sinh trong tâm mình đối với những sa-môn đồng đạo.’¹⁴⁵⁰ Nay các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân mình như vậy.’”

74 (10) Araka

“Nay các Tỳ kheo, thuở xưa có một vị thầy tên là Araka, giáo chủ một giáo phái tâm linh, là người không còn tham muốn dục-lạc. Vị thầy Araka có nhiều trăm đệ tử, ông đã dạy cho họ một Giáo Pháp như vậy:

“Này các Bà-la-môn, đời người thật là ngắn ngủi, hữu hạn và qua nhanh (phù du); nó đầy khổ đau, đầy khổ sở. Điều này con người nên khôn ngoan hiểu rõ. Con người nên làm điều thiện lành và dẫn dắt một đời sống tâm linh; bởi vì không ai sinh ra mà có thể thoát khỏi cái chết.”

(1) “Nhu giọt sương trên đầu ngọn cỏ, sẽ nhanh chóng biến mất khi mặt trời lên, chẳng được chút lâu; giống như vậy, này các bà-la-môn, đời người cũng giống như giọt sương kia. Nó ngắn ngủi, hữu hạn, và qua nhanh; nó đầy khổ đau, đầy khổ sở. Điều này con người nên khôn ngoan hiểu rõ. Con người nên làm điều thiện và dẫn dắt một đời sống tâm linh; bởi không ai sinh ra mà có thể thoát khỏi cái chết.

(2) “Nhu giọt mưa lớn rơi xuống từ trên trời, tạo thành bong bóng trên mặt nước, rồi nhanh chóng tan đi, chẳng được chút lâu; giống như vậy, này các bà-la-môn, đời người cũng giống như bong bóng nước kia. Nó ngắn ngủi, hữu hạn, và qua nhanh ... bởi không ai sinh ra mà có thể

thoát khỏi cái chết.

(3) “Giống như lấy cây roi rạch một đường trên mặt nước, đường kẻ trên mặt nước sẽ nhanh chóng biến mất, chẳng được chút lâu; giống như vậy, này các bà-la-môn, đời người cũng giống như một đường kẻ trên mặt nước. Nó ngắn ngủi, hữu hạn, và qua nhanh ... bởi không ai sinh ra mà có thể thoát khỏi cái chết.

(4) “N như dòng sông từ trên núi, chảy từ trên cao xuống, chảy nhanh qua, mang theo những thứ trôi nổi trong đó; nó không dừng lại một giây phút, một thời khắc, một khoảng khắc nào, cứ chảy xô, cuộn chảy, và chảy về phía trước; giống như vậy, này các bà-la-môn, đời người cũng giống như dòng nước chảy từ trên núi. Nó ngắn ngủi, hữu hạn, và qua nhanh ... bởi không ai sinh ra mà có thể thoát khỏi cái chết.

(5) “N như một người khỏe mạnh tạo nhanh miếng nước bọt trên đầu lưỡi và nhổ ra dễ dàng; giống như vậy, này các bà-la-môn, đời người cũng giống như miếng nước bọt trên đầu lưỡi. Nó ngắn ngủi, hữu hạn, và qua nhanh ... bởi không ai sinh ra mà có thể thoát khỏi cái chết.

(6) “N như một miếng thịt bị quăng vô cái chảo sắt đã được đun đốt cả ngày, nó sẽ cháy xèo tan nhanh, và chẳng được chút lâu; giống như vậy, này các bà-la-môn, đời người cũng giống như miếng thịt cháy tan đó. Nó ngắn ngủi, hữu hạn, và qua nhanh ... bởi không ai sinh ra mà có thể thoát khỏi cái chết.

(7) “N như một con bò đang bị dẫn tới lò mổ để giết thịt, mỗi bước chân nó bước là càng tới gần lò mổ, tới gần cái chết; giống như vậy, này các bà-la-môn, đời người cũng giống như một con bò đang bị dẫn tới lò mổ để giết thịt. Nó ngắn ngủi, hữu hạn, và qua nhanh; nó đầy khổ đau, đầy khổ sở. Điều này con người nên khôn ngoan hiểu rõ. Con người nên làm điều thiện và dẫn dắt một đời sống tâm linh; bởi không ai sinh ra mà có thể thoát khỏi cái chết.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, trong thời kiếp quá khứ, tuổi thọ của

con người là 60.000 năm, và tới 500 tuổi các cô gái mới sẵn sàng lấy chồng. Vào thời đó con người chỉ có sáu loại khổ: nóng, lạnh, đói, khát, đại tiện và tiểu tiện. Mặc dù họ sống rất lâu rất thọ và có ít sự khổ đau, nhưng vị thầy Araka vẫn dạy cho các đệ tử của ông một giáo lý rằng: ‘Đời người thật là ngắn ngủi, hữu hạn, và qua nhanh ...’

“Nhưng, này các Tỳ kheo, trong thời kiếp bây giờ, nói ra câu này còn đúng hơn nữa: ‘Đời người thật là ngắn ngủi, hữu hạn, và qua nhanh ...’; bởi ngày nay con người chỉ sống lâu nhất chỉ 100 tuổi hay hơn một chút. Và nếu có sống thọ tới 100 năm cũng chỉ được 300 mùa: gồm 100 mùa mùa đông, 100 mùa hè, và 100 mùa mưa. Nếu có sống được 300 mùa cũng chỉ được 1.200 tháng: gồm 400 tháng mùa đông, 400 tháng mùa hè, và 400 tháng mùa mưa. Nếu có sống được 1.200 tháng cũng chỉ được 2.400 nửa-tháng: gồm 800 nửa-tháng mùa đông, 800 nửa-tháng mùa hè, và 800 nửa-tháng mùa mưa.

“Và nếu sống được 2.400 nửa-tháng cũng chỉ được 36.000 ngày: gồm 12.000 ngày đông, 12.000 ngày hè, và 12.000 ngày mưa.¹⁴⁵¹ Và nếu sống được 36.000 ngày cũng chỉ ăn được 72.000 bữa cơm: gồm 24.000 bữa trong mùa đông, 24.000 bữa trong mùa hè, và 24.000 bữa trong mùa mưa. Và trong đó đã tính luôn những bữa ăn bằng sữa mẹ (khi còn bé ẵm) và những lúc không có ăn. Những lúc không có ăn là gồm: những lúc đang bực tức,¹⁴⁵² lúc đang buồn rầu, hoặc lúc đang đau bệnh, hoặc lúc kiêng chay, hoặc khi không có được thức ăn, không kiếm được thức ăn.

“Này các Tỳ kheo, như vậy với một người sống thọ được 100 tuổi, ta đã tính hết (các yếu tố): giới hạn tuổi đời, số mùa, số năm, số tháng, số nửa-tháng, số ngày¹⁴⁵³ và số đêm, số bữa ăn và số bữa không-ăn.

“Những gì một người thầy bi mẫn phải làm, vì lòng bi mẫn, để tìm kiếm phúc lợi cho các học trò, thì ta đã làm cho các thầy. Này các Tỳ kheo, ngoài này có những gốc cây, ngoài kia có những chòi trồng.

Này các Tỳ kheo, hãy thiên tập, đừng lơ tâm phóng dật. Đừng để có lý do phải hối tiếc sau này. Đây là chỉ thị của ta cho các thầy.”

NHÓM 3

GIỚI LUẬT

75 (1) Bậc Trì Luật (1)

“Này các Tỳ kheo, có được bảy phẩm chất, một Tỳ kheo là một bậc trì luật (người thiện thảo, nắm rõ về giới-luật; bậc chuyên về Luật tạng). Bảy đó là gì?

“(1) Người đó biết điều gì là tội. (2) Người đó biết điều gì không là tội. (3) Người đó biết điều tội nhẹ. (4) Người đó biết điều tội nặng. (5) Người đó có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha [Giới-luật Tỳ kheo], có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó. (6) Người đó có thể tùy ý, không khó khăn hay rắc rối gì, chứng đắc bốn tầng thiền định, (những tầng thiền định đó) tạo nên phần tâm bậc-cao và là những sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này. (7) Người đó, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.

“Có được bảy phẩm chất này, một Tỳ kheo là một bậc trì luật.”

76 (2) Bậc Trì Luật (2)

“Này các Tỳ kheo, có được bảy phẩm chất, một Tỳ kheo là một bậc trì luật (người thiện thảo, nắm rõ về giới-luật; bậc chuyên về Luật tạng). Bảy đó là gì?

“(1) Người đó biết điều gì là tội. (2) Người đó biết điều gì không là tội. (3) Người đó biết điều tội nhẹ. (4) Người đó biết điều tội nặng. (5) Cả hai phần Pātimokkha đã được khéo truyền cho người đó một cách chi tiết, được khéo phân tích, được khéo nắm rõ, được khéo quyết định theo đúng những điều luật và giảng nghĩa chi tiết của chúng.¹⁴⁵⁴ (6) Người đó có thể tùy ý ... chứng đắc bốn tầng thiền định ... (7) Người đó, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.

“Có được bảy phẩm chất này, một Tỳ kheo là một bậc trì luật.”

77 (3) Bậc Trì Luật (3)

“Này các Tỳ kheo, có được bảy phẩm chất, một Tỳ kheo là một bậc trì luật (người thiện thảo, nắm rõ về giới-luật; bậc chuyên về Luật tạng). Bảy đó là gì?

“(1) Người đó biết điều gì là tội. (2) Người đó biết điều gì không là tội. (3) Người đó biết điều tội nhẹ. (4) Người đó biết điều tội nặng. (5) Người đó là người vững chắc, bất di bất dịch, về luật tạng. (6) Người đó có thể tùy ý ... chứng đắc bốn tầng thiền định ... (7) Người đó, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.

“Có được bảy phẩm chất này, một Tỳ kheo là một bậc trì luật.”

78 (4) Bậc Trì Luật (4)

“Này các Tỳ kheo, có được bảy phẩm chất, một Tỳ kheo là một bậc trì luật (người thiện thảo, nắm rõ về giới-luật; bậc chuyên về Luật tạng). Bảy đó là gì?

“(1) Người đó biết điều gì là tội. (2) Người đó biết điều gì không là tội. (3) Người đó biết điều tội nhẹ. (4) Người đó biết điều tội nặng. (5) Người đó có thể nhớ lại nhiều kiếp quá khứ (túc mạng minh), đó là: một lần sinh, hai lần sinh ... [*giống như kinh 6:02, đoạn (4)*] ... Người đó nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ với những tổng quan và chi tiết như vậy. (6) Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người (thiên nhãn minh) ... [*giống như kinh 6:02, đoạn (5)*] ... người đó nhìn thấy ... những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình, như vậy. (7) Người đó, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.

“Có được bảy phẩm chất này, một Tỳ kheo là một bậc trì luật.”

79 (5) Một Bậc Trì Luật Là Sáng Ngời (1)

“Này các Tỳ kheo, có được bảy phẩm chất, một bậc trì luật là sáng ngời. Bảy đó là gì? ... [*tiếp tục bảy điều như trong kinh 7:75 ở trên*] ... Có được bảy phẩm chất này, một bậc trì luật là sáng ngời.”¹⁴⁵⁵

80 (6) Một Bậc Trì Luật Là Sáng Ngời (2)

“Này các Tỳ kheo, có được bảy phẩm chất, một bậc trì luật là sáng ngời. Bảy đó là gì? ... [*tiếp tục bảy điều như trong kinh 7:76 ở trên*] ...

Có được bảy phẩm chất này, một bậc trì luật là sáng ngời.”

81 (7) Một Bậc Trì Luật Là Sáng Ngời (3)

“Này các Tỳ kheo, có được bảy phẩm chất, một bậc trì luật là sáng ngời. Bảy đó là gì? ... [*tiếp tục bảy điều như trong kinh 7:77 ở trên*] ... Có được bảy phẩm chất này, một bậc trì luật là sáng ngời.”

82 (8) Một Bậc Trì Luật Là Sáng Ngời (4)

“Này các Tỳ kheo, có được bảy phẩm chất, một bậc trì luật là sáng ngời. Bảy đó là gì? ... [*tiếp tục bảy điều như trong kinh 7:78 ở trên*] ... Có được bảy phẩm chất này, một bậc trì luật là sáng ngời.”

83 (9) Giáo Lý

Lúc đó có Ngài Upāli đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống một mình, lui về, chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định (tu tập).”

“Này Upāli, những điều nào thầy biết ‘chúng không nhất nhất dẫn tới sự tỉnh-ngộ (sự hết mê muội), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, niết-bàn’ thì thầy dứt khoát nhận ra rằng: ‘Đây không phải Giáo Pháp; đây không phải giới-luật; đây không phải giáo lý của Vị Thầy (Phật).’ Nhưng những điều nào thầy biết ‘chúng nhất nhất dẫn đến sự tỉnh-ngộ (sự hết mê muội), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, niết-bàn’ thì thầy dứt khoát nhận ra rằng: ‘Đây là Giáo Pháp; đây là giới-luật; đây là giáo lý

của Vị Thầy.”

84 (10) Sự Giải Quyết

“Này các Tỳ kheo, có bảy nguyên tắc để giải quyết những vấn đề thuộc về giới-luật, để giúp giải quyết và làm ôn thỏa những vấn đề thuộc giới luật có thể khởi sinh. Bảy đó là gì?

“(1) Sự loại bỏ bằng sự hiện-diện (có mặt) có thể áp dụng;¹⁴⁵⁶ (2) sự loại bỏ bằng trí-nhớ có thể được áp dụng; (3) sự loại bỏ dựa trên căn cứ sự mất-trí trong quá khứ có thể được áp dụng; (4) sự thú nhận tội có thể được áp dụng; (5) sự biểu quyết đa số có thể được áp dụng; (6) Một tội danh về hành-vi xấu ác nghiêm trọng có thể được áp dụng; và (7) sự phủ cỏ xanh có thể được áp dụng.¹⁴⁵⁷

“Này các Tỳ kheo, có bảy nguyên tắc này để giải quyết những vấn đề thuộc về giới-luật, để giúp giải quyết và làm ôn thỏa những vấn đề thuộc giới luật có thể khởi sinh.”

NHÓM 4

MỘT TU SĨ¹⁴⁵⁸

85 (1) Một Tỳ Kheo

“Này các Tỳ kheo, chính thông qua sự phá-vỡ bảy thứ mà một người là một Tỳ kheo.¹⁴⁵⁹ Bảy đó là gì? Quan điểm về sự hiện-hữu cá thể (thân kiến) bị phá vỡ; sự nghi-ngờ bị phá vỡ; sự cố chấp những hủ tục cấm kỵ và lễ nghi cúng bái mê tín (giới cấm thủ) bị phá vỡ; tham bị phá vỡ; sân bị phá vỡ; si bị phá vỡ; sự tự-ta (ngã mạn) bị phá vỡ. Chính thông qua sự phá vỡ của bảy thứ này mà một người là một Tỳ kheo.”

86 (2) Một Tu Sĩ

“Này các Tỳ kheo, chính thông qua sự làm lắng-dịu bảy thứ mà một người là một tu sĩ [sa-môn, bậc sa-môn].”¹⁴⁶⁰

87 (3) Một Bà-la-môn

“Này các Tỳ kheo, chính thông qua sự tổng-khứ [bảy thứ] mà một người là một bà-la-môn.”

88 (4) Một Học Giả

“Này các Tỳ kheo, chính thông qua sự cuốn-sạch [bảy thứ] mà một người là một học giả.”

89 (5) Được Gọi Rửa

“Này các Tỳ kheo, chính nhờ sự rửa-sạch [bảy thứ] mà một người được gọi rửa”

90 (6) Một Bậc Thầy Hiểu Biết

“Này các Tỳ kheo, chính nhờ có sự hiểu-biết [về bảy thứ] mà một người là bậc thầy hiểu biết.”

91 (7) Một Bậc Thánh

“Này các Tỳ kheo, chính thông qua sự giết kẻ-thù [đối với bảy thứ] mà một người là một bậc thánh.”¹⁴⁶¹

92 (8) Một A-la-hán

“Này các Tỳ kheo, chính thông qua sự xa-lìa [của bảy thứ] mà một người là một A-la-hán.¹⁴⁶² Bảy đó là gì? Quan điểm về sự hiện-hữu cá thể (thân kiến) là xa lìa; sự nghi-ngờ là xa lìa; sự cố chấp những hủ tục cấm kỵ và lễ nghi cúng bái mê tín (giới cấm thủ) là xa lìa; tham là xa lìa; sân là xa lìa; si là xa lìa; sự tự-ta (ngã mạn) là xa lìa. Chính thông qua sự xa-lìa của bảy thứ này mà một người là một bậc A-la-hán.”

93 (9) Tính Khí (1)

“Này các Tỳ kheo, có bảy người này không thuộc tính khí tốt. Bảy đó là gì? Người không có niềm-tin, người không có cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức, người không biết sợ-hãi về mặt đạo đức, người ít học-hiểu, người lười-biếng (ít tu), người có tâm trí mờ-rối, và người không có trí. Đây là bảy người không có tính khí tốt.”

94 (10) Tính Khí (2)

“Này các Tỳ kheo, có bảy người này thuộc tính khí tốt. Bảy đó là gì? Người có niềm-tin, người có cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức, người biết sợ-hãi về mặt đạo đức, người học-hiểu nhiều, người chuyên cần nỗ-lực (tinh tấn, siêng tu), người có chánh-niệm, và người có trí. Đây là bảy người có tính khí tốt.”

NHÓM 5

ĐÁNG ĐƯỢC TẶNG QUÀ

95 (1) Quán Sát Sự Vô Thường Trong Mắt¹⁴⁶³

“Này các Tỳ kheo, có bảy loại người này là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất (phước điền vô thượng) trong thế gian. Bảy đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người sống quán sát (quán niệm, thiền quán) sự *vô-thường* trong mắt, nhận thức sự *vô-thường*, trải nghiệm sự *vô-thường*, chú ý vào nó một cách thường trực, liên tục, và không gián đoạn, thấu biết nó bằng trí-tuệ. Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Đây là loại người thứ nhất đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất trong thế gian.

(2) “Lại nữa, có người sống quán sát sự *vô-thường* trong mắt, nhận thức sự *vô-thường*, trải nghiệm sự *vô-thường*, chú ý vào nó một cách thường trực, liên tục, và không gián đoạn, thấu biết nó bằng trí-tuệ. Đối với người đó sự tận hết ô-nhiễm (lậu tận) và sự tận hết kiếp-sống (sinh tận, mạng chung) xảy ra cùng lúc. Đây là loại người thứ hai đáng được tặng quà ...

(3) “Lại nữa, có người sống quán sát sự *vô-thường* trong mắt, nhận thức sự *vô-thường*, trải nghiệm sự *vô-thường*, chú ý vào nó một cách thường trực, liên tục, và không gián đoạn, thấu biết nó bằng trí-tuệ. Với sự đã diệt sạch năm gông-cùm nhẹ đô (đầu tiên), người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn trong nửa-đầu kiếp sau. Đây là loại người thứ ba đáng được tặng quà ...

(4) “Lại nữa, có người sống quán sát sự *vô-thường* trong mắt, nhận thức sự *vô-thường*, trải nghiệm sự *vô-thường*, chú ý vào nó một cách thường trực, liên tục, và không gián đoạn, thấu biết nó bằng trí-

tuệ. Với sự đã diệt sạch năm gông-cùm nhẹ đô (đầu tiên), người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn trong nửa-sau kiếp sau. Đây là loại người thứ tư đáng được tặng quà ...

(5) “Lại nữa, có người sống quán sát sự vô-thường trong mắt, nhận thức sự vô-thường, trải nghiệm sự vô-thường, chú ý vào nó một cách thường trực, liên tục, và không gián đoạn, thấu biết nó bằng trí-tuệ. Với sự đã diệt sạch năm gông-cùm nhẹ đô (đầu tiên), người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm. Đây là loại người thứ năm đáng được tặng quà ...

(6) “Lại nữa, có người sống quán sát sự vô-thường trong mắt, nhận thức sự vô-thường, trải nghiệm sự vô-thường, chú ý vào nó một cách thường trực, liên tục, và không gián đoạn, thấu biết nó bằng trí-tuệ. Với sự đã diệt sạch năm gông-cùm nhẹ đô (đầu tiên), người đó trở thành người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm. Đây là loại người thứ sáu đáng được tặng quà ...

(7) “Lại nữa, có người sống quán sát sự vô-thường trong mắt, nhận thức sự vô-thường, trải nghiệm sự vô-thường, chú ý vào nó một cách thường trực, liên tục, và không gián đoạn, thấu biết nó bằng trí-tuệ. Với sự đã diệt sạch năm gông-cùm nhẹ đô (đầu tiên), người đó trở thành người hướng thượng, hướng lên cõi trời Akaniṭṭha (Sắc cứu kính thiên, cõi cao nhất trong năm cõi trời trong-sạch (tịnh cư thiên) của những hạng thánh Bất-lai). Đây là loại người thứ bảy đáng được tặng quà ...

“Này các Tỳ kheo, đây là bảy loại người đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất trong thế gian.”¹⁴⁶⁴

“Này các Tỳ kheo, có bảy loại người là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất (phước điền vô thượng) trong thế gian. Bảy đó là gì?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, có người (96) sống quán sát (quán niệm, thiền quán) sự *khổ* trong mắt ... (97) ... sống quán sát sự *vô-ngã* trong mắt ... (98) ... sống quán sát sự *hoại-diệt* trong mắt ... (99) ... sống quán sát sự *biến-mất* trong mắt ... (100) ... sống quán sát sự *phai-biến* trong mắt ... (101) sống quán sát *chấm-dứt* trong mắt ... (102) ... sống quán sát sự *từ-bỏ* trong mắt

103 (9) – 614 (520) Sự Vô Thường Trong Tai...

(103)–(190) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người sống quán sát (quán niệm, thiền quán) sự *vô-thường* trong tai ... trong mũi ... trong lưỡi ... trong thân ... trong tâm ... trong những hình-sắc ... trong những âm-thanh ... trong những mùi-hương ... trong những mùi-vị ... trong những đối-tượng chạm xúc ... trong những hiện-tượng thuộc tâm (pháp)

(191)–(238) “... trong thức-mắt ... trong thức-tai ... trong thức-mũi ... trong thức-lưỡi ... trong thức thân ... trong thức-tâm

(239)–(286) “... trong tiếp-xúc mắt ... trong tiếp-xúc tai ... trong tiếp-xúc mũi ... trong tiếp-xúc lưỡi ... trong tiếp-xúc thân ... trong tiếp-xúc tâm

(287)–(334) “... trong cảm-giác (thọ) được sinh ra từ tiếp-xúc mắt ... trong cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc tai ... trong cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc mũi ... trong cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc lưỡi ... trong cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc thân ... trong cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc tâm

(335)–(382) “... trong nhận-thức (tưởng) về những hình-sắc ... trong nhận-thức về những âm-thanh ... trong nhận-thức về những mùi-hương ... trong nhận-thức về những mùi-vị ... trong nhận-thức về những đối-tượng chạm xúc ... trong nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm (pháp)”

(383)–(430) “... trong sự cố-ý (hành) liên quan những hình-sắc ... trong sự cố-ý liên quan sự những âm-thanh ... trong sự cố-ý liên quan những mùi-hương ... trong sự cố-ý liên quan những mùi-vị ... trong sự cố-ý liên quan những đối-tượng chạm xúc ... trong sự cố-ý liên quan những hiện-tượng thuộc tâm (pháp)”

(431)–(478) “... trong dục-vọng (ái) đối với những hình-sắc ... trong dục-vọng đối với dục-vọng đối với những âm-thanh ... trong dục-vọng đối với những mùi-hương ... trong dục-vọng đối với những mùi-vị ... trong dục-vọng đối với những đối-tượng chạm xúc ... trong dục-vọng đối với những hiện-tượng thuộc tâm (pháp)”

(479)–(526) “... trong ý-nghĩ (tâm) về những hình-sắc ... trong ý-nghĩ về những âm-thanh ... trong ý-nghĩ về những mùi-hương ... trong ý-nghĩ về những mùi-vị ... trong ý-nghĩ về những đối-tượng chạm xúc ... trong ý-nghĩ về những hiện-tượng thuộc tâm (pháp)”

(527)–(574) “... trong sự soi-xét (tứ) về những hình-sắc ... trong sự soi-xét về những âm-thanh ... trong sự soi-xét về những mùi-hương ... trong sự soi-xét về những mùi-vị ... trong sự soi-xét về những đối-tượng chạm xúc ... trong sự soi-xét về những hiện-tượng thuộc tâm (pháp)”

(575)–(614) “... Ở đây, có người sống quán sát (quán niệm, thiên quán) sự *vô-thường* trong đồng thể-sắc (sắc uẩn) ... đồng cảm-giác (thọ uẩn) ... đồng nhận-thức (tưởng uẩn) ... đồng những sự tạo-tác cố-ý (hành uẩn) ... đồng thức (thức uẩn) sống quán sát sự *khổ* ... sống quán sát sự *vô-ngã* ... sống quán sát sự *hoại-diệt* ... sống quán sát sự

*biến-mất ... sống quán sát sự phai-biến ... sống quán sát chám-dứt ...
sống quán sát sự từ-bỏ”*

NHÓM 6

NHÓM “THAM” LẬP LẠI & TÓM LƯỢC¹⁴⁶⁵

615 (1)

“Này các Tỳ kheo, để có *sự trực-tiếp biết* về tham, bảy điều (pháp tu) cần được tu tập. Bảy đó là gì? Đó là: (1) yếu-tố giác-ngộ là sự chánh-niệm (niệm), (2) yếu-tố giác-ngộ là sự phân-giải những hiện-tượng (trạch pháp), (3) yếu-tố giác-ngộ là sự nỗ-lực (tinh tấn), (4) yếu-tố giác-ngộ là sự hoan-hỷ (hỷ), (5) yếu-tố giác-ngộ là sự tĩnh-lặng (khinh an), (6) yếu-tố giác-ngộ là sự định-tâm (định), (7) yếu-tố giác-ngộ là sự buông-xả (xả). Để có *sự trực-tiếp biết* về tham, bảy điều (pháp tu) này cần được tu tập.”

616 (2)

“Này các Tỳ kheo, để có *sự trực-tiếp biết* về tham, bảy điều (pháp tu) cần được tu tập. Bảy đó là gì? Đó là: (1) nhận-thức về sự vô-thường, (2) nhận-thức về sự vô-ngã ... (3) ... nhận-thức sự không hấp-dẫn (của thân) ... (4) ... nhận-thức về sự nguy-hại ... (5) ... nhận-thức về sự dẹp-bỏ ... (6) ... nhận-thức về sự chán-bỏ ... (7) ... nhận-thức về sự chám-dứt. Để có *sự trực-tiếp biết* về tham, bảy điều này cần được tu tập.”

617 (3)

“Này các Tỳ kheo, để có *sự trực-tiếp biết* về tham, bảy điều (pháp

tu) cần được tu tập. Bảy đó là gì? Đó là: (1) Nhận thức về sự không hấp-dẫn (không sạch, của thân), (2) nhận thức về cái chết, (3) nhận thức về sự ô-úế (góm ghỉếc) của thức ăn, (4) nhận-thức về sự không thích-thú trong toàn bộ thể gian, (5) nhận thức về sự vô-thường, (6) nhận thức về sự khổ trong những thứ vô-thường, và (7) nhận thức về sự vô-ngã trong những thứ khổ. Để có *sự trực-tiếp biết về* tham, bảy điều này cần được tu tập.”

618 (4) — 644 (30)

“Này các Tỳ kheo, để có *sự hoàn-toàn hiểu về* tham ... *sự phá-sạch* tham ... *sự dẹp-bỏ* tham ... *sự tiêu-diệt* tham ... *sự biến-mất* tham ... *sự phai-biến* tham ... *sự chấm-dứt* tham ... *sự buông-bỏ* tham ... *sự từ-bỏ* tham Để có *sự từ-bỏ* tham, bảy điều (pháp tu) này cần được tu tập.”

619 (31) — 1124 (510)

“Này các Tỳ kheo, để có *sự trực-tiếp biết* ... *sự hoàn-toàn hiểu* ... *sự phá-sạch* ... *sự dẹp-bỏ* ... *sự tiêu-diệt* ... *sự biến-mất* ... *sự phai-biến* ... *sự chấm-dứt* ... *sự buông-bỏ* ... *sự từ-bỏ* sân ... si ... *sự tức-giận* ... *sự hung-bạo* ... *sự chê-bai* ... *sự hỗn-xược* ... *sự ganh-ty* ... *sự ti-tiện* ... *sự lừa-dối* ... *sự mưu-mẹo* ... *sự bướng-bỉnh* ... *sự thái-quá* (quá đáng, quá lớn, dữ dội) ... *sự tự-ta* (ngã mạn) ... *sự kiêu-ngạo* ... *sự nhiễm-độc* ... *sự lơ-tâm phóng dật* Để có *sự từ-bỏ* sự lơ-tâm phóng dật, bảy điều (pháp tu) này cần được tu tập.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và hoan hỷ với lời dạy của đức Thế Tôn.

—HẾT QUYÊN 7—

BẢNG VIẾT TẮT

I. BỘ KINH AN & CHÚ GIẢI CHÍNH:

AN Aṅguttara Nikāya: *Bộ Kinh Tăng Chi*

Be: phiên bản tiếng Miến Điện (= *Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka*, bản điện tử)

Ee: phiên bản tiếng Anh (ấn bản **PTS**)

Ce: phiên bản Tích Lan (= *Buddha Jayanti Tripitaka Series*, bản in giấy)

Mp Manorathapūraṇī: *Luận Giảng Bộ Kinh AN*

Mp-ṭ Manorathapūraṇī-ṭīkā: *Tiểu Luận Giảng Bộ Kinh AN*

NDB = Numerical Discourses of Buddha: bản dịch Pali-Anh của **AN** bởi Tỳ Kheo Bò-Đề.

SC = trang SuttaCentral: bản dịch Pāli-Anh các bộ kinh Nikāya bởi nhà sư Ajahn Sujato.

► Lưu Ý: Khi chữ **Be** và **Ce** được dùng để chỉ phiên bản của luận giảng **Mp**, là chúng tương ứng chỉ ấn bản *Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka* bản điện tử 4.0 (dựa trên phiên bản Miến Điện và được ấn hành bởi *Viện Nghiên Cứu Thiền Minh Sát Igatpuri*, Ấn Độ) và ấn bản Tích Lan *Simon Hewavitarne Bequest* (1923–31). Nếu chỉ ghi **Mp** không thôi thì đó là luận giảng **Mp** thuộc ấn bản điện tử của *Chaṭṭha Saṅgāyana*.

II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC:

Abhi = Abhidhamma Pitaka: *Vi Diệu Pháp Tạng*

* **AN** = Aṅguttara Nikāya: *Bộ Kinh Theo Số Tăng* (Tăng Chi Kinh Bộ)

As = Atthasālinī (Dhammasaṅgaṇī-aṭṭhakathā): *Chú Giải tập Dhs*

Dhp = Dhammapada: *tập Kinh Pháp Cú* (thuộc **KN**)

Dhp-a = Dhammapada-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Dhp*

Dhs = Dhammasaṅgaṇī: **Bộ Pháp Tụ** (thuộc **Abhi**)

* **DN** = Dīgha Nikāya: *Bộ Kinh Dài* (Trường Kinh Bộ)

It = Itivuttaka: *tập Kinh Phật Tự Thuyết* (thuộc **KN**)

It-a = Itivuttaka-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập It*

Ja: = Jātaka: *tập kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật* (thuộc **KN**)

Khph = Khuddakapāṭha: *tập Kinh Tiểu Tụng* (thuộc **KN**)

* **KN** = Khuddaka Nikaya: *Bộ Kinh Ngắn* (Tiểu Kinh Bộ)

Mil = Milindapanha: *tập kinh Milinda Vấn Đáp* (thuộc **KN**)

* **MN** = Majjhima Nikāya: *Bộ Kinh Vừa* (Trung Kinh Bộ)

Mp = Manorathapūraṇī: *Chú Giải bộ AN*

Nett = Nettippakaraṇa: (thuộc **KN**)

Nidd I = Mahā-niddeśa: *tập Đại Diễn Giải* (Đại Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Nidd II = Cūḷa-niddeśa: *tập Tiểu Diễn Giải* (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Paṭis = Paṭisambhidāmagga: *tập Con Đường Phân Biệt* (Vô Ngại Giải Đạo) (thuộc **KN**)

Paṭis-a = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Paṭis*

Peṭ = Peṭakopadesa: (thuộc **KN**)

Pj II = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): *Chú Giải tập Sn*

Pp = Puggalapannatti: *bộ Phân Định Cá Nhân* (Nhân Thi Thuyết Luận) (thuộc **Abhi**)

Pp-a = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Pp*

Ps = Pāpāncasūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ MN*

Pv = Petavatthu: *tập Chuyện Quỷ Đói* (Ngạ Quỷ Sự) (thuộc **KN**)

* **SN** = Saṃyutta Nikāya: *Bộ Kinh Liên Kết* (Tương Ứng Kinh Bộ)

Sn = Suttanipāta: *tập Kinh Tập* (thuộc **KN**)

Sp = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): *Chú Giải Luật Tạng*

Sv = Sumaogalavilāsīnī (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ kinh DN*

Sv-pt = Sumaogalavilāsini-purāṇa-tīkā (Dīgha Nikāya-tīkā) (Be): *Tiểu Chú Giải bộ kinh DN* (phiên bản Miến Điện)

Th = Theragāthā: *tập kinh Trưởng Lão Thi Kệ* (thuộc **KN**)

Th-a = Theragāthā-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Th*

Thī = Therīgāthā: *tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ* (thuộc **KN**)

Thī-a = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): *Chú Giải tập Thī* (bản 1998)

Ud = Udāna: *tập kinh Phật Đã Nói Như VẬY* (thuộc **KN**)

Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Ud*

Vibh = Vibhaṅga: *Bộ Phân Tích* (thuộc **Abhi**)

Vibh-a = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): *Chú Giải bộ Vibh*

Vibh-mṭ = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): *Tiểu Chú Giải tập Vibh* (phiên bản Miến Điện)

Vin = Vinaya: *Luật Tạng* (Rõ Luật)

Vism = Visuddhimagga: *Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo)

III. NHỮNG BẢN DỊCH CỦA CÁC BỘ KINH, TẬP KINH:

BL = Buddhist Legends: *Những Huyền Thoại Phật Giáo* (của học giả Burlingame)

CMA = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: *Cẩm Nang Vi Diệu Pháp* (của Tỳ Kheo BỒ-ĐỀ)

EV I = Elders' Verses I: *Trưởng Lão Thi Kệ I* (của Norman)

EV II = Elders' Verses II: *Trưởng Lão Thi Kệ II* (của Norman)

GD = Group of Discourse: *tập Kinh Tập II* (của Norman)

Germ Tr = *Bản dịch SN tiếng Đức* (của Geiger)

KS = Kindred Sayings: *Bản dịch tiếng Anh của SN* (bởi Rhys Davids, Woodward)

LDB = Long Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của DN* (bởi học giả Walshe)

MLDB = Middle Length Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của MN* (bởi nhà sư dịch giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

Ppn = Path of Purification: *bản dịch Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo) [= Vism] bởi nhà sư học giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

SN-Anth = “Saṃyutta Nikāya: An Anthology”: *Tuyển tập các kinh thuộc SN* (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

IV. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC:

CPD = Critical Pāli Dictionary: *Tự Điển Pāli Phê Bình* (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch)

CSCS = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: *Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ứng A-hàm Hán Tạng* (của Enomoto)

DPPN: *Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli* (của Malalasekera)

MW = Monier-Williams’ Sanskrit-English Dictionary: *Tự Điển Phạn-Anh* (của Monier-William)

PED = Pāli-English Dictionary: *Tự Điển Pāli-Anh* (của PTS)

V. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC:

BHS = Buddhist Hybrid Sanskrit: *Chữ Lai Phạn trong Phật giáo*

BPS = Buddhist Publication Society: *Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan*

C.Rh.D = C.A.F. Rhys Davids (tiên sĩ học giả dịch giả Rhys Davids)

PTS = Pali Text Society (Hội Kinh Điển Pali)

Skt = Sanskrit: tiếng Phạn

VĀT = Vanarata Ānanda Thera: *Trưởng Lão Vanarata Ānanda*

► Lưu Ý: Những số hiệu của các kinh Pāli được so chiếu và trích dẫn trong phần chú thích (của TKBD) là ghi *số quyển* và *số trang* của ấn bản **PTS**. Còn các số hiệu kinh **DN**, **MN**, và **Ja** kèm theo *số kinh* sau đó là chỉ toàn bộ kinh đó. Các số trang dẫn chiếu tới **Vism** cũng được ghi kèm theo bằng *số chương* và *số đoạn* của **Ppn**. Mặc dù những số hiệu tham chiếu về các

luận giảng cũng theo số quyển và số trang của ấn bản **PTS**, có lúc tôi phải quyết định chọn ghi bằng cách chuyển đổi từ **Be** hay **Ce** thông qua bảng chuyển đổi tương ứng của các giảng luận Pāli của PTS (*Pāli Aṭṭhakathā Correspondence Tables*)

CHÚ THÍCH

1291 ► (Về số “bảy” và tên *Quyển* “Bảy”: coi chú thích đầu tiên của *Quyển* “Một”, sự giải thích tương tự về các số thứ tự và tên của *QUYỂN* kinh từ “Một” ... “Mười”.)

1292 [*Ham muốn danh tiếng*] là tạm dịch cụm chữ: *anavaññattikāmo*. Nghĩa đen là: “ham muốn mình không bị kinh thường”. **Mp** giải nghĩa là: “Người đó ham danh, tham muốn được nổi tiếng” (*abhiññātabhāvakāmo*). Những ý nghĩ về danh tiếng của mình (*anavaññattipaṭisaṃyutto vitakko*) là một loại ý nghĩ xao lãng cần phải vượt qua thì mới thiền đạt-định được. Về ý này, coi thêm kinh **3:101**, trong đoạn thứ tư, và chú thích ở đó.] (1455)

1293 (Sự “học-hiểu” (học thức) được dịch ở đây nghĩa là: học, học biết, học hiểu về những giáo lý, kinh, luật... nhưng không nhất thiết đồng nghĩa với chữ “hiểu được ý-nghĩa” hay các thuật ngữ “hoàn-toàn hiểu” (liễu tri), “trực-tiếp biết” (tự trí, thấy biết).)

1294 (Trong bản dịch Việt tất cả các kinh, chữ “*kính chào*” là chữ **dịch chung**, đồng nghĩa với các chữ: “*lễ chào, đánh lễ, kính lễ, kính lạy, lạy chào, xá chào, hay cúi chào...*” tùy theo mỗi tình huống khác nhau, thường là với hai tay chắp lại đặt lên trán, trên sống mũi, hay trên ngực. Còn nếu có tình huống là “*quỳ lạy*” thì chỗ đó sẽ dịch rõ tư thế “*quỳ lạy*”.)

1295 [Tôi dịch số này theo **Ce** ghi là *sataṃ bhante saḥassānaṃ*. **Be** và **Ee** ghi là *sataṃ bhante sataḥassānaṃ*, nghĩa là: *một trăm [lần] một trăm lần.*] (1456)

1296 [*Bảy gông-cùm*]: *satta saṃyojanāni*. Khuôn mẫu ‘*mười gông-cùm*’ thì quen thuộc với chúng ta hơn, và chúng chỉ được ghi một lần trong kinh **10:13** của bộ kinh **AN** này.] (1457)

1297 [*Gông cùm thuận-theo* hay *thuận-tình* hay *dính-theo*] là tạm dịch chữ *anunayasamyojanam*. Đây là loại gông-cùm hiếm khi thấy trong “*danh sách 10 gông-cùm*” vẫn thường được nói đến. **Mp** giải thích nó như một dạng giống *gông cùm tham-dục* (*kāmarāgasamyojanam*, tham kiết sử) vậy, (ý chỉ sự trôi buộc do (tâm) chạy theo, dính theo, bị hấp dẫn theo đối-tượng... ngược lại với

sự ghét bỏ, ác cảm, sân bực.)] (1458)

1298 [Tính ghen-ty (*issā*) và keo-kiệt (*macchariya*) có trong danh sách “10 *gông-cùm*” theo Vi Diệu Pháp (*Abhidhamma*). Coi thêm **Dhs 197** (của **Be** §1118), **CMA 269**.] (1459)

1299 [Chữ *niranusayo* ở đây không có ghi trong **Be** và **Ee**. **Ee** có ghi chú những cách ghi khác nhau của những phiên bản chép tay. Nhưng trong kinh [SN IV 205,17](?) (Nhà sư TKBD ghi số hiệu kinh này, người dịch Việt không biết đó là kinh SN nào mặc dù đã quét tìm hết bằng vi tính toàn bộ bản dịch và chú thích của thầy ấy), phiên bản **Be** có ghi chữ *niranusayo*, còn **Ce** và **Ee** lại ghi chữ *pahīnarāgānusayo*.] (1460)

1300 [*Đến gặp* hay *ghé đến* những gia đình là để khát thực thức ăn; *ngồi lại* hay *ở lại* tức ngồi để thăm hỏi, nói chuyện, hoặc chỉ dạy Giáo Pháp cho họ nếu họ yêu cầu.] (1461)

1301 [**Mp** giải nghĩa câu này là: “Họ không đứng dậy khỏi chỗ ngồi một cách khiêm nhường lễ phép mà họ tỏ ra không tôn trọng.”] (1462)

1302 (Câu này có chú thích trong kinh song hành **9:17** như vậy: [**Mp** giải thích có nghĩa: “Họ không lễ lạy bằng cả năm phần chạm đất” [tức là, đầu, hai bàn chân, và hai tay phải chạm xuống đất (trong tư thế quỳ lạy hay bái lạy)] (1874).)

1303 [Bảy người này đã được nói chi tiết trong kinh **MN 70.14–21**, (và trong các chú giải các kinh khác). (*Người được giải thoát bằng cả hai phương-diện* là người vừa (i) có tâm được giải thoát khỏi ô-nhiễm, tức *được giải thoát bằng tâm sạch-nhiễm*, và (ii) *được giải thoát nhờ trí-tuệ*). Vấn tắt, (1) *người được giải thoát bằng cả hai phương-diện* và (2) *người được giải thoát nhờ trí-tuệ* là 02 loại A-la-hán, khác nhau ở chỗ loại thứ nhất có được “sự giải-thoát thuộc vô-sắc giới đầy bình-an vượt trên khỏi sắc-giới”. (3) *Người thân-chứng*, (4) *người đạt tới chánh-kiến*, và (5) *người được giải thoát nhờ niềm-tin* là ba loại bậc học-nhân, họ có thể đang ở bất cứ chặng nào từ thánh đạo Nhập-lưu cho đến thánh đạo A-la-hán; ba loại người này cũng đã được nói kỹ hơn trong kinh **3:21** (và chú thích ở đó). (6) *Người tu theo Giáo Pháp* (căn trí) và (7) *người tu theo niềm-tin* (căn tín) là hai loại người đã nhập vào dòng thánh đạo những vẫn chưa chứng thánh quả Nhập-lưu; họ khác nhau chỗ căn chủ lực (trội, nổi bật) là trí-tuệ hay niềm-tin của mỗi bên. Tiến trình họ chứng nhập vào dòng thánh đạo cũng được mô tả trong kinh **SN 25:01** (Quyển 3).] (1463)

1304 [Nguyên văn câu cuối này là: *pāraṅgato thale tiṭṭhati brāhmaṇo*. Ở đây, chữ “*bà-la-môn*” [brahmin] được dùng như chữ đồng nghĩa với A-la-hán. Coi sự liên hệ đồng nghĩa này theo cách diễn tả trong kinh **4:05**, đoạn (4), và **SN 35:228** (Quyển 4).] (1464)

1305 [Trong **Pp 13** [của **Be §16**] thì loại người này được gọi là *samasīsī*, nghĩa đen tạm dịch là “*người đắc hai sự kết thúc*”. **Mp** giải thích có bốn loại *samasīsī*. (1) Người đã bệnh yếu, và chứng đắc sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận) cùng lúc người đó hết khỏi bệnh thì được gọi là “*người chứng ngộ cùng lúc hết bệnh*” (*rogasamasīsī*). (2) Người đã bị đau đớn với cảm giác đau đớn trầm trọng, và chứng đắc sự tiêu diệt ô-nhiễm cùng lúc người đó hết khỏi cảm-giác đau đớn thì được gọi là “*người chứng ngộ cùng lúc hết cảm-giác*” (*vedanāsamasīsī*). (3) Người đã đang tu tập thiền quán (minh sát) trong một tư thế nào đó, và chứng đắc sự tiêu diệt ô-nhiễm cùng lúc người đó đổi tư thế thì được gọi là “*người chứng ngộ cùng lúc đổi tư thế*” (*iriyāpathasamasīsī*). (4) Và người chứng đắc sự tiêu diệt ô-nhiễm cùng lúc chấm dứt mạng sống (chết) thì được gọi là “*người chứng ngộ cùng lúc hết mạng*” (*jīvitasamasīsī*). Đoạn kinh này đang nói tới loại người thứ (4) này.] (1465)

1306 [“*Người chứng ngộ bát-Niết-bàn trong nửa-đầu kiếp sau*” là tạm dịch nghĩa chữ *antarāparinibbāyī*. Nghĩa gốc của nó là: “*người chứng ngộ Niết-bàn ở-giữa*” [*giữa đường hay dọc đường*]. **Pp 16** [**Be §36**] định nghĩa loại người này là người đã loại bỏ năm gông-cùm nhẹ đô (hạ phần kiết sử), tái sinh tự động, và sau đó, ngay sau khi tái sinh hoặc [trở nhất] *trước* giữa kiếp sau, sẽ tạo được thánh đạo để dẹp bỏ năm gông-cùm nặng đô (thượng phần kiết sử) còn lại. Tương tự vậy, **Mp** định nghĩa loại người này là một người được tái sinh trong một trong năm cõi trời trong-sạch (*suddhāvāsesu*, tịnh cư thiên), và sau đó sẽ chứng luôn thánh quả A-la-hán ngay lúc tái sinh, hoặc sau đó một chút, hoặc trước khi đến giữa kiếp sau. Mặc dù đây là những định nghĩa có thẩm quyền, nhưng tôi vẫn tin theo bằng chứng lời kinh gốc rằng: cái tên của loại người này nên được hiểu một cách đơn thuần có nghĩa là người đó chứng đắc sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận) *ở giữa đường hay dọc đường* (*antarā*), nghĩa là giữa hai kiếp, và sau đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) chứ không tái sinh nữa.

- Mời quý vị coi lại kinh **4:131** và chú thích (829) trong đó.

- Tôi cũng đưa ra những luận điểm cho cách diễn dịch này trong chú thích (1536) ở cuối đoạn (1) của kinh **7:55**.] (1466)

1307 [“Người chứng ngộ bát-Niết-bàn trong nửa-sau kiếp sau” là tạm dịch nghĩa chữ *upahaccaparinibbāyī*; (Người dịch Việt cũng giữ cách gọi này giống nhau trong bản dịch Việt các bộ kinh). Cả hai **Pp 17 [Be §37]** và **Mp** đều định nghĩa loại người này là một người đã loại bỏ năm gông-cùm nhẹ đô, tái sinh tự động [trong một trong năm cõi trời trong-sạch (tịnh cư thiên, dành cho những bậc thánh Bất-lai)], và sau đó chứng ngộ luôn thánh quả A-la-hán sau giữa-kiếp ở đó, hoặc trễ nhất là trước lúc hết-kiếp ở đó (tức trong nửa-sau của kiếp sau). Một lần nữa, cho dù những định nghĩa này là thẩm quyền, nhưng tôi vẫn theo cách hiểu đơn thuần dựa theo lời kinh gốc và vẫn giữ cách diễn dịch liên quan tới cách mô tả trong kinh **7:55**, đoạn (4); những gọi tả trong các bộ kinh *Nikāya* cho thấy loại người này là người chứng đắc sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận) hầu như lập tức ngay sau khi tái sinh trong một trong những cõi trời trong-sạch (bởi vậy lời kinh gốc mới tên có nghĩa là “*người chứng ngộ Niết-bàn ngay khi đáp xuống đất (chạm xuống đất)*”). Mời quý vị đọc thêm chú thích (1537) ở đoạn (4) của kinh **7:55.**] (1467)

1308 [Sự khác nhau giữa loại (5) và (6) có lẽ dựa trên lượng cố-gắng họ phải bỏ ra để đạt tới mục tiêu. **Pp 17 [Be §§38–39]** chỉ nói rằng (5) là người phát tạo thánh đạo không cần sự cố-gắng và (6) là loại người đạt được nhờ sự cố-gắng thêm. Cho dù là trường hợp nào, theo cách diễn dịch của các luận giảng thì hai loại này cũng không trở thành 02 loại thánh Bất-lai riêng biệt, mà đó chỉ là 02 cách thức mà hai loại thánh đầu tiên [*người chứng ngộ Niết-bàn trong nửa-đầu kiếp sau (antarāparinibbāyī)* và *người chứng ngộ Niết-bàn trong nửa-sau kiếp sau (upahaccaparinibbāyī)*] chứng ngộ Niết-bàn (tức không nhất thiết có cố-gắng thêm hay không cố-gắng thêm). Các giải thích như vậy đã thu giảm số “hạng” những thánh Bất-lai xuống chỉ còn ba “hạng”. Điều này sẽ trùng với thứ tự và phẩm chất khác nhau của hạng thánh Bất-lai, theo cách phân loại năm-hạng được nhấn mạnh trong các ví dụ ở kinh **7:55.**] (1468)

1309 [Về loại người (hạng thánh Bất-lai) thứ bảy này, mời quý vị coi lại chú thích (828) ở kinh **4:131**, đoạn (4), như được trích nguyên sau đây:

- [Nguyên văn câu cuối chỗ này: *Uddhamṣotassa akaniṭṭhagāmino puggalassa* (Người hướng thượng lưu, đang hướng tới cõi trời Akaniṭṭha). Đây là hạng chậm nhất trong 05 hạng của bậc thánh Bất-lai, đó là người tiến dần dần từ cõi thấp đến cõi cao trong năm cõi trời trong-sạch (tịnh cư thiên) và đang hướng thượng tới cõi cao nhất trong năm đó là cõi Akaniṭṭha (Sắc cứu kính thiên). Loại người này cũng được mô tả là hạng còn thô tế nhất (trong 05 hạng của bậc Bất-lai), là người vẫn còn dính những ‘gông-cùm bị tái-sinh’, mặc dù những hạng Bất-lai tinh tế hơn cũng còn dính những gông-cùm này. (Tái sinh

ở đây là họ tái sinh từ cõi thấp tới cõi cao trong 5 cõi tịnh cư thiên đó, chứ không phải tái sinh lại xuống lại thế gian.)] (828).] (1469)

1310 [Bằng cách dùng những phần dấu chấm lửng (...), phiên bản **Ee** đã gộp các kinh **7:18** và **7:19** vào trong kinh **7:17**, và do vậy tới chỗ này sự đánh số của **Ee** là ít hơn 2 số so với sự đánh số của tôi. Sự đánh số kinh của tôi là theo **Ce** và **Be**, tính thuyết giảng về “vô-ngã” và “Niết-bàn” thành những kinh khác nhau.] (1470)

1311 [Đề ý: trong hai kinh kể trên là sự quán sát sự vô-thường và sự khổ *trong tất cả những hiện-tượng có điều-kiện (sabbasaṅkhāresu, mọi pháp hữu vi)*, còn trong kinh này là sự quán sát sự vô-ngã *trong tất cả mọi hiện-tượng (sabbadhammesu, mọi pháp)*, chứ không chỉ riêng những hiện-tượng có điều-kiện (hữu vi).] (1471)

1312 [‘Không có mười’ (*không được mười, không tới mười, dưới mười*) là tạm dịch chữ *niddasavatthūni*. **PEd** coi chữ *niddasa* là do ghi sai chữ *niddesa* và giải thích chữ ghép này có nghĩa là “*đối-tượng của sự khác biệt, hoặc đối-tượng để đề cao*”. **SED sv** nói đó là *nirdasa* có nghĩa là “*hơn mười ngày tuổi, đã xảy ra hơn mười ngày*.” Tuy nhiên, bản thân chữ này không nhất thiết phải có liên hệ tới ngày tháng, và cũng có thể được diễn giải bằng cách coi *ni* là một tiền tố ‘phủ định’ và do vậy chữ ghép có nghĩa là “*không có mười*”. Vì vậy, trong ngữ cảnh lời kinh nó cũng có thể có nghĩa bóng là “*không có mười năm*” (hay *không được mười năm, không tới mười năm*). **Mp** chấp nhận chữ ghép này và đưa ra một luận giải về nó mà tôi sẽ dịch ngay bên dưới đây. Có thể rằng cái nghĩa gốc của cách diễn đạt này đã bị mất một cách không thể nào truy tìm lại được, và khi diễn dịch nó chúng ta chẳng có gì để dựa vào ngoài sự phỏng đoán. Bên Hán tạng thì không có các kinh tương đương với kinh này và các kinh **7:42–43** bên dưới để chúng ta có thể đối chiếu, truy tìm nghĩa của chữ này.

- Đây là luận giải của **Mp**: “Câu hỏi [*Theo cách nào là người “không có mười”?*] được cho là đã từng khởi sinh trong số những người các giáo pháp khác. Bởi vì, người ta gọi một Ni-kiền-tử (Nigaṇṭha, tu sĩ đạo Jain) là *niddaso* (“*không mười*”) là người chết lúc 10 tuổi [*dasavassakāle*; hoặc: “*lúc người đó có 10 năm tu*” (?)] (tuổi đạo của tu sĩ, giống tuổi hạ bên đạo Phật)]. Bởi vì, như luận giảng này nói, người đó không còn trở thành mười tuổi người nữa, [người đó không trở thành] chín tuổi hay thậm chí một tuổi. Theo tương tự, họ gọi một Ni-kiền-tử chết lúc 20 tuổi ... vân vân ... là *nibbāso* (“*không có hai mươi*”), *nittimso* (“*không có ba mươi*”), *niccattāḷiso* (“*không có bốn mươi*”), *nippaññāso*

(‘*không có năm mươi*’). Khi thầy Ānanda đang đi trong làng và nghe được những lời như trên, thầy ấy về thưa lại với đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nói: ‘Này Ānanda, đây không phải là cách gọi để chỉ những người ngoại đạo đó mà để chỉ người đã tiêu diệt ô-nhiễm [A-la-hán] theo giáo lý của ta.’ Bởi vì nếu người tiêu diệt ô-nhiễm chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng khi người đó 10 tuổi [hoặc: có 10 tuổi hạ (?)], thì người đó sẽ không trở thành một người 10 tuổi lần nào nữa. Không chỉ người 10 tuổi, người đó không trở thành một người 9 tuổi người 1 tuổi nào nữa. Không chỉ người 1 tuổi, người đó không trở thành một người 11 tháng tuổi ... hay thậm chí người một giây phút tuổi nào nữa. Tại sao? Bởi vì người đó không bao giờ tái sinh nữa. Cũng cách tương tự khi nói về người ‘*không có hai mươi*’ ... vân vân ... Như vậy, đức Thế Tôn bắt đầu giáo lý này để chỉ những nguyên nhân để trở thành người ‘*không có mười*’.”] (1472)

1313 [Nguyên văn câu này là: *icchāvinaye tibbacchando hoti āyatiñca icchāvinaye avigatapemo*. Ở đây tôi dịch chữ *icchā* là “*những ước nguyện vô ích*” và chữ *chanda* là “*mong-muốn*”. Còn **Mp** thì diễn dịch chữ *icchā* là đồng nghĩa *tanhā*: dục vọng.] (1473)

1314 (Người Licchavi cũng được gọi là người Vajji (Bạt-kỳ), vì người Licchavi là bộ tộc lớn nhất và chủ yếu của vương quốc Vajji.)

1315 [Giáo lý này cũng được nói trong kinh **DN 16.1.5.**] (1474)

1316 [Tôi thêm vào chữ [thành, kinh thành] dựa theo sự giải nghĩa của **Mp** là: “*ở bên trong thành*” (*antonagare thitāni*).] (1475)

1317 [**Mp** giải thích: “Khi người ta lơ là những bốn phận thờ cúng chính đáng thì những thiên thần không phù hộ họ, và ngay cả khi những thiên thần không thể tạo ra khổ đau mới nào, họ cũng làm cho sự khổ đau đang có nặng hơn, ví dụ như ho thì ho hơn, nhức đầu thì nhức đầu hơn; và khi lâm vào thời chiến tranh, những người đó không có ai là đồng minh. Nhưng nếu người ta không lơ là những bốn phận đó thì những thiên thần phò hộ họ, và ngay cả khi những thiên thần không thể tạo ra những hạnh phúc mới nào, họ cũng làm hết khỏi bệnh tật; và khi lâm vào thời chiến tranh, những người đó có nhiều đồng minh.”] (1476)

1318 [Nội dung bài kinh này hầu như giống nội dung trong kinh dài **DN 16.1.1–5.1**, chỉ khác một số chi tiết phụ và câu cú.] (1477)

1319 [Nội dung các kinh từ **7:23–27** cũng có ghi trong kinh dài **DN 16.1.6–10.**] (1478)

1320 [**Mp** giải nghĩa là: “Nếu họ không dừng lại giữa đường ở một mức chứng đắc nào đó [ví dụ như sau khi chỉ mới thanh lọc giới-hạnh, mới chứng tầng thiền định, minh sát, hay mới ở thánh đạo Nhập-lưu, vân vân, nhưng chưa chứng thành A-la-hán], thì chỉ có thể coi những Tỷ kheo đó đang tăng trưởng.”] (1479)

1321 [Tất cả bảy sự nhận-thức này, sẽ cộng thêm ba loại nữa là 10 nhận-thức, sẽ được giảng giải trong kinh **10:60.**] (1480)

1322 [Đọc theo **Ee** là *na iti paṭisañcikkhati*. **Ce** và **Be** bỏ chữ *na*. Nhà sư Brahmāli nói nghĩa kinh ở đây là “Người đó lẽ ra nên để việc này cho các vị trưởng lão, họ là những người được cho là sẽ xem xét giải quyết nó.”] (1481)

1323 [Nguyên văn **Ce** ghi là *attanā voyogaṃ āpajjati*; **Ee ghi** *attanā vo yogaṃ āpajjati*; **Be** ghi *attanā tesu yogaṃ āpajjati*. Lại nữa, ở đây tôi làm theo sự diễn dịch của nhà sư Brahmāli theo nghĩa là: “Bởi việc đó là trách nhiệm của những bậc trưởng lão đó, nên họ sẽ lãnh trách nhiệm cuối cùng cho dù chuyện đó sẽ được giải quyết ra sao [và chê hay khen, tội hay công] hay bởi ai. Do vậy vị Tỷ kheo đó nên để việc đó cho các vị trưởng lão giải quyết.”] (1482)

1324 [Nguyên văn câu cuối này: *Tattha ca pubbakāraṃ karoti*. **Mp** giải nghĩa là: “Người đó chọn cúng dường cho những người giáo phái khác và sau cùng mới bố thí cho các Tỷ kheo.” Mời coi lại kinh **5:175**, điều (4) và chú thích (1171) của nó, và kinh **6:93** và chú thích (1443) để liên đới về nghĩa này.)] (1483)

1325 [**Ce** và **Ee** không có, nhưng trong **Be** thì có ghi thêm câu quen thuộc này trước bài kệ: “*Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vậy.*”.] (1484)

1326 [**Ee** gom kinh này và kinh kế tiếp lại thành một, nhưng lại tính sai lố thành tới 03 kinh (28, 29, và 30) nên nó ghi số kinh gộp là **(28–30)** trong phiên bản của nó. Như vậy cách đánh số của **Ee** trước đây đã ít hơn 2 số so với cách đánh số của tôi, giờ chỉ còn ít hơn 1 số.] (1485)

1327 [Kinh này chính là kinh **6:32** mở rộng từ 6 điều lên 7 điều (thêm điều về ‘định-tâm’).] (1486)

1328 (Như chú thích ở kinh **6:32**.) [*Sự hiểu khách, sự tiếp đãi (paṭisanthāra)*. Kinh **2:152** có nói hai loại tiếp đãi: tiếp đãi bằng những thứ vật chất (thức ăn, chỗ ở...) và tiếp đãi bằng Giáo Pháp.] (1305)

1329 [Kinh này chính là kinh **6:33** mở rộng từ 06 điều lên 07 điều (thêm điều ‘định-tâm’).] (1487)

1330 [Kinh này chính là kinh **6:69** mở rộng từ 06 điều lên 07 điều (thêm điều ‘định-tâm’), nhưng trong kinh này không tả lại cảnh đầu, mà Phật kể lại luôn cho các Tỷ kheo cảnh vị thiên thần đã xuất hiện và nói với Phật trong đêm khuya hôm trước.] (1488)

1331 [Kinh này chính là kinh **3:135** mở rộng từ 03 điều lên 07 điều.] (1489)

1332 [Nguyên văn câu cuối này: *Khīṇena nātimaññati*. Tôi dịch với giả định chữ *khīṇena* là một trạng từ có nghĩa “một cách làm tổn thương, một cách thô lỗ, rẻ rúng” [coi thêm **DOP** sv *khīṇa*²]. Tuy nhiên, **Mp** giải thích câu này theo giả định chữ *khīṇena* có nghĩa là “trong [những lúc] mất mát, khi tài sản đã cạn kiệt”, nghĩa dài dòng là: “Khi tiền của tài sản của mình hết sạch, người đó không khinh khi mình vì sự mất sạch đó. Người đó không tự cho mình cao sang và khinh rẻ người khác” (*tassa bhoge khīṇe tena khayena taṃ nātimaññati, tasmim omānaṃ attani ca atimānaṃ na karoti*). Cho dù **Mp** đã luận giải dài thêm như vậy, tôi vẫn không thấy điều này có nghĩa nào khác với nghĩa ngắn gọn là “không khinh khi bạn một cách thô lỗ” như tôi đã dịch theo giả định kia.] (1490)

1333 [Nguyên chữ là *vattā*: người nói. **Mp** chỉ nói “đó là người thiện khéo về lời nói” (*vacanakusalo*). Bởi vì sự “nói lời sâu sắc” đã là một điều riêng, tức điều (6), nên ở đây theo cách giải thích của **Mp** chỉ có thể giả định nghĩa của nó là “người đó nói lời khuyên khéo tốt”.] (1491)

1334 [Về bốn loại trí-biết mang tính phân tích (*paṭisambhidā*, vô ngại giải trí), mời coi thêm lại kinh **4:172**.] (1492)

1335 [Tôi dịch lời kinh một cách chính xác như đã được truyền thừa, nhưng dường như trong quá trình truyền tụng có một cụm chữ đã bị bỏ mất cho thấy cái ‘sự trì-trệ của tâm’ đã phát sinh trong một dịp đặc biệt nào đó. Do vậy **Mp** đã cung cấp lại cụm chữ đã bị mất là *uppanne cetaso līnatte*, có nghĩa “khi sự trì-trệ của tâm đã khởi sinh”.] (1493)

1336 [**Mp** nối kết ‘*sự kìm hãm ở bên trong*’ với nghĩa là ‘*sự đờ-đẫn và buồn-ngủ*’, và ‘*sự xao lãng ở bên ngoài*’ với nghĩa là ‘*sự hấp dẫn đối với năm đối tượng khoái-lạc giác-quan*’. Mời quý vị coi lại sự diễn dịch nối kết như vậy trong kinh **SN 51:20** (Quyển 5).] (1494)

1337 [Trong kinh **4:41**, điều/đoạn (3), thì đây được gọi là “*sự tu tập định-tâm dẫn tới sự chánh-niệm và sự rõ-biết*”. **Mp** giải thích: “Cảm-giác ... là những gốc rễ của sự tăng-phóng này nọ của tâm (*papañca*). Vì cảm-giác là gốc rễ của dục-vọng, nó khởi sinh liên quan với khoái-lạc (sự khoái sướng). Nhận-thức là gốc rễ của những quan-điểm này nọ (tà kiến), nó khởi sinh đối với một đối-tượng không (chưa) rõ ràng (do nhận lầm, do tưởng). Và ý-nghĩ là gốc rễ của sự tự-ta (ngã chấp), nó khởi sinh từ ý nghĩ có cái ‘ta’ (ngã kiến).”] (1495)

1338 [**Mp** giải thích chữ *dấu-hiệu* hay *tướng* (*nimitta*) ở đây có nghĩa là *nguyên-nhân* (*kāraṇa*).] (1496)

1339 [**Ee** xếp kinh này như phần liên tục của kinh trước; nhưng tôi làm theo **Ce** và **Be**, coi đây là một kinh riêng như vậy. Và do vậy tới chỗ này sự đánh số kinh của tôi lại vượt hơn **Ee** 2 số.] (1497)

1340 [Mặc dù lời kinh ở đây dùng chữ *pajānāti* ở thời hiện tại, nhưng tôi chắc đây là thuộc thời hiện tại đã qua, tức diễn tả thời gian trước khi thầy Xá-lợi-phất chứng thánh quả A-la-hán. Khi đã là một A-la-hán thì thầy ấy không còn bị sự trì-trệ của tâm, sự kìm-hãm ở bên trong, hay sự xao-lãng ở bên ngoài nữa.] (1498)

1341 (Coi lại chú thích điều (6) này, tức điều (5) trong kinh **6:24** như sau: (Trú xứ: lĩnh vực, lãnh địa. Một câu trong kinh **MN 33** giải nghĩa: “Này các Tỷ kheo, theo cách nào một Tỷ kheo là thiện khéo về những trú xứ? Ở đây, này các Tỷ kheo, một Tỷ kheo hiểu được *bốn nền tảng chánh-niệm* (*satipaṭṭhāna*, tứ niệm xứ) đúng như chúng thực là. Này các Tỷ kheo, đây là cách một Tỷ kheo là thiện khéo về những trú xứ.”)

1342 [Sáu kỹ năng (2)-(7) này, trừ kỹ năng (1), cũng đã được nói trong kinh **6:24** là (1)-(6), (và trong chú thích của kinh đó).] (1499)

- {Và nhân tiện, chép luôn lại chú thích khá dài trong kinh **6:24** về các kỹ-năng thiện khéo đó, như sau:

[**Mp** giải thích: “*Thiện khéo về chứng-nhập trong định* (*samādhissa*

samāpattikusalo): người đó thiện khéo trong việc chứng đắc định, sau khi hiểu rõ loại thức ăn và khí hậu nào là phù hợp (?). *Thiện khéo về thời-gian chứng-nhập trong định (samādhissa thitikusalo)*: người đó có khả năng duy trì sự định-tâm (tức trạng thái nhập định, tầng thiền định). *Thiện khéo về sự thoát-ra khỏi định (samādhissa vuttānakusalo)*: người đó có thể thoát ra khỏi trạng thái định (tầng thiền định) vào một thời điểm đã định trước (trước khi nhập định). *Thiện khéo về sự phù-hợp để đạt định (samādhissa kallitakusalo)*: người đó có thể làm hoan hỷ cái tâm để đạt định, làm cho nó thích hợp để nhập định. *Thiện khéo về trú-xử của định (samādhissa gocarakusalo)*: sau khi tránh những điều không phù hợp và không hữu ích cho sự đạt định, người đó theo đuổi những điều phù hợp và hữu ích để đạt định, người đó biết ‘*Sự định tâm này lấy một dấu-hiệu (tướng) làm đối-tượng của nó; sự định tâm này lấy một đặc-tính làm đối-tượng của nó.*’ Còn *thiện khéo về giải-pháp đối với định (samādhissa abhinīhārakusalo)* là: để chứng nhập vào những tầng thiền định cao hơn và cao hơn, người đó có khả năng hướng [tâm] tới trạng thái định của tầng thiền định thứ nhất và thứ hai...”

- **Mp-ṭ** bổ sung thêm mấy thông tin về các kỹ năng này như vậy: “*Thiện khéo về sự phù-hợp* là: có khả năng làm cho tâm chứng nhập [định] bằng cách loại bỏ những trạng thái ngược lại và bằng cách áp dụng một cách cân-đối điều hòa các nguyên nhân phối hợp cho sự định-tâm. *Thiện khéo về trú-xử*: là thiện khéo về những điều cần phải làm để tạo ra sự định-tâm; thiện khéo về nơi mà nó diễn ra, tức là đề-mục thiền; và thiện khéo về sự kết hợp ‘sự chánh-niệm và sự rõ-biết’ để đến một nơi chốn để khát thực. *Thiện khéo về giải-pháp*: có khả năng hướng dẫn hay dẫn dắt [tâm] đến trạng thái định của tầng thiền định thứ nhất, thứ hai... bởi vì những tầng thiền định đó thuộc về sự (trình độ, tu bậc) khác-biệt.” Để coi thêm những kỹ năng cần có để làm-chủ về thiền định, coi thêm kinh **7:40**, **7:41**, và toàn bộ Chương **34** (quyển 3) của *Bộ Kinh Liên Kết (SN)*.] (1291).}

1343 [Lại lần nữa, **Ee** coi kinh này là phần liên tục của kinh kế trên; tôi làm theo **Ce** và **Be**, coi đây là một kinh riêng như vậy. Như vậy sự đánh số kinh của tôi giờ lại vượt **Ee** 3 số.] (1500)

1344 [Về cách mô tả người ‘*không có mười*’, mời quý vị đọc lại kinh **7:20** và những chú giải về thành ngữ này. Bảy điều đang nói ra cũng giống trong kinh **7:20** đó.] (1051)

1345 (Coi lại chú thích chỗ này ở kinh **7:20** như vậy:) [Nguyên văn câu này là: *icchāvinaye tibbacchando hoti āyatiñca icchāvinaye avigatapemo*. Ở đây tôi

dịch chữ *icchā* là “những ước nguyện vô ích” và chữ *chanda* là “mong-muốn”. Còn **Mp** thì diễn dịch chữ *icchā* là đồng nghĩa *taṇhā*: dục vọng.] (1473)

1346 [*Trạm-trú của thức* là tạm dịch chữ *viññāṇaṭṭhitiyo*. Chữ này được dùng ở đây theo nghĩa khác với nghĩa của nó trong kinh **SN 22:54** (Quyển 3), trong đó 04 *viññāṇaṭṭhitiyo* là 04 uẩn có chức năng là những *sự hỗ-trợ đối với thức* (*viññāṇa*). Còn trong kinh này, chúng có nghĩa là những *cảnh-giới tái sinh* (của thức, tâm thức). **Mp** gọi chúng là “những nền-tảng cho thức tái-sinh” (*paṭisandhiviññāṇassa ṭhānāni*). Cái nghĩa nguyên-thủy của ‘bảy điều’, như được mô tả ở đây, có lẽ đã bị mất. **Mp** luận giải chúng dựa theo nền tảng phân biệt trong *Vi Diệu Pháp* (Abhidhamma) đối với những loại thức tái-sinh; chỗ này coi thêm **CMA 179–80.**] (1502)

1347 [**Mp** giải thích: “Chúng sinh con người khác nhau về thân (*nānattakāyā*) bởi không có hai người nào có thân giống nhau y hệt như đúc. Họ khác nhau về nhận-thức (*nānattasaññino*) bởi trong một số người nhận-thức tái sinh (*paṭisandhisaññā*) của họ có ba gốc rễ (3 căn), trong có những người khác có hai gốc rễ (2 căn), và có những người khác không có gốc rễ nào (0 căn). Những thiên thần được nói ở đây là sáu loại thiên thần thuộc cõi dục-giới. Những chúng sinh trong cõi dưới (đọa xứ) là chỉ một số quỷ dạ-xoa (*yakkha*) và những nga quỷ trong cảnh đày đọa khổ đau.”] (1503)

1348 [**Mp** giải thích: “Đây là những thiên-thần trong triều chính của Trời Brahmā (Phạm thiên), những quan thần của trời Brahmā, và những vị trời brahmā lớn khác. Thân của họ khác nhau tùy theo hạng của họ, nhưng nhận-thức của họ là giống nhau bởi họ đều có nhận-thức thuộc tầng thiên định thứ nhất (Nhất thiên). Những chúng sinh trong bốn cảnh giới đau khổ (đọa xứ, cõi dưới) cũng thuộc về nhóm này. Tức thân của họ khác nhau, nhưng tất cả họ đều có một nhận-thức [tái sinh] là nghiệp quả bất thiện không gốc-rễ (vô căn).”] (1504)

1349 [**Mp** đã lấy “những thiên-thần chiếu hào quang thành dòng” (*devā ābhassarā*, quang minh thiên) để đại diện cho tất cả 03 loại thiên thần (có tâm thức) thuộc tầng thiên định thứ hai (Nhị thiên), gồm có: *những thiên-thần có chiếu sáng hạn chế* (thiếu quang thiên), *những thiên-thần chiếu sáng vô lượng* (vô lượng quang thiên), và *những thiên thần chiếu hào quang thành dòng* (quang âm thiên). Trong mỗi cảnh giới, thân của họ giống nhau vì họ có cùng hạng nhưng nhận-thức của họ khác nhau, trong đó có số không còn ý-nghĩ (tâm) nhưng còn sự soi-xét (tứ), tức hết tâm còn tứ (*avitakka-vicāramattā*), một số khác thì không còn tâm và tứ (*avitakka-avicārā*).”] (1505)

1350 [**Mp** giải thích: “*Những thiên-thần hào quang chói lọi (subhakinhā, biến tịnh thiên)* giống nhau về thân, và cũng giống nhau về nhận-thức bởi họ đều có nhận-thức thuộc về tầng thiên định thứ tư (Tứ thiên) [theo khuôn mẫu của *Vi Diệu Pháp* về 05 tầng thiên định]. *Những thiên-thần phước quả lớn* (quảng quả thiên) [là những thiên thần được tái sinh thông qua (tâm thức của) tầng thiên định thứ năm (Ngũ thiên) theo khuôn mẫu ‘05-tầng thiên định’ mới nói] thì có thể nằm trong trạm-trú thứ tư này của thức. Những chúng sinh không-còn nhận-thức (phi tướng) thì không có thức và do vậy không tính trong số này.”] (1506)

1351 [*Những thiên-thần không có nhận-thức* (phi tướng) và *những thiên-thần thuộc cảnh xứ vừa không có nhận-thức vừa có nhận-thức* (phi tướng phi phi tướng xứ) là nằm trong số 09 cõi chúng sinh [coi kinh **9:24**] nhưng không nằm trong 07 trạm trú của thức.] (1507)

1352 [Nguyên văn câu cuối: *Ariyo sammāsamādhī sa-upaniso itipi sapaṛikkhāro itipi. “Những phương tiện hộ-trợ” (upanisā)* và “*những phụ-liệu (hay phụ phần) cần phải có*” (*parikkhārā*) chính là bảy phần thánh-đạo. Coi thêm kinh **MN 117**.] (1508)

1353 [Ý nghĩa của bảy loại lửa này sẽ được giảng giải trong kinh kế tiếp.] (1509)

1354 [**Mp** giải thích bản thân chữ *thūṇa* là trụ (cột) té đàn: *yūpasāṅkhātama thūṇama*.] (1510)

1355 [Nguyên văn câu này là: **Ce** và **Be** ghi *atohayama* [**Ee** ghi *ato ‘yama*], *brāhmaṇa, āhuto sambhūto*. **Mp** diễn dịch: *atohayan ti ato hi mātāpitito ayam āhuto ti āgato*. Ở đây dường như có sự chơi chữ giữa chữ *āhuta* là đại diện cho *ābhūta* (bắt nguồn, xuất thân) và là quá khứ phân từ của *ājuhati* (cúng, cúng tế). Coi thêm **DOP sv āhuta**¹ và *āhuta*².] (1511)

1356 [Nguyên văn cụm chữ này: *appaṭikulyatā saṅghāti*. Nghĩa gốc là: “*nếu sự không ghê-sợ được thiết lập*”.] (1512)

1357 [Nguyên văn câu này: *Natthi me pubbenāparaṃ viseso*. Tôi dựa theo cách diễn dịch cụm chữ *pubbenāparaṃ visesa* trong **Mp** giải thích là: “*Không có sự khác-biệt nào giữa trước tôi chưa tu tập và lúc sau tôi đã tu tập*” (*natthi mayham pubbena abhāvitakālena saddhiṃ aparaṃ bhāvitakāle viseso*). Trong một ngữ cảnh khác, cụm chữ *pubbenāparaṃ visesa* có nghĩa là ‘những giai-đoạn xuất tu tốt liên tục’ đạt được nhờ sự thiên tập, nhưng cách giải thích như vậy

không hợp trong ngữ cảnh ở đây.] (1513)

1358 [Mp quy kết *sự tạo-nên cái ‘ta’ (ahaṅkāra)* là những quan-điểm này nọ (tà kiến, ngã kiến), *sự tạo-nên cái ‘của-ta’ (mamaṅkāra)* với dục-vọng, và *sự tự-ta* với 09 sự tự-ta (*navavidhamāna*), đó là: coi ‘ta’ là hơn, bằng, hay kém so với mỗi người *thực sự* là hơn, bằng, hay kém. “*Đã vượt trên sự phân biệt đối đãi*” (*vidhāsamatikkanta*) có nghĩa đã vượt khỏi ba sự phân biệt ‘ta’ là hơn, bằng, hay kém.] (1514)

1359 [Mp chú giảng đại ý rằng: Ông bà-la-môn hỏi như vậy vì ông ta nghĩ rằng: “Theo hệ thống bà-la-môn giáo, một người sống đời sống độc thân 48 năm để học các kinh Vệ-đà (Veda). Nhưng sa-môn Cồ-đàm, đã từng sống ở nhà, thụ hưởng ba loại vũ nữ trong ba cung điện. Giờ ông ta sẽ nói sao?” ... Nhưng Phật đã trình bày và tuyên thuyết hùng hồn như cát tiếng gấm sư tử làm cho ông bà-la-môn phải thán phục và xin quy y theo Phật....] (1515)

1360 [Nguyên văn câu này là: *Samyogavisamyogaṃ dhammapariyāyaṃ*. Tựa bài kinh cũng có thể được dịch là “*sự kết-hợp và sự không kết-hợp*”.] (1516)

1361 [Nguyên văn Pāli của những chữ này là: *itthikuttaṃ, itthākappaṃ, itthividham, itthicchandaṃ, itthissaraṃ, itthālaṅkāraṃ*. Rõ ràng, đây là bảy điều, và bên phía nam [*purisa* thay chữ *itthi*] cũng bảy điều nên kinh này được kết tập trong *Quyển “Bảy”* này. Tôi dịch dựa trên cơ sở giải thích của Mp đưa ra.] (1517)

1362 (Nhân tiện coi lại chú thích chữ này trong kinh **6:61** như sau: [Đây chính là kinh **Sn 1042**. Chương “*Pārāyana*” (*Đáo Bỉ Ngạn, Vượt Qua Bờ Kia*) là chương thứ năm và cuối cùng của quyển *Kinh Tập*, thuộc *Bộ Kinh Ngắn (Tiểu Kinh Bộ)*. (Giống như chú thích thứ hai trong kinh **3:32**).] (1394)

1363 [Ở đây lời kinh dùng chữ *ātitheyya* nghĩa là: món quà theo truyền thống để tặng cho khách như một biểu hiện của lòng mến khách.] (1521)

1364 [Nguyên văn lời tán thán này là *acchariyaṃ abbhutaṃ*. Mặc dù cụm chữ này thường được dịch nghĩa là “kỳ diệu và tuyệt vời”, nhưng nó không phải luôn có nghĩa chỉ *sự tán thán, ca ngợi* nhưng cũng có nghĩa chỉ *sự đáng ngạc nhiên, làm sững sờ*. Dĩ nhiên sự khác nhau giữa hai ý nghĩa này cũng không xa hay quá khác biệt, giống như kiểu hai chữ “kỳ diệu” và “tuyệt vời” cũng không quá khác biệt vậy, chúng đều có thể diễn tả sự thán phục và ngợi khen cũng có thể diễn tả sự đáng ngạc nhiên và kỳ lạ.] (1522)

1365 [**Be** và **Ee** ghi là *sallapissasī ti*. **Ce** ghi là *sallapissatī ti*, ở ngôi thứ ba, có lẽ do lỗi biên tập.] (1523)

1366 [**Be** và **Ee** ghi là *vadhe vā vajjhamāne vā*; **Ce** ghi là *baddhe vā vajjhamāne vā*. Bản dịch tiếng Tích Lan cổ [Sinhala] theo **Ce** cũng không nhất quán với phiên bản Pāli của bài kinh. Tôi gợi ý đọc khác với cách ghi của cả ba phiên bản, nên đọc là *baddhe vā bajjhamāne vā*. Theo cách này thì ba cặp ngữ sẽ thể hiện thứ tự là bắt, nhốt tù, và xử tử.] (1524)

1367 [“*Sự biến đổi của tâm*” là tạm dịch cụm chữ: *cittassa aññathattaṃ*. Lời diễn đạt này cũng được lặp lại trong đoạn kể dưới. Cách dịch của tôi có ý để cho phù hợp với cả hai trường hợp. Trong trường hợp này, “*sự biến đổi của tâm*” là chỉ tâm của mọi người bình thường chưa tu tập thì sẽ bị điên tiết quản trí vì con bị bắt giết; trường hợp thứ hai, “*sự biến đổi của tâm*” diễn tả sự kinh sợ khi nhìn thấy chồng là quỷ dạ-xoa như vậy.] (1225)

1368 [Nguyên văn câu này: *Yatra hi nāma cittuppādampi parisodhessasi*. Nghĩa gốc là “*rằng cô sẽ thanh lọc ngay cả sự khởi sinh của tâm.*”] (1526)

1369 [Nguyên văn: *Yakkhayoniṃ*. **Mp** giải thích: “Cõi quỷ thần này là trạng thái của một địa-thần (*bhummadevatābhāvaṃ*)”. Chữ *yonī* được dùng ở đây theo nghĩa là “cõi”, và do vậy chữ *yakkhayoni* không hàm nghĩa rằng những quỷ *yakkha* được sinh ra từ bào thai.] (1527)

1370 (“Vi phạm” (về vợ-chồng) ở đây có nghĩa, ví dụ như, bắt kính, ngoại tình ...)

1371 [Điều này làm nên trạng thái Bất-lai, là người đã dẹp bỏ năm gông-cùm nhẹ đô, nhưng còn năm gông-cùm nặng đô thì chưa dẹp bỏ được.] (1528)

1372 [*Những điều (hay luận điểm) đã không được tuyên bố (abyākatavatthūni)* là 10 vấn đề mà Phật đã không nói ra, đó là: thế giới là trường tồn hay không trường tồn; thế giới là vô hạn hay hữu hạn; ‘linh hồn’ [nguyên lý sự sống] và thân thể là một hay khác với thân thể, và 04 vấn đề liên quan trạng thái của Như Lai sau khi chết.] (1529)

1373 [Nguyên văn các cụm chữ này: *na chambhati, na kampati, na vedhati, na santāsaṃ āpajjati abyākatavatthūsu*. **Ce** cũng có ghi chữ *na calati*, nhưng **Be** và **Ee** thì không.] (1530)

1374 [(*Người tu ở đây là cách dịch chung qua tiếng Việt. Nguyên văn là: người, cá nhân, cá thể*). **Mp** giải thích chữ *purisagatiyo* là đồng nghĩa với *purisassa ñānagatiyo*, nghĩa là “*sự di chuyển trí-biết của một người*”. Tuy nhiên, bài kinh chỉ tỏ ra liên quan chính tới nơi-đến (*gati*) sau khi chết. Bản tương đương trong Hán tạng, **MÃ 6 (T I 427a13-c24)**, dịch tựa bài kinh từ tiếng gốc Ấn Độ [tương ứng với chữ *satta purisagatiyo*] ra tiếng Hán là 七善人所往至處, có nghĩa là “*bảy nơi những người tốt được tái sinh.*” (1531)

1375 [Nguyên văn là: *No c’assa no ca me siyā, na bhavissati na me bhavissati*. Câu mật ngữ này được ghi trong các bộ kinh *Nikāya* theo hai phiên cách. Một phiên cách là cách ngôn của những người tư tưởng tự hủy-diệt (đoạn kiến); phiên cách thứ hai là sự ứng dụng của Đức Phật để chuyển câu công thức đó thành cách để chỉ dạy những giáo lý của Phật. Phiên cách tư tưởng tự hủy-diệt ghi là: *no c’ assam no ca me siyā, na bhavissāmi na me bhavissati*: (tạm dịch là) “Điều đó không nên xảy ra; nó không nên xảy ra với ta, điều đó sẽ không xảy ra; nó sẽ không xảy ra với ta.” Vì hai vế này chỉ khác nhau ở chỗ hai động từ—“*no c’ assam vs. no c’assa*” và “*na bhavissāmi vs. na bhavissati*”] (1532)

1376 [Nguyên văn cả câu này: *Atth’uttariṃ padaṃ santam sammappaññāya passati*. **Mp** dịch nghĩa là: “Người đó nhìn thấy bằng trí-tuệ của đạo cùng với sự minh-sát rằng: ‘Có một trạng thái bình an cao siêu hơn, đó là Niết-bàn.’] (1533)

1377 [Chỗ này nói ra ba loại ô-nhiễm chưa được trừ bỏ là để phân biệt bậc Bất-lai với bậc A-la-hán; bậc A-la-hán thì đã loại bỏ sạch sẽ mọi ô-nhiễm.] (1534)

1378 [Theo cách luận giải của Theravāda (Trường Lão Bộ) thì **Mp** giải thích *antarāparinibbāyī* là người đã chứng ngộ Niết-bàn—trạng thái diệt sạch ô-nhiễm—trong khoảng thời gian từ ngay sau khi tái sinh cho tới giữa-đầu kiếp sau = trong nửa-đầu kiếp sau. Như vậy luận điểm này hình như đang mâu thuẫn với những ví dụ mô tả kể bên dưới.] (1535)

1379 [Ba ví dụ này mô tả 03 loại *antarāparinibbāyī* (người chứng ngộ Niết-bàn trong nửa-đầu kiếp sau). Mặc dù những luận điểm dựa trên những ví dụ không phải lúc nào cũng đáng tin cậy, ba ví dụ này lại gợi ý “*người chứng ngộ Niết-bàn trong nửa-đầu kiếp sau*” sẽ chứng Niết-bàn trước khi xảy ra tái sinh. Giống như ba mảnh mìn sắt bị tắt ngòi sau khi bay ra khỏi cái nòng nỏ *nhưng trước khi rớt xuống đất*, do vậy [theo cách diễn dịch của tôi] ba loại người này chứng ngộ Niết-bàn ngay sau khi bước vào trạng thái trung-gian, hoặc trong

khi đang ở trong trạng thái trung-gian, hoặc ngay trước khi xảy ra sự tái sinh. Trong trường hợp này, họ lập tức chứng nhập yếu-tố (giới) Niết-bàn không còn tàn dư (*anupādisesanibbānadhātu*, vô dư y niết-bàn giới).] (1536)

1380 [Mp diễn dịch loại người này là người chứng ngộ Niết-bàn trong thời gian từ giữa-kiếp cho tới hết-kiếp (chết). Tuy nhiên, chữ *upahacca* (nghĩa là: *sau khi đã đụng, sau khi đã chạm tới*) và ví dụ mụn sứt bay ra và rớt chạm xuống đất cho thấy loại người này là người chứng ngộ Niết-bàn hầu như lập tức sau khi tái sinh (sau khi mụn sứt “tát nguội” ngay sau khi chạm xuống đất, sau khi đáp xuống đất (chạm xuống đất)” đất).] (1537)

1381 [Theo cách diễn dịch của các giảng luận thuộc *Trường Lão Bộ* (Theravāda) coi hai hạng Bất-lai kế tiếp—đó là: *người chứng ngộ Niết-bàn không cần cố-gắng thêm* (*asañkhāraparinibbāyī*) và *người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm* (*sasañkhāraparinibbāyī*)—là hai cách khác mà loại người *antarāparinibbāyī* (người chứng ngộ Niết-bàn ngay nửa-đầu kiếp sau) và loại người *upahaccaparinibbāyī* (người chứng ngộ Niết-bàn ngay nửa-sau kiếp sau) chứng ngộ mục tiêu niết-bàn, thì những ví dụ về mụn sứt đã cho thấy, một cách rõ ràng, rằng năm-hạng Bất-lai [hoặc bảy-hạng, nếu không tính chung ba loại đầu thành một hạng] là khác biệt nhau từ mức độ nhạy-bén hơn xuống mức chậm-trễ hơn. Như vậy nếu, như **Mp** đã nhất quyết định nghĩa loại *upahaccaparinibbāyī* là *người chứng ngộ Niết-bàn trong nửa-sau kiếp sau*, thì sẽ đâu còn chỗ cho hai loại sau loại *người chứng ngộ Niết-bàn không cần cố-gắng thêm* và loại *người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm*.] (1538)

1382 (Về hạng thánh Bất-lai này và cõi trời *Akaniṭṭha*: mời quý vị coi lại chú thích ở kinh **4:131**, đoạn (2), chú thích (828). Nhân tiện trích dẫn luôn chú thích đó như vậy: [Nguyên văn câu cuối chỗ này: *Uddhamsotassa akaniṭṭhagāmino puggalassa*. Chỗ này chỉ hạng chậm-trễ nhất trong năm-hạng thánh Bất-lai, đó là người đang tiến dần dần từ cõi thấp đến cõi cao hơn trong năm cõi trời trong-sạch (tịnh cư thiên) và đang hướng thượng tới cõi cao nhất trong số đó là cõi trời *Akaniṭṭha* (Sắc cứu kính thiên). Loại người này cũng được nói ra để chỉ hạng còn thô tế nhất (trong 5 hạng thánh Bất-lai) là người vẫn còn dính những gông-cùm bị tái-sinh, mặc dù những hạng tinh tế nhạy bén hơn của bậc Bất-lai cũng còn dính những gông-cùm này. (Tái sinh ở đây là họ tái sinh từ cõi thấp tới cõi cao trong 5 cõi trời trong-sạch đó, chứ không còn tái sinh lại cõi thấp hơn).] (828).] (1539).

1383 [Nguyên văn cụm chữ này: *anupādisesā suvimuttā*. **Mp** nói cụm chữ này mô tả sự chứng đắc của 500 Tỷ kheo ni trong Ni đoàn của trưởng ni

Mahāpajāpatī (đi mẫu của Đức Phật), là những người đã được giải-thoát không-còn tàn dư hơi hướng dính-chấp (chấp thủ) nào (*upādānasesam aṭṭhapetvā*). Lời kinh tiếp theo của bài kinh đã nói rõ chữ *anupādisesa* ở đây có nghĩa là họ đã loại bỏ tất cả mọi ô-nhiễm, không-còn tàn dư ô-nhiễm nào, chứ không phải họ đã chứng yếu-tố (giới) Niết-bàn không-còn tàn dư (*anupādisesanibbānadhātu*, vô dư y niết-bàn giới.) (1540)

1384 [Tiếp theo từ (1)-(7) lần lượt nói ra bảy loại người. Hai loại đầu (1)-(2) là những A-la-hán không còn tàn dư ô-nhiễm nào; năm loại còn lại (3)-(7) là những bậc học-nhân vẫn còn ít nhiều tàn dư ô-nhiễm.] (1541)

1385 (Như đã giải thích ở nhiều chỗ khác: ‘*sự giải-thoát về cả hai phương diện*’ là *được giải thoát bằng cái tâm đã hết ô-nhiễm* (vô nhiễm, sạch nhiễm) và *được giải thoát bằng trí-tuệ*. Có người chỉ được giải thoát bằng một trong hai cách thôi.)

1386 [Theo cách xếp loại thông thường của 07 loại thánh nhân thì loại người thứ bảy là *người tu theo niềm-tin* (*saddhānusārī*, người căn-tín). Tuy nhiên, trong kinh này vị trí thứ bảy lại là “*người an trú trong sự vô dấu-hiệu*” (*animittavihārī*). **Mp** nói rằng Đức Phật thực sự đang mô tả *người căn-tín* là người tu tập minh-sát (thiền quán) mạnh mẽ (*balava-vipassakavasena*). **Mp** giải thích rằng “*tất cả mọi dấu-hiệu*” là tất cả mọi dấu-hiệu của vô-thường, khổ, vô-ngã, và “*sự định-tâm vô dấu-hiệu*” (*animittaṃ cetosamādhim*) là sự định tâm của sự minh-sát mạnh mẽ (*balavavipassanāsamādhim*). Có khả năng **Mp** đang cố hợp lý hóa chỗ sai biệt bất thường về *thứ tự* này trong kinh điển, vốn có thể biểu lộ một sự hiểu biết nào khác về loại thánh nhân thứ bảy.] (1542)

1387 [Đây là bài kinh song hành được mở rộng của kinh **5:34**, bằng cách đưa thêm các phần nội dung có trong kinh **5:38**] (1543)

1388 (Như chú thích thứ hai (1012) trong kinh **5:34**: [Nguyên văn là chữ *sandīṭṭhikaṃ dānaphalaṃ*, có nghĩa gốc là: *một lợi ích có thể được ném trải ngay trong kiếp này*.] (1012).)

1389 [Kinh này thuộc dạng kết hợp thành “bảy-điều” (bảy pháp), gồm một bộ bốn-điều và bộ ba-điều mà không bộ nào đã từng xuất hiện trong một kinh riêng nào của AN. Tuy nhiên, bộ bốn-điều có hơi hướng như trong kinh **5:100**.] (1545)

1390 [Tôi đọc theo **Be** và **Ee** ghi là *tava sāvakā*, khác với **Ce** ghi là

tathāgatasāvaka.] (1546)

1391 [Kinh này là một kinh song hành được mở rộng từ kinh **5:201** và **6:40**, chỉ chen thêm sự định-tâm là thành điều số (5).] (1547)

1392 (Như chú thích thứ nhất ở kinh **5:201**;) [**Be** và **Ee** đọc là *veḷuvane*; **Ce** đọc là *niceluvane*. **Mp** (của **Be**) có chữ *niculavane* trong bổ đề, và được giải thích là đồng nghĩa *mucalindavane*. Cả **PEĐ** và **SED** đều ghi *nicula* là một loại cây (như cây nước mặn ở nước ngọt?), và được nhận dạng tên khoa học là *Barringtonia acutangula*: cây lộc vùng.] (1209)

1393 (Như chú thích thứ hai ở kinh **5:201**;) [Ở đây từ chữ của lời kinh khó định rõ được phần vấn đáp của Kimbila và Đức Phật là nói chung về những điều-kiện làm cho giáo lý của những vị Phật biến mất hay là nói về những điều-kiện làm cho giáo lý của Đức Phật (Thích-Ca) sẽ biến mất (sau khi Phật qua đời). **Mp** dường như ủng hộ nghĩa đầu. **Mp** giảng luận rằng Kimbila đã từng là một Tỷ kheo trong của Đức Phật Kassapa (Ca-Điếp) trong đại kiếp trước, vào cái thời mà giáo lý của vị Phật đó đang bị suy tàn. Giờ thầy ấy hỏi tưởng lại thời kiếp quá khứ đó và muốn tìm hiểu từ Đức Phật hiện tại (Thích-Ca) về nguyên nhân gây ra sự sa sút của Giáo Pháp trong thời kiếp trước. Nhà sư Brahmāli đã không đồng tình với tôi về điều này, và thầy ấy viết rằng: “[Bản dịch] này dường như cho rằng Kimbila chỉ đang suy nghĩ những điều về thế gian, về những Như Lai như một loại chúng sinh. Nhưng đối với tôi thì có lẽ thầy ấy đặc biệt quan tâm đến ‘điều gì sẽ xảy ra sau khi Đức Phật Thích-Ca qua đời.’”] (1210)

1394 [*Pacalāyamāno nisinno hoti*: đang ngồi và ngủ gục. Ngay bên dưới có câu hỏi của Phật nguyên văn là “*Pacalāyasi no?*”, **Mp** đã giải nghĩa là “*Niddāyasi nu*”: *Có phải thầy đang ngủ thiếp phải không?* **Mp** giải thích: “Khi đang ở trong một ngôi làng để nhờ thức ăn khát thực, thầy Mục-kiền-liên đã thiền tập ở trong khu rừng. Sau bảy ngày thầy ấy đã nỗ lực đi-thiền và sự nỗ lực đó đã làm thầy ấy đuối sức. Vì vậy thầy ấy đã ngủ gục [ở chỗ ngồi] ở cuối lối đi-thiền.”] (1548)

1395 [Phần đối thoại này cũng có ghi trong kinh |MN 37.2–3, nhưng ở đó vua trời Đế-thích (Sakka) là người hỏi (thay vì thầy Mục-kiền-liên).

- **Mp** chú giải đoạn kinh kế tiếp như vậy: (a) “*Không có gì* [nghĩa gốc: *không phải tất cả mọi thứ*] *là đáng để bám vào* (hay nắm giữ) (*sabbe dhammā nālaṃ abhinivesāya*): ở đây, chữ ‘*sabbe dhammā*’ (*tất cả mọi thứ*) là chỉ tất cả năm-

uẩn, mười hai cơ-sở cảm-nhận (sáu nội xứ và sáu ngoại xứ), và mười tám yếu-tố (giới). Những thứ này đều không đáng để nắm chấp hay bám vào theo cách của dục-vọng và những quan-điểm này nọ (tà kiến). Tại sao không đáng? Bởi chúng đâu có tồn tại theo cách chúng được nắm chấp hay bám vào. Chúng được nắm chấp là thường-hằng, sướng, và có bản-ngã nhưng đích thực chúng lại là vô-thường, khổ, và vô-ngã! Bởi vậy chúng đâu đáng để nắm chấp hay bám vào. (b) Người tu trực-tiếp biết chúng nhờ sự hoàn-toàn hiểu về mọi sự/mọi thứ đã được biết (nātapariññāya abhijānāti) (hiển nhiên, dễ dàng thấy được) là vô-thường, khổ, và vô-ngã. Người tu hoàn-toàn hiểu chúng theo cách tương tự nhờ sự hoàn-toàn hiểu nhờ tra xét kỹ càng (tīraṇapariññāya pari-jānāti).”

- Chữ “*tất cả mọi thứ*” theo cách dịch của tôi (TKBĐ) là dựa theo luận giải của **Mp** liên quan tới nghĩa “*chẳng có gì, không có gì*” của bài kinh, bởi cụm chữ Pāli này trong bài kinh là một dạng phủ-định của chữ *sabbe dhammā* (nên ra nghĩa là “*không phải tất cả mọi thứ*”). Về ba loại *sự hoàn-toàn hiểu (pariññā)*, mời coi thêm **Vism 606,18–607,23; Ppn 20.3–6.**] (1549)

1396 [**Ee** không tính kinh này là một kinh riêng, mặc dù **Ee** đã đóng khung toàn bộ lời kinh trong ngoặc. Bài thi kệ tóm lược (*uddāna*) ở cuối kinh này trong phiên bản **Ee** không có câu nào để nhắc nhớ về lời của kinh này, điều này có thể là lỗi ghi chép. **Ce** dùng chữ *mā puñña* là nhắc nhớ; còn **Be** thì có chữ *mettā* là chữ để nhắc nhớ và đặt tên kinh là *Kinh Tâm-Từ*] (1550)

1397 [Về sự tiến-hóa (hay khởi tạo, hình-thành lại) của một hệ thế giới mới sau thời kỳ tan-hoại, mời coi lại kinh dài **DN 1.2.2–4.**] (1551)

1398 [**Ce** có ghi trong ngoặc chữ *sattakkhattum* (bảy lần), trong **Be** và **Ee** thì không có. Việc thêm vào chữ này cũng có thể được làm để cho khớp giống với lời của thi kệ.] (1552)

1399 [Đoạn này là đoạn kinh ‘mẫu’ mô tả một vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương). Về bảy báu, mời coi thêm kinh **MN 129.34–41.**] (1553)

1400 [**Ee** ghi danh từ này là *Jambusaṇḍassa*; **Ce** ghi *Jambudīpassa* [có lẽ là sự bình thường hóa]; **Be** ghi *Jambumaṇḍassa*. *Jambusaṇḍassa* cũng được ghi trong kinh **Sn 552 = Th 822**. Tôi thì quen dùng với chữ *Jambudīpa*: Đảo Táo Hồng, tức chỉ đại lục Ấn Độ.] (1554)

1401 [Tôi đọc theo **Ce** và **Ee** là *asāhasena dhammena*, khác với **Be** ghi là

asāhasena kammaena.] (1555)

1402 [Câu này **Ce** ghi là *pathavyo* [**Ee** *pathabyo*] *yena vuccati*. Cách ghi của **Be** là ít thỏa đáng nhất như vậy: *pathabyo me na vipajjati.*] (1556)

1403 [‘*Ta đã là*’ hay ‘*Ta từng là*’, chữ này tôi đọc theo **Ce** và **Ee** là *homi* ở đây và ở dòng đầu của câu kế tiếp. Còn **Be** thì ghi là *hoti* ở cả hai chỗ.] (1557)

1404 [Đoạn thi kệ cuối cũng giống đoạn cuối thi kệ của kinh **4:21.**] (1558)

1405 [Nguyên văn cụm chữ cuối: *vadhadaṇḍatajjitā*. **Mp** diễn dịch đó là tình huống đáng sợ kiểu như: “Lúc đó chồng cô ta cầm roi gậy và dọa đánh giết: ‘*Tao sẽ giết mày*.’” (*daṇḍakaṃ gahetvā vadhena tajjitā*, “*ghātessāmi nan*” *ti vuttā*).] (1559)

1406 [Bài kinh quan trọng này có bản tương đương trong Hán Tạng là **MĀ 129**, trong Đại Tạng (Taiso) **T I 617b19–618b16.**] (1560)

1407 [Nguyên văn câu kệ này: *Atho atthaṃ gahetvāna, anattaṃ adhipajjati*. Ba phiên bản đều ghi giống nhau như vậy, nhưng bản cổ hơn tiếng Tích Lan lại ghi chữ *adhigacchati* và một bản cổ tiếng Thái cổ (Xiêm-la, Siam) có ghi chữ *paṭipajjati*. Cả ba cách ghi đều có nghĩa tương đương, chỉ khác nhau một chút về những cách biểu nghĩa. Dòng kệ này rõ ràng nói về sự nguy-hại thứ hai của sân-hận trong phần lời kinh chính bằng văn xuôi ở trên. **Mp** nói rằng “*sau khi đạt được điều ích lợi, người đó lại nghĩ ‘Ta đã có thứ nguy hại*” (*vuddhiṃ gahetvā . . . anatto me gahito ti sallakkheti*). Bản tương đương tiếng Hán trong Đại Tạng **618a12** có ghi 應獲得大財, 反更得不利, nghĩa là “*khi người đó đã đạt được sự giàu có đại phú, thì ngược lại người đó rước vào sự nguy hại.*” (nghe cũng có lý riêng của nó).] (1561)

1408 [Tất cả ba phiên bản đều ghi *vadhaṃ katvāna* (*sau khi đã giết chóc*), tôi cũng dịch theo như vậy, như ở đây có một biến từ là *vaṇaṃ katvāna* (*sau khi đã làm bị thương*). **Mp** dường như ủng hộ chữ *vadhaṃ* nên nó giải nghĩa là “*người đó phạm vào hành vi sát sanh*” (*pāṇātipātakammaṃ katvā*). Bản Hán tạng trong Đại Tạng **618a15** thì chỉ ghi 瞋作身口業, nghĩa là “*người sân hận làm hành-động* (thân hành) *hay lời-nói* (khẩu hành).”] (1562)

1409 [Tôi đọc theo **Ce** và **Be** là *yathātathaṃ*, khác với **Ee** ghi là *yathākathaṃ.*] (1564)

1410 [**Mp** nhận định chữ “*bà-la-môn*” ở đây (nghĩa) là một A-la-hán (*khīṇāsavabrāhmaṇaṃ*) (giống như Phật có mô tả một người giác ngộ, đã qua bờ bên kia và đạt tới sự an toàn tối thượng, là ‘*một bà-la-môn đứng trên vùng đất cao*’).] (1565)

1411 [Nguyên văn câu này: *Hanti kuddho puthuttānaṃ*. Tôi dịch câu này theo cách **Mp** giải nghĩa chữ *puthuttānaṃ* là: *puthu nānākāraṇehi attānaṃ*.] (1566)

1412 [Nguyên văn câu này: *Bhūnahaccāni kammāni*. Những luận giảng kiên quyết dịch chữ *bhūnahata* chỉ có nghĩa là *hatavuddhi*, nghĩa là: “*người hủy diệt sự phát triển*”. **SED**, **sv** ghi là *bhrūṇa*, liệt kê chữ *bhrūṇahati* có nghĩa là *giết chết phôi thai*, và chữ *bhrūṇahatyā* có nghĩa là *giết chết một bà-la-môn trí thức*.] (1567)

1413 [Đọc theo **Ce** là *ekam etaṃ akusalaṃ*; khác với **Be** ghi là *yathā metaṃ akusalaṃ* và **Ee** ghi là *ekam ekam akusalaṃ*. Tôi coi chữ ‘*phẩm chất bất thiện*’ ở đây chính là sân-hận.] (1568)

1414 [Tôi đọc theo **Ce** là *vītamohā* (không còn si, vô si), khác với **Be** và **Ee** ghi là *vītalobhā* (không còn tham, vô tham).] (1569)

1415 [Tôi đọc theo **Ce** và **Be** là *parinibbanti*, khác với **Ee** ghi là *parinibbimsu*. Một biến từ là *parinibbissatha* tạo nên lời thốt ra của ngài thứ hai số nhiều là: “*Vô nhiễm, các ngài sẽ chứng ngộ Niết-bàn*.”] (1570)

1416 [Đây là một kinh song hành được mở rộng của các kinh **5:24**, **6:50**.] (1571)

- (Nhân tiện dẫn lại chú thích ở kinh **5:24** như vậy: [Đây gần giống như kinh **5:24**; trong kinh này được mở rộng thêm điều thứ (1), và do vậy năm điều (1)-(5) trong kinh **5:24** trở thành điều (2)-(6) trong kinh này. (Và lại được mở rộng thành kinh ‘bảy-điều’ là **7:65**).] (1354).)

- (Trong kinh **7:65** này, ‘*sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức và sự sợ-hãi về mặt đạo đức*’ được đưa vào ngay thành điều (1), và do vậy sáu điều từ (1)-(6) của kinh **6:50** trở thành điều (2)-(7) trong kinh này.)

1417 [**Be** và **Ee** thì có thêm câu mở đầu là *evaṃ me sutam* (Tôi nghe như vậy).] (1572)

1418 [Một do-tuần (*yojana*) dài khoảng từ 7-9 dặm Anh.] (1573)

- 1419** [Ông cũng được nói trong kinh **6:54**.] (1576)
- 1420** [Đoạn này nói về 06 cảnh giới của sáu cõi trời dục-giới, từ cao nhất tới thấp nhất.] (1577)
- 1421** [Nguyên đoạn này và đoạn kế: trong kinh **7:62** ở trên Đức Phật cũng nói về mình y hết như vậy trong những kiếp trước. (Coi lại kinh **7:62**.)] (1578)
- 1422** [Đoạn này nói về lý do ‘chưa giải thoát, chưa hết tái sinh và khổ đau’ là giống tương tự nội dung của kinh **4:01**, và đặc biệt các đoạn tiếp theo, kể cả phần thi kệ, thì giống hết như trong kinh **4:01** đó.] (1579)
- 1423** (Trích dẫn lại chú thích chỗ này trong kinh **4:01** như sau: [*Bhavanetti: đường dẫn tới hiện-hữu*. **Mp** giải thích đó là: “Sợi dây hiện hữu (*bhavarajju*) là danh từ chỉ dục-vọng. Giống như sợi dây cột cổ con bò, sợi dây hiện hữu này dẫn dắt chúng sinh từ trạng thái hiện hữu này sang trạng thái hiện hữu khác. Do vậy nó được gọi là đường dẫn tới hiện-hữu.] (620).)
- 1424** (Coi lại chú thích câu cuối trong kinh **4:01** như sau: [*Cakkhumā parinibbuto: người có tâm-nhìn đã chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng [bát niết-bàn]*. **Mp** giải thích: “Phật chứng ngộ Niết-bàn bằng sự diệt sạch ô-nhiễm. Đây là Niết-bàn (*nibbana*) thứ nhất, xảy ra gần chỗ gốc cây Bồ-Đề. Nhưng sau đó, (khi chết) khi Phật nằm giữa hai cây sa-la (long thọ) song sinh [ở Kusinārā] thì Phật chứng ngộ Niết-bàn bằng yếu-tố Niết-bàn không còn tàn dư (vô dư y Niết-bàn giới).” (Niết-bàn cuối cùng khi chết thường được gọi là Bát-niết-bàn (*parinibbana*.)] (621).)
- 1425** (Có chú giải dài về các danh từ mô tả những loại binh lính, người dịch đã dịch nghĩa các danh từ và giải thích đại ý trong các ngoặc (...) cho gọn.) (1581)
- 1426** [Cụm chữ ‘*sự vui-sướng, sự khỏi-lo*’ là tạm dịch cho đủ nghĩa; nguyên văn là chữ: *aparitassāya*, nghĩa gốc là: “*để không có sự bị kích động bất ổn*”]. (1582)
- 1427** [Chỗ này tôi muốn đính chính chữ *dhammehi* trong **Ce** thành chữ *saddhammehi* [như trong **Be** và **Ee**]. Bản dịch tiếng Tích Lan cổ (Sinhala) cũng ủng hộ sự đính chính này với sự diễn dịch nghĩa của nó là: *sapta saddharma-yen*.] (1584)
- 1428** (Chỗ này, để diễn tả tâm lý của binh lính trong thành, người dịch dịch là

“*sự vui-sướng, sự khỏi-lo, và sự thoải-mái*”; để diễn tả nội tâm của người thiện, người dịch dịch là “*sự vui-sướng, sự an-dịu, và sự thư-thái*” và hy vọng không mất đi ngữ nghĩa của kinh gốc.)

1429 [Nguyên văn câu này: *Dvayena puggalā viditā honti*. Ở đây có một nhóm bảy cặp nằm bên trong nhóm bảy lớn hơn là nhóm bảy phẩm chất, như vậy kinh này gồm 02 nhóm “bảy”.] (1585)

1430 [DPPN có giải thích cây *pāricchattaka* là một cây lớn lên trong Vườn Nandana (hỷ lạc viên) ở cõi trời Tāvātimsa (Đao-lợi, 33). Tán nó rộng một trăm dặm đường chu vi và dưới gốc nó có ghế đá để ngồi của vua trời Đế-thích (Sakka). Cây *pāricchattaka* được cho là một trong bảy loại cây sống thọ một đại-kiếp. [Tôi biết ơn tiến sĩ Julie Plummer thuộc Khoa Sinh Học của Đại học Western Australia, đã gửi cho tôi những thuật ngữ sinh học của những giai đoạn phát triển từ mầm tới hoa được nói đến trong kinh này.] (1586)

1431 [Nguyên văn câu này là: *Na cirass’eva dāni jālakajāto bhavissati*. **Mp**: “Vào lúc này cây sẽ mọc ra những mầm nhỏ từ cành và nách cành...” (tức sẽ bước sang ‘Giai đoạn mọc mầm’, dễ thấy như cây mai, cây đào ở Việt Nam vậy).] (1587)

1432 [Nguyên văn câu này: *Na cirass’eva dāni khārajāto bhavissati*. **Mp**: “Vào lúc này những mầm hoa sẽ bung ra thành chồi hoa, tách biệt khỏi chồi lá, và lớn lên. (tức sẽ bước sang ‘Giai đoạn mọc chồi’).] (1588)

1433 [**Ce** và **Ee** ghi là: *kuḍumalakajāto*; **Be** ghi: *kuṭumalakajāto*. **Mp** giải thích rằng: “Giờ cây bắt đầu kết nụ hoa.” (tức sẽ bước sang ‘Giai đoạn kết nụ’).] (1589)

1434 [**Ce** và **Ee** ghi là: *kokāsakajāto*; **Be** ghi: *korakajāto*. **Mp** giải thích rằng: “Cây đã có hoa nụ, miệng còn hé khép, chưa nở bung thành những cánh hoa. (tức sẽ bước sang ‘Giai đoạn nở nụ’).] (1590)

1435 [**Ce** ghi là: *sabbapāliphullo*; **Be** và **Ee** ghi: *sabbaphāliphullo*. **Mp** giải thích rằng: “Cây giờ đã nở hoa toàn diện. (tức sẽ bước sang ‘Giai đoạn nở hoa’).] (1591)

1436 [Ví dụ này không chỉ so ví người đệ tử thánh thiện với cây san hô ở những giai đoạn lá-hoa khác nhau mà còn dùng “tên” của những giai đoạn đó để mô tả những giai đoạn tu-tiến của người đệ tử thánh thiện. Người đó là “một đệ tử

thánh thiện ở [giai đoạn như vậy, như vậy] giống như cây san hô *pāricchattaka* của những thiên thần cõi trời Đao-lợi vậy.” **Ee** bỏ tiếp vĩ ngữ *-va* sau chữ *devānam*, mặc dù nó nhận biết đây là một cách ghi biến thể.

- (Người dịch Việt đã đặt luôn tên ‘Giai đoạn mọc mầm’ ... ‘Giai đoạn nở hoa’ cho gọn rõ trong tiếng Việt, nhưng vẫn giữ nguyên lời mô tả của kinh cuối câu đề trong ngoặc đơn ‘...’.) (1592)

1437 (Người dịch Việt thêm vào các tên (A), (B), (C) để người đọc dễ hiểu.)

1438 [Nghĩa là, theo cách nghe và truyền như vậy, lời hô vang bởi các thiên thần đã truyền từ cõi trời thấp tới những cõi trời cao hơn. Sự hô truyền này cũng có trong phần kết luận của bài thuyết giảng đầu tiên của Đức Phật (kinh Chuyển Pháp Luân). Coi lại cuối kinh SN 56:11.] (1593)

1439 [Tôi đọc theo **Be** và **Ee** là *parisuddhasaṅkhātatarā*, khác với *Ce parisuddhasaṅkhatatarā*. **Mp** giải nghĩa là: “những phẩm chất đó sẽ được thanh lọc và vô nhiễm thậm chí tới một mức độ lớn hơn” (*bhīyyosomattāya parisuddhā bhavissanti nimmalā*), mà tôi nghĩ cách cách giải nghĩa này không “bắt” được nghĩa của chữ *-saṅkhātatarā*. Chữ này có thể có nghĩa là “được biết là, hiện rõ là, được tuyên bố là” và nghĩa này là nghĩa trong lời kinh.] (2594)

1440 [Đây là kinh song hành với kinh SN 22:101, trừ đoạn đầu trong kinh đó.] (1595)

1441 (Ví dụ này cũng giống ví dụ trong kinh SN 45:158.)

1442 [Chỗ này tôi đọc theo **Ee** là chữ *udaraṃ*, khác với **Ce** và **Be** ghi là *uraṃ* (ngưc).] (1596)

1443 [Giống lời các câu ở cuối kinh SN 12:22.] (1597)

1444 [Khi luận giải về kinh 1:53, **Mp** đã thảo luận đầy đủ về đoạn cuối này như sau: “Những Tỳ kheo *bị ói máu tươi* do họ đã phạm vào những tội lớn nặng *pārājika*. Những Tỳ kheo *bỏ tu hoàn tục* là những người đã có phạm vào những tội lớn nhẹ và những giới luật nhẹ. Và những Tỳ kheo đã *chứng thánh quả A-la-hán* nhờ họ đã thanh lọc hành-vi. Bài thuyết giảng của Bốn Sư mang lại phước quả cho tất cả ba loại Tỳ kheo này. [Câu hỏi:] Cứ cho bài thuyết giảng mang lại phước quả cho những người đã chứng được A-la-hán, theo cách nào mà nói nó cũng mang lại phước quả cho những người kia? [Trả lời:] Vì nếu họ

chưa nghe bài kinh này, [loại Tỳ kheo thứ nhất] có thể trở nên lơ tâm phóng dật và khó có thể dẹp bỏ tình trạng hiện tại của họ. (i) Những hành-vi xấu ác của họ càng tăng thêm và kéo họ xuống những cõi dưới đầy khổ đau. Nhưng nếu họ nghe được kinh này, họ sẽ có đầy cảm-nhận về sự cấp-bách. Sau khi dẹp bỏ tình trạng (không tiếp tục phạm tội nặng), một số người đó trở thành những sa-di (sāmaṇera), hoàn thiện 10 giới sa-di, ứng dụng tu tập bản thân với sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), và trở thành bậc Nhập-lưu, bậc Nhất-lai, hay Bất-lai, trong khi đó có một số thì được tái sinh trong những cõi trời. Như vậy bài kinh mang lại phước quả cho những Tỳ kheo thậm chí đã phạm tội lớn nặng (*pārājika*). (ii) Loại Tỳ kheo thứ hai nếu không nghe kinh này thì dần dà họ sẽ phạm vào những tội nặng lớn (*pārājika*) ngoài những tội nhẹ hơn (*saṅghādisesa*, tăng-tàn) mà họ đã phạm phải. Và do vậy họ sẽ bị tái sinh vào những cảnh khổ đau và nếm trải khổ đau kinh khủng. Nhưng nếu họ đã nghe kinh này, cho dù họ nghĩ họ không thể tu thành trong kiếp này nên đã bỏ tu hoàn tục, nhưng họ sẽ vẫn quy y Tam Bảo, tuân giữ 5 giới căn bản, hoàn thiện bổn phận của một đệ tử tại gia, và có thể trở thành bậc Nhập-lưu, Nhất-lai, hay Bất-lai, trong khi một số khác của họ có thể được tái sinh trong những cõi trời. Như vậy là bài kinh cũng mang lại phước quả cho họ.”] (1598)

1445 [Lời bài kinh này nói về những vị thầy từ Sunetta cũng giống như trong kinh **6:54**, chỉ khác là trong kinh **6:54** chỉ nói tới vị thầy thứ sáu tên là Jotipāla (không có Araka). Coi thêm **7:66**, kinh đó chỉ nói riêng về vị thầy tên Sunetta này.] (1599)

1446 (Coi lại chú thích chỗ này trong đoạn (1) của kinh **6:54**: [*Brahmalokasahavyatāya*: tạm dịch là ‘được đồng hành cộng trú với cõi trời (phạm thiên)’. Đây là một cách diễn đạt hơi lạ thường trong kinh văn, cách diễn đạt này cũng xảy ra trong kinh **DN 19.59**. Luận giảng **Sv II 670,13–14** thì nói rằng: “Câu ‘Ông dạy một Giáo Pháp cho những đệ tử của mình để họ đồng hành cộng trú với cõi trời’ có nghĩa là: ông ta giảng đạo để dạy đạo để dẫn tới sự tái sinh và cùng sống chung cõi với vị dẫn tới sự đồng loại với trời Brahmā (Phạm thiên) trong cõi trời *brahma* (phạm thiên giới)” (*sāvakaṇāṇca brahmalokasahavyatāya maggaṃ desesī ti brahmaloke brahmunā sahabhāvāya maggaṃ kathesi*).] (1362).)

1447 (Như chú thích chỗ này kinh **6:54**: [*Một người đã thành tựu chánh-kiến: diṭṭhisampannam*. Đó thấp nhất cũng đã là một bậc Nhập-lưu.] (1363).)

1448 (Như chú thích chỗ này kinh **6:54**: [*Nhà sư Brahmāli đã nhắc tới chú ý đến*

một chỗ dẫn-nhập trong **DOP** (trang 744) đối với danh từ *khanti*² có nghĩa: “*sự tổn thương*”, được cho là xuất phát từ động từ *khaṇati*¹ có nghĩa: “*làm tổn thương, làm bị thương, làm hư hại*”. Chữ này *không phải* là chữ Pāli tương đương với chữ *kṣānti* trong tiếng Phạn [*kṣānti* = *khanti*¹ trong **DOP**] có nghĩa là: “*sự nhẫn nhịn*” hay “*sự chấp nhận*”. **Mp** giải nghĩa chữ *khanti* ở đây là: “*sự đào bới những đức-hạnh của một người*” (*attano guṇakhaṇanam*), nhưng **DOP** thì chỉ ra rằng những luận giảng thường muốn quy kết chữ *khaṇati*¹ (“*làm tổn thương*”) thành chữ *khaṇati*² (“*đào bới*”). Chữ tương đương trong tiếng Phạn là *khanti*² có thể có nghĩa như chữ *kṣhati* xuất phát từ chữ *kṣaṇoti* có nghĩa là: “*làm tổn thương, làm bị thương, gây vết thương*”; coi thêm giảng luận **SED sv** về chữ *kshan*.] (1364.)

1449 [Đối với những người ngoài: *ito bahiddhā*. Ở đây chỉ những người ngoài đạo Phật, những người ngoài đạo, ngoại đạo.] (1365)

1450 [Chỗ này tôi đọc theo **Be** và **Ee** là *yathā ’maṃ sabrahmacārīsu*, khác với **Ce** ghi là *yathā amhaṃ sabrahmacārīsu*. **Ce** ghi chữ *yathā ’maṃ* trong câu tương đương ở kinh **6:54**.] (1600)

- (Coi lại chú thích chỗ câu này của kinh **6:54**: [Câu cuối này **Ce** ghi là *na no āmasabrahmacārīsu*; **Be** ghi *na no samasabrahmacārīsu*; **Ee** ghi *na no sabrahmacārīsu*. **DOP sv** nói chữ *āma*³ có nghĩa “*cùng một nhà; thuộc một nhà*” và cho rằng chữ *āma-sabrahmacārī* (*n*) có nghĩa là “*một tu sinh tôn giáo cùng thuộc một nhà hay một cộng đồng*.” Tuy nhiên đây chỉ là một tham khảo duy nhất, vì dường như trong các bộ kinh Nikāya không có chỗ nào ghi nghĩa này.] (1366).)

1451 [Lời kinh gốc dùng chữ *ratti* (đêm) như cách tính khoảng thời gian 24 giờ, là cách tính phổ biến trong văn chương Phật giáo.] (1601)

1452 [Chữ này đọc theo **Ce** và **Ee** ghi là *kupito*; khác với **Be** ghi là *kapimiddho* (sự ngủ kiêu khi).] (1602)

1453 [Tôi đọc chỗ này theo **Ce** và **Be** ghi là *rattipi saṅkhātā, divāpi saṅkhātā*.] (1603)

1454 [**Sp IV 790,12-20** có ghi rằng: “*Một cách chi tiết* có nghĩa là cùng với cả Vibhaṅga (*Bộ Phân Tích*, thuộc Vi Diệu Pháp Tạng). *Được khéo truyền* có nghĩa được truyền tải, truyền thụ, truyền dạy một cách hay khéo. Để thể hiện

cách chúng được ‘khéo truyền’, người ta nói nghĩa là ‘được khéo phân tách, vân vân’. *Được khéo phân tách* có nghĩa là từng chữ từng điều được phân tích không còn lờ-mờ hay sai-sốt. *Được khéo nắm rõ* có nghĩa là được làm cho thông thuộc, được tụng giảng. *Được khéo quyết định theo đúng những điều luật* có nghĩa là được khéo quyết định theo đúng điều luật được tụng giảng trong Khandhaka (Hợp Phần) và Parivāra (Tập Yếu); *được khéo quyết định theo đúng giảng nghĩa chi tiết* có nghĩa được khéo quyết định, không lỗi, không sai về chữ nghĩa nhờ sự hoàn thiện về từ ngữ và câu chữ.” (*Tattha vitthārenā ti ubhatovibhaṅgena saddhim. Svāgatānī ti suṭṭhu āgatāni. Yathā āgatāni pana svāgatāni honti, taṃ dassetuṃ “suvibhattānī”ti ādi vuttaṃ. Tattha su-vibhattānī ti suṭṭhu vibhattāni padapaccābhaṭṭha- saṅkaradosavirahitāni. Suppavattīnī ti paguṇāni vācuggatāni. Suvinicchitāni suttaso ti khandhaka-parivārato āharitabbasuttavasena suṭṭhu vinicchitāni. Anubyañjanaso ti akkharapadapāripūriyā ca suvinicchitāni akhaṇḍāni aviparītakkharāni.*)] (1604)

1455 [Tôi đọc theo **Be** đơn giản ghi là *vinayadharo* hơn là ghi *bhikkhu vinayadharo* như trong các kinh **7:79–82**. **Ce** có ghi *bhikkhu vinayadharo* trong kinh **7:79** và **7:80**, ở câu mở đầu, nhưng chỉ ghi *vinayadharo* trong kinh **7:80**, trong câu kết thúc, và trong các kinh **7:81–82**. **Ee** ghi *bhikkhu vinayadharo* trong kinh **7:79** (=kinh số **lxxv** trong **Ee**) và chỉ ghi *vinayadharo* trong các kinh **7:80–82** (= bằng các kinh **lxxvi–lxxviii** trong **Ee**.)] (1605)

1456 [Nguyên văn thuật ngữ này: *sammukhāvinaya*. Theo quan điểm của sự giảng giải chi tiết trong Luật Tạng [**Vin II 93,32–100,6**] thì sự diễn dịch như trong **MN** là “*sự loại bỏ bằng cách đối đầu*” là không thỏa đáng.] (1606)

1457 [Để đọc chi tiết về những nguyên-tắc này và cách áp-dụng chúng, mời coi kinh **MN 104.13–20**; Luật Tạng **Vin II 73–104**; đọc **Ṭhānissaro 2007a**: trang 546–561.] (1607)

1458 [**Ee** không tính **NHÓM** này là một nhóm kinh riêng mà chỉ coi nó là phần bắt đầu của **NHÓM** những kinh “*Tóm lược & Lập lại*” tiếp theo bên dưới.] (1608)

1459 [Chỗ này có liên quan với cách chơi chữ, rất rõ trong tiếng Pāli: *bhinnattā bhikkhu hoti*. Những cách chơi chữ cũng giải thích được những nguồn gốc phái sinh của từ ngữ trong những kinh tiếp theo, ví dụ như cụm chữ *samitattā samaṇo hoti*, và *bāhitattā brāhmaṇo hoti*. Những cách chơi chữ này chỉ hoàn toàn “mang tính sư phạm chỉ dạy”, chứ không rõ rệt về mặt từ nguyên.] (1609)

1460 [Mỗi bài kinh trong NHÓM này đều được rút gọn thành một câu từ bản gốc Pāli, nhưng rõ ràng mỗi kinh đều hàm nghĩa đầy đủ bảy yếu tố như đã được nói trong kinh **7:85** kể trên.] (1610)

1461 [Chữ chõ này tôi đọc theo **Ee** là *arīhatattā*. **Ce** ghi là *arahattā*, **Be** ghi *ārakattā*; [ba phiên bản cũng đều ghi chữ này như vậy trong kinh kế tiếp]. (1611)

1462 [Nguyên văn cụm chữ này: *Ārakattā arahā hoti*.] (1612)

1463 [Trong tất cả các phiên bản, NHÓM kinh này không có phần kệ tóm lược (*uddāna*). Từ chõ này trở đi, **Be** không còn đặt tên cho các bài kinh, giống như cách **Ee** mới làm ở trên. Tôi lấy tên các bài kinh theo như **Ce**.] (1613)

1464 (Về bảy sự chứng ngộ hay thánh quả lần lượt trong bài kinh, mời quý vị tham khảo các chú thích trong kinh **7:16**, và trong một số kinh khác.)

1465 [Cả hai phiên bản **Ce** và **Ee** đều không đánh số cho NHÓM kinh này. **Be** thì đánh số nó là NHÓM 11, là liên tục sự đánh số đã được áp dụng cho những NHÓM kinh trước. Tôi đánh số NHÓM kinh này như nhóm thứ 6 trong phần [*Năm Mươi Kinh Thứ Hai*] này.

- **Ce** đánh số các bài kinh từ **(1)–(510)** (giống y dãy số bài kinh trong NHÓM cuối cùng của *Quyển “Sáu”* vậy). **Be** thì đánh số các bài kinh với sự liên tục từ các kinh trong toàn *Quyển “Bảy”*, tức nó đánh số kinh từ **615** tới **1124**. Tôi cũng đánh số các bài kinh theo cách của **Be**.] (1614)